

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐẮK NÔNG**

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT 28

**Thực trạng, phương án phát triển và tổ chức không gian
phát triển kinh tế xã hội, kết cấu hạ tầng KTXH trên địa
bàn Huyện Đắk R'lấp thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

Cơ quan chủ quản: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ đầu tư: Ban QLDA lập Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Đơn vị thực hiện: Liên danh nhà thầu Phân viện Quy hoạch và
Thiết kế nông nghiệp - Viện quy hoạch xây dựng thành phố -
Viện nghiên cứu kinh tế phát triển

Đắk Nông, tháng 09 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Sự cần thiết của nhiệm vụ.....	1
2. Căn cứ xây dựng chuyên đề.....	3
3. Mục tiêu của chuyên đề.....	6
4. Phạm vi thực hiện chuyên đề.....	6
PHẦN I: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	7
1.1. Các điều kiện tự nhiên.....	7
1.1.1. Vị trí địa lý.....	7
1.1.2. Điều kiện địa hình.....	7
1.1.3. Điều kiện khí hậu.....	8
1.1.4. Thủy văn.....	8
1.2. Các nguồn tài nguyên.....	9
1.2.1. Tài nguyên đất.....	9
1.2.2. Tài nguyên rừng.....	10
1.2.3. Tài nguyên khoáng sản.....	10
1.2.4. Tài nguyên nhân văn.....	10
1.3. Đặc điểm dân số, dân cư và nguồn nhân lực.....	11
1.3.1. Tình hình phát triển dân số và phân bố dân cư.....	11
1.3.2. Tình hình nguồn lao động.....	13
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên và xã hội.....	13
1.4.1. Thuận lợi.....	13
1.4.2. Khó khăn.....	14
PHẦN II: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAI ĐOẠN 2011 – 2020.....	16
2.1. Bối cảnh phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020.....	16
2.1.1. Bối cảnh quốc tế.....	16
2.1.2. Bối cảnh trong nước.....	16
2.2. Thực trạng phát triển các lĩnh vực kinh tế.....	17
2.2.1. Thực trạng phát triển lĩnh vực nông, lâm, thủy sản.....	18
2.2.2. Thực trạng phát triển lĩnh vực công nghiệp và xây dựng.....	33
2.2.3. Thực trạng phát triển lĩnh vực thương mại dịch vụ.....	37
2.3. Thực phát triển các lĩnh vực xã hội.....	42
2.3.1. Giáo dục và đào tạo.....	42
2.3.3. Văn hoá, thể dục thể thao.....	45

2.3.4. Lao động, việc làm, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội.....	46
2.3.5. An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.....	47
2.4. Thu chi ngân sách	49
2.5. Xây dựng nông thôn mới và phát triển đô thị.....	50
2.5.1. Kết quả xây dựng nông thôn mới và phát triển đô thị.....	50
2.5.2. Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới.....	52
2.6. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng.....	53
2.6.1. Thực trạng phát triển hệ thống giao thông	53
2.6.2. Thực trạng phát triển nguồn và lưới điện.....	58
2.6.4. Thực trạng phát triển cấu hạ tầng thông tin, truyền thông	61
2.6.5. Hiện trạng nghĩa trang.....	62
2.6.6. Thực trạng phát triển hệ thống thủy lợi.....	62
2.6.7. Hiện trạng kiến trúc đô thị.....	62
2.7. Thực trạng sử dụng đất đai	63
2.8. Thực trạng tổ chức không gian lãnh thổ	66
2.9. Thực trạng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai –	68
2.9.1. Biến đổi khí hậu trên địa bàn	68
2.9.2. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường	68
2.10. Phân tích những hạn chế, tồn tại cần giải quyết	69
2.11. Phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức cho phát triển giai đoạn tới.....	71
2.11.1 Điểm mạnh	71
2.11.2. Điểm yếu	73
2.11.3. Cơ hội	74
2.11.4. Thách thức	75
PHẦN III: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	77
3.1. Dự báo bối cảnh tác động đến phát triển kinh – xã hội Huyện.....	77
3.1.1. Bối cảnh quốc tế.....	77
3.1.2. Bối cảnh trong nước	78
3.1.3. Bối cảnh của vùng và tỉnh.....	79
3.2. Quan điểm và mục tiêu phát triển	81
3.2.1. Quan điểm phát triển	81
3.2.2. Mục tiêu phát triển chung.....	81
3.3.3. Mục tiêu phát triển cụ thể.....	82
3.3. Định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế.....	85
3.3.1. Phát triển lĩnh vực nông, lâm, thủy sản.....	85

3.1.2. Mục tiêu phát triển nông lâm thủy sản.....	85
3.3.2. Phát triển công nghiệp và xây dựng	95
3.3.3. Phát triển thương mại – dịch vụ - du lịch.....	98
3.4. Định hướng phát triển lĩnh vực xã hội	103
3.4.1. Giáo dục và đào tạo	103
3.4.2 Y tế và chăm sóc sức khỏe	105
3.4.3. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao.....	105
3.4.4. Lao động, việc làm, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội	107
3.4.5. An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.....	108
3.5. Xây dựng nông thôn mới và phát triển đô thị.....	109
3.5.1. Định hướng xây dựng nông thôn mới	109
3.5.2. Định hướng phát triển đô thị	109
3.6. Định hướng tổ chức không gian và kết nối lãnh thổ.....	110
3.6.1. Định hướng khung phát triển không gian và kết nối lãnh thổ.....	110
3.6.2. Định hướng bố trí không gian phát triển khu vực đô thị.....	112
3.6.3. Định hướng bố trí không gian phát triển khu vực nông thôn.....	113
3.7. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng gắn với bố trí không gian.....	114
3.7.1. Giao thông	114
3.7.2. Thủy lợi	120
3.7.3. Phát triển nguồn và lưới điện	120
3.7.4. Cấp, thoát nước	121
3.7.5. Thu gom và xử lý rác thải	124
3.7.6. Xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin, truyền thông	124
3.7.7. Nghĩa trang	125
3.8. Phương hướng quy hoạch sử dụng đất đai gắn với bố trí không gian	125
3.9. Phương hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	127
3.10. Danh mục dự án đầu tư và các lựa chọn ưu tiên.....	130
3.11. Các giải pháp thực hiện.....	130
3.11.1. Giải pháp về thu hút nguồn vốn	130
3.11.2. Giải pháp cho phát triển các ngành kinh tế	133
3.11.3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	142
3.11.4. Giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ.....	148
3.11.5. Giải pháp về cơ chế chính sách	149
Phụ lục: Danh mục các dự án cần đầu tư/kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2030.....	151

DANH MỤC BẢNG, HÌNH

Bảng 1.1: Tình hình phát triển dân số giai đoạn 2011 – 2020.....	11
Bảng 1.2: Tình hình phân bố dân cư giai đoạn 2010 - 2020.....	12
Bảng 2.1: Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt	19
Bảng 2.2: Diện tích các loại cây trồng theo nhóm cây	20
Bảng 2.3: Diện tích đất sản xuất một số cây trồng lâu năm chủ lực.....	21
Bảng 2.4: Diện tích đất sản xuất một số cây trồng hàng năm chủ lực.....	23
Bảng 2.5: Năng suất một số cây trồng lâu năm chủ lực	23
Bảng 2.6: Năng suất một số cây trồng hàng năm chủ lực.....	25
Bảng 2.7: Số lượng vật nuôi chủ lực giai đoạn 2010 - 2020	29
Bảng 2.8: Diện tích 3 loại rừng qua các năm giai đoạn 2010-2020	32
Bảng 2.9: Số lượng vật nuôi chủ lực giai đoạn 2011 - 2020	32
Bảng 2.10: Địa bàn nuôi thủy sản qua các năm giai đoạn 2015 -2020 (ha)	33
Bảng 2.11: Số doanh nghiệp và cơ sở sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp	34
Bảng 2.12: Số doanh nghiệp và cơ sở hoạt động trong lĩnh vực xây dựng	37
Bảng 2.13: Số lượng doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh lĩnh vực thương mại.....	38
Bảng 2.14: Số lượng doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh lĩnh vực dịch vụ	39
Bảng 2.15: Tổng số trường học các cấp giai đoạn 2015 - 2021	42
Bảng 2.16: Kết quả thống kê ngành giáo dục và đào tạo.....	43
Bảng 2.17: Kết quả thống kê ngành y tế.....	44
Bảng 2.18: Thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2015 – 2020 trên địa bàn huyện	50
Bảng 2.19: Nguồn vốn huy động xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020	52
Bảng 2.20: Hiện trạng thế thống giao thông huyện Đắk R’lấp năm 2020.....	53
Bảng 2.21: Hiện trạng sử dụng đất giai đoạn 2015-2020 – Đơn vị tính: ha.....	63
Bảng 3.1: Mục tiêu phát triển kinh tế	82
Bảng 3.2: Mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội	82
Bảng 3.3: Các nhóm chỉ tiêu cơ bản để phát triển cấp đô thị loại IV	84
Bảng 3.4: Dự báo nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn Huyện đến năm 2030.....	87
Bảng 3.5: Định hướng diện tích trồng cà phê và năng suất đến năm 2030	88
Bảng 3.6: Định hướng diện tích trồng hồ tiêu và năng suất đến năm 2030.....	88
Bảng 3.7: Định hướng diện tích trồng cây ăn quả và năng suất đến năm 2030	89
Bảng 3.8: Định hướng diện tích trồng cây cao su và năng suất đến năm 2030.....	90

Bảng 3.9: Định hướng diện tích trồng cây điều quả và năng suất đến năm 2030	90
Bảng 3.10: Định hướng đàn bò phân theo địa bàn giai đoạn 2021-2030	92
Bảng 3.11: Định hướng đàn bò phân theo địa bàn giai đoạn 2021-2030	92
Bảng 3.12: Định hướng đàn dê phân theo địa bàn giai đoạn 2021-2030.....	93
Bảng 3.13: Định hướng đàn gia cầm phân theo địa bàn giai đoạn 2021-2030.....	93
Bảng 3.14: Định hướng phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030	94
Bảng 3.15: Quy mô diện tích khu vực các xã 2025-2030.....	95
Bảng 3.16: Dự báo dân số và số lượng học sinh các cấp đến năm 2030	103
Bảng 3.17: Dự báo nhu cầu sử dụng nước giai đoạn 2021-2030.....	121
Bảng 3.18: Định hướng bố trí các trạm xử lý nước thải đến 2030	123
Hình 1.1: Tỷ lệ giới tính dân số giai đoạn 2010-2020	12

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Diễn giải
1	CNTT	Công nghệ thông tin
2	DN	Doanh nghiệp
3	GTNT	Giao thông nông thôn
4	GTVT	Giao thông vận tải
5	KCN	Khu công nghiệp
6	KTXH	Kinh tế xã hội
7	MTQG	Mục tiêu quốc gia
8	MTV	Một thành viên
9	NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
10	QĐ	Quyết định
11	QL	Quốc lộ
12	QPAN	Quốc phòng an ninh
13	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
14	TH	Tiểu học
15	THCS	Trung học cơ sở
16	THPT	Trung học phổ thông
17	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
18	UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của nhiệm vụ

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1942/QĐ-TTg ngày 22/10/2013 là cơ sở để tỉnh định hướng, quản lý điều hành mọi hoạt động phát triển KTXH, phát triển không gian lãnh thổ trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 cũng được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt tại Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 11/03/2009. Đây là cơ sở để Đắk R'lấp định hướng, quản lý các hoạt động phát triển KT-XH, hạ tầng, phát triển không gian lãnh thổ trên địa bàn Huyện. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông và huyện Đắk R'lấp kết thúc vào cuối năm 2020, như vậy cần thiết phải xây dựng lại định hướng, mục tiêu phát triển KTXH, bố trí không gian mới để phù hợp với điều kiện mới của của Huyện nằm trong bối cảnh mới của thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Để tiếp tục phát huy các tiềm năng, lợi thế của tỉnh phù hợp với bối cảnh phát triển mới, đồng thời thực hiện Luật Quy hoạch thì tỉnh đã tiến hành công tác lập “Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Đây là công cụ quan trọng, mang tính chất pháp lý cao, để định hướng, hoạch định phát triển kinh tế - xã hội, phát triển không gian lãnh thổ của tỉnh Đắk Nông trong thời kỳ tới nhằm phục vụ quản lý điều hành của Nhà nước, phục vụ nhân dân và là công cụ để các nhà đầu tư, doanh nghiệp định hướng đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Theo Luật Quy hoạch có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, thay đổi toàn diện hệ thống quy hoạch, trong đó đối với cấp tỉnh chỉ có 01 quy hoạch duy nhất là quy hoạch tỉnh, được tích hợp, tổng hợp tất cả các loại quy hoạch ngành, lĩnh vực, lãnh thổ trên địa bàn, bao gồm tất cả các phương án phát triển KT-XH, phát triển hạ tầng, bố trí không gian của các Huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.

Đắk R'lấp là đơn vị hành chính cấp huyện thuộc của tỉnh Đắk Nông kể từ năm 2004. Do là huyện miền núi, biên giới đồng thời cũng là cửa ngõ nối liền khu vực Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ nên Đắk R'lấp có vị trí chiến lược quan trọng về phát triển kinh tế và quốc phòng, an ninh của tỉnh Đắk Nông trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới. Mặc dù là huyện nghèo với nguồn thu chủ yếu từ nông,

lâm nghiệp, nhưng hơn 16 năm qua, nhờ có các chính sách quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với các huyện miền núi, biên giới cũng như sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong Huyện, nên Đắk R'Lấp có sự phát triển khá toàn diện, vững chắc, tạo được diện mạo mới.

Trong giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 15,3%, tổng giá trị gia tăng đạt 2.080 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu-thủ công nghiệp và dịch vụ. Cụ thể, lĩnh vực Nông nghiệp tăng 10%, Thương mại – Dịch vụ tăng 25%; Công nghiệp – Xây dựng tăng 32%. Tuy nhiên, trong cơ cấu kinh tế, tỷ trọng ngành nông – lâm – ngư nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao với 49,27%; Thương mại – dịch vụ chiếm 29,18% và Công nghiệp – Xây dựng chiếm 21,56%. Trong giai đoạn 2016-2020, tổng giá trị gia tăng trên địa bàn Huyện đạt 3.800 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 9,6 %. Trong đó, lĩnh vực nông nghiệp chỉ tăng 8,4%; Thương mại dịch vụ tăng 12% và cao nhất là Công nghiệp- Xây dựng tăng 12,8%. Trong cơ cấu kinh tế giai đoạn này, tỷ trọng Nông, lâm nghiệp- thủy sản chỉ còn chiếm 43% trong khi công nghiệp – xây dựng chiếm tỷ trọng 24% và thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng 33%. Nhìn chung, cơ cấu kinh tế Huyện trong giai đoạn 2011-2020 đang dần chuyển dịch theo hướng tỷ trọng ngành nông – lâm – ngư nghiệp giảm và tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ tăng qua các năm. Bên cạnh những thành tựu đạt được về kinh tế - xã hội, huyện Đắk R'lấp vẫn đang đứng trước những tồn tại nhất định đó là: phân bố không gian sản xuất nông nghiệp của Huyện còn dàn trải, chưa tạo thành các tiểu vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh lớn, gắn với tổ chức không gian phát triển của Huyện; tăng trưởng nông nghiệp chủ yếu dựa vào tăng quy mô, mở rộng diện tích canh tác và phát triển theo chiều rộng; sự phát triển công nghiệp của Huyện thời gian qua ngoài dự án bô xít, tập trung chủ yếu vào phát triển công nghiệp chế biến thô và quy mô nhỏ dựa trên nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương; nhiều doanh nghiệp công nghiệp có quy mô nhỏ, thiết bị sản xuất giản đơn, công nghệ chậm đổi mới, năng lực cạnh tranh còn hạn chế nên hiệu quả sản xuất chưa cao; thương mại dịch vụ phát triển vẫn còn rất nhỏ lẻ; đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực cho ngành y tế, giáo dục, văn hóa còn nhiều hạn chế về nguồn vốn và cơ sở vật chất; hệ thống kết cấu hạ tầng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; quản lý đất đai còn nhiều bất cập, nhiều đơn thư khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến đất đai còn tồn đọng, kéo dài, chưa được giải quyết dứt điểm...

Theo Khoản 8 Điều 28 của nội dung quy hoạch tỉnh của luật quy hoạch mới xác định: Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện gồm: a) Xác định phạm vi, tính chất, hướng phát triển trọng tâm của từng vùng liên huyện, vùng huyện; b) Bố trí, sắp xếp hệ thống các thị trấn, trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bố sản xuất và phân bố dân cư tại từng vùng liên huyện, vùng huyện; c) Định hướng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng vùng liên huyện, vùng huyện. Theo đó, ở cấp Huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, không xây dựng Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội riêng mà sẽ xây dựng phương án phát triển kinh tế xã hội gắn với tổ chức không gian phát triển và kết cấu hạ tầng để tích hợp vào quy hoạch của tỉnh. Các phương án Quy hoạch tổng thể, phương án tăng trưởng sẽ được thực hiện ở cấp tỉnh để đảm bảo thống nhất chung cho toàn tỉnh.

Để huyện Đăk R’láp phát triển theo hướng đô thị công nghiệp, thương mại dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao phấn đấu trở thành thị xã trước năm 2030 (đô thị loại IV) và tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng đô thị Đăk R’Láp là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ của tiểu vùng phía Nam tỉnh Đăk Nông và đầu mối giao lưu dịch vụ thương mại với các tỉnh bạn phía Nam thì việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng chuyên đề: **“Thực trạng, phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội, kết cấu hạ tầng KTXH trên địa bàn Huyện Đăk R’láp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”** là hết sức cần thiết để tích hợp vào quy hoạch tỉnh.

2. Căn cứ xây dựng chuyên đề

- Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Pháp lệnh sửa đổi bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22/12/2018;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về việc triển khai Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Đăk Nông đến 2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1942/QĐ-TTg, ngày 22/10/2013;
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk R’láp, tỉnh Đăk Nông đến năm 2020 được UBND tỉnh Đăk Nông phê duyệt tại Quyết định số 349/QĐ-

UBND ngày 11/03/2009.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025.
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đắk R'lấp lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025.
- Nghị quyết số 14/NQ – HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân Huyện Đắk R'lấp về việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của Huyện Đắk R'lấp.

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, các khu, điểm du lịch gắn với giải pháp phát triển sản phẩm, thị trường du lịch (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển dịch vụ thương mại và hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, mạng lưới bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin... (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và xây dựng phương án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và vùng canh tác nông nghiệp ứng dụng CNC (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển các Khu, cụm công nghiệp (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi tỉnh. Thực trạng và phương án phát triển dịch vụ, cơ sở hạ tầng mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, tăng cường năng lực, đổi mới sáng tạo để tiếp cận và vận dụng cuộc cách mạng 4.0 (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao, cơ sở hạ tầng, mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển dịch vụ giáo dục - đào tạo và cơ sở hạ tầng mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021

- 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển, thu hút nguồn nhân lực theo nhu cầu phát triển của tỉnh Đắk Nông (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án tăng cường hợp tác QPAN, KTXH, đối ngoại giữa tỉnh Đắk Nông và tỉnh Mondulkiri/Vương quốc Campuchia (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Nghiên cứu thúc đẩy các mối liên kết kinh tế giữa tỉnh Đắk Nông và các tỉnh khu vực Tây Nguyên, các tỉnh lân cận và các địa phương trọng điểm về kinh tế (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Nghiên cứu giải pháp đặc thù phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư tỉnh Đắk Nông và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và hạ tầng logistics (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Đắk Nông (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án, quan điểm, mục tiêu về lĩnh vực quốc phòng, an ninh; định hướng phát triển vùng, khu vực đặc biệt về quốc phòng, an ninh; cơ sở hạ tầng QPAN (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển ngành kết cấu hạ tầng năng lượng, điện lực, dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương án phát triển ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp thế mạnh của tỉnh Đắk Nông (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời

kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, vùng liên huyện (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Thực trạng và phương hướng bố trí không gian và định hướng phát triển hệ thống đô thị - nông thôn, các phân khu tỉnh Đắk Nông (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

- Chuyên đề Phương án quy hoạch vùng Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông, khoanh vùng bảo vệ các điểm di sản quan trọng và phát triển du lịch công viên địa chất gắn với thiên nhiên, văn hóa vùng di sản (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

3. Mục tiêu của chuyên đề

Thứ nhất, phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và xã hội tác động đến phát triển kinh tế-xã Huyện Đắk R'lấp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

Thứ hai, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng, bố trí phát triển không gian lãnh thổ của huyện Đắk R'lấp giai đoạn 2011-2020.

Thứ ba, xây dựng các định hướng phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng và không gian lãnh thổ huyện Đắk R'lấp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thứ tư, đề xuất các giải pháp về vốn, nhân lực, khoa học công nghệ, cơ chế chính sách, các hạng mục đầu tư và kêu gọi đầu tư để thực hiện các mục tiêu phát triển.

4. Phạm vi thực hiện chuyên đề

Về không gian: nghiên cứu trên địa bàn huyện Đắk R'lấp, đặt trong mối quan hệ tổng thể với tỉnh, Vùng Tây Nguyên và các tỉnh lân cận.

Về thời gian: nghiên cứu thực trạng giai đoạn 2011 – 2020, định hướng các phương án phát triển cho giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

PHẦN I: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Các điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Đắk R'lấp nằm phía Tây - Nam tỉnh Đắk Nông (trung tâm huyện lỵ cách thành phố Gia Nghĩa khoảng 30 km và cách TP. Hồ Chí Minh khoảng 220 km). Huyện Đắk R'lấp nằm ở vĩ độ bắc từ $11^{\circ} 24' 17''$ đến $11^{\circ} 54' 57''$ và kinh độ Đông từ $107^{\circ} 12' 38''$ đến $107^{\circ} 36' 29''$. Địa giới hành chính huyện được xác định như sau: phía bắc giáp huyện Tuy Đức, phía đông giáp thành phố Gia Nghĩa; phía nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía tây giáp tỉnh Bình Phước. Diện tích tự nhiên 63.583,86 ha (kiểm kê 2019). Huyện Đắk R'Lấp là trung tâm phía tây Nam của tỉnh, có Quốc lộ 14, Tỉnh lộ 5, Tỉnh lộ 1 đi qua đã tạo cho Đắk R'Lấp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và là hạt nhân trong phát triển kinh tế - xã hội và đô thị của tỉnh Đắk Nông.

Huyện Đắk R'lấp có diện tích tự nhiên 63.583,86 ha và 11 đơn vị hành chính cấp xã gồm: TT. Kiến Đức và các xã Nhân Cơ, Nhân Đạo, Đạo Nghĩa, Đắk Wer, Đắk Sin, Đắk Ru, Quảng Tín, Hưng Bình, Kiến Thành, Nghĩa Thắng.

1.1.2. Điều kiện địa hình

Địa hình của huyện nhìn chung mang đặc trưng của địa hình vùng cao nguyên, bao gồm chủ yếu là các dãy đồi có mức độ chia cắt khác nhau tùy theo khu vực, hướng dốc chính từ phía Đông - Bắc xuống Tây - Nam. Tuy tỉ lệ diện tích đồi núi nhiều, nhưng tỉ lệ diện tích đất dốc dưới 10% chiếm đến 38%, chủ yếu là khu vực đỉnh triền đồi và các thung trũng giữa các triền đồi. Diện tích đất dốc từ 10 đến 30% là 31,4% (có khả năng xây dựng, nhưng ít thuận lợi). Diện tích đất dốc trên 30% (không thuận lợi cho xây dựng) chiếm 30,6%. Căn cứ vào cao độ phổ biến và mức độ chia cắt, có thể chia thành 2 dạng địa hình chính như sau:

- *Dạng địa hình đồi núi đỉnh bằng lượn sóng*: Phân bố tập trung ở các xã Đạo Nghĩa, Nhân Cơ, Kiến Thành, Đắk Sin và Hưng Bình.

- *Dạng địa hình núi thấp sườn dốc*: Phân bố tập trung ở khu vực phía Nam, bao gồm phần lớn diện tích của các xã: Nhân Đạo, Quảng Tín, Đắk Ru, thị trấn Kiến Đức, Kiến Thành và Đắk Wer.

1.1.3. Điều kiện khí hậu

Huyện Đắk R'lấp chịu ảnh hưởng chung của kiểu khí hậu cao nguyên mát dịu với khí hậu nóng và mưa nhiều của miền Đông Nam Bộ, với những đặc trưng chính sau:

- *Chế độ nhiệt:* nắng nhiều, nhiệt độ đều cao quanh năm trung bình cả năm khoảng 24 - 25⁰C, nhiệt độ tối cao là 29 – 30⁰C, nhiệt độ tối thấp là 20 - 21⁰C. Số giờ nắng trong năm trung bình khoảng 2000 – 2200 giờ/năm. Nhìn chung, biên độ ngày và đêm chênh lệch lớn, vào mùa khô chênh lệch 8 – 10⁰C, hầu như không có bão... Đây là những điều kiện hết sức thuận lợi để nâng cao năng suất cũng như chất lượng và sản lượng của nông sản, đặc biệt là đối với các cây công nghiệp như cà phê, cao su, tiêu, điều...

- *Chế độ mưa:* mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 11 trong năm, lượng mưa trung bình khoảng 2200 – 2300 mm/năm, nhưng phân bố không đồng đều giữa các tháng trong năm. Số ngày mưa nhiều khoảng 156 – 170 ngày/năm. Mùa khô kéo dài từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau với lượng mưa chỉ chiếm gần 10% lượng mưa cả năm, đặc biệt là tháng 1, tháng 2 và tháng 3 hầu như không có mưa, cộng với nhiệt độ không khí cao, gió Đông - Bắc thổi mạnh (trung bình 3,5 – 4,5m/s, cao nhất từ 15 – 16 m/s).

- *Độ ẩm:* huyện Đắk R'lấp là khu vực có độ ẩm không khí khoảng 80%, gây ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng - vật nuôi, những năm hạn nặng nhiều diện tích cây trồng bị chết khô. Vì vậy, việc xây dựng các công trình thủy lợi (hồ chứa nước, đập dâng) để dự trữ và cung cấp nước trực tiếp cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong mùa khô có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện; đồng thời còn có tác dụng điều hoà khí hậu tiểu vùng.

Nhìn chung điều kiện khí hậu ở Đắk R'Lấp khá thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, tuy nhiên lượng mưa trong năm phân bố thất thường. Vào các thời điểm trong năm mưa nhiều gây xói mòn và sạt lở, trong khi đó mùa khô kéo dài, độ ẩm không khí thấp nên dễ gây cháy rừng và thiếu nước cho cây trồng.

1.1.4. Thủy văn

Nhìn chung, mạng lưới sông suối trên địa bàn Huyện phân bố khá đều, tuy nhiên ngắn và có độ dốc cao. Do đó nước thường tập trung nhanh vào những ngày mưa và gây ngập úng cục bộ tại các địa bàn ven sông suối, nhưng về mùa khô thì nhiều suối lại cạn nước do khả năng tích trữ kém. Mạng lưới sông, suối trong huyện khá phong phú bao gồm hai suối lớn như:

- Suối Đắc R'Lấp ở phía Bắc huyện có diện tích lưu vực 55,2 km², lưu lượng dòng chảy biến đổi giữa 2 mùa mưa và mùa khô.

- Suối Đắc R'Tih, bao gồm các nhánh chính như: Đắc R'Tih, Đắc Ka, Đắc keh, chảy về sông Đồng Nai.

- Ngoài ra, trên địa bàn còn có các con suối nhỏ với mật độ phân bố khá dày và đều, nhưng ngắn và dốc, nên nước mưa tập trung về nhanh, đặc biệt là những ngày mưa lớn, đã gây ra tình trạng ngập úng ở một số khu vực thấp trũng, ven sông suối, nhưng về mùa khô nhiều suối thường cạn kiệt.

1.2. Các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

So với các huyện khác trong tỉnh, đất đai của Đắc R'lấp khá tốt, chủ yếu là đất đỏ bazan (88,9%) đất có tầng canh tác dày và khá giàu dinh dưỡng, thích hợp cho trồng cây lâu năm. Yếu tố hạn chế chính là hầu hết phân bố trên địa hình dốc, dễ bị rửa trôi trong mùa mưa, nên quá trình sử dụng cần chú ý các biện pháp bảo vệ đất. Theo kết quả điều tra đất trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, đất đai của huyện Đắc R'lấp khá đa dạng, được chia thành 4 nhóm đất sau:

- *Nhóm đất gley*: chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên, phân bố ở những nơi thấp trũng, khó tiêu thoát nước, đất có màu xám xanh, có phản ứng chua, thích hợp cho trồng lúa nước, nhưng cần chú ý biện pháp thoát thủy, thau chua.

- *Nhóm đất biến đổi*: chiếm 4,2% tổng diện tích tự nhiên, phân bố trên địa hình thấp ven các sông, suối, ngập nước theo mùa hoặc ngập cục bộ theo thời gian, quá trình tích tụ sắt, nhôm diễn ra khá mạnh, đất thường có phản ứng chua. Quá trình sử dụng cần chú ý các giải pháp cải tạo đất.

- *Nhóm đất đỏ*: chiếm 88,9% diện tích tự nhiên, có nguồn gốc chủ yếu từ đá mẹ BaZan; độ chua, độ no bazơ thấp, khả năng hấp thụ không cao, chất dễ hoà tan bị rửa trôi, kết cấu hạt tương đối bền cho nên có thành phần dinh dưỡng khá giàu, tầng đất dày, thích hợp cho cây trồng lâu năm.

- *Nhóm đất xám*: chiếm 4,5% tổng diện tích tự nhiên, phân bố tập trung ở khu vực phía Nam của huyện. Đất có cấu tạo rời xốp, thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình, nhưng nghèo dinh dưỡng và mùn, dễ bị rửa trôi. Đất thích hợp cho trồng rau, màu và cây công nghiệp ngắn ngày và nếu có đủ nước tưới thì có thể phát triển cây ăn trái khá tốt.

1.2.2. Tài nguyên rừng

Theo số liệu kiểm kê đất đai của huyện Đắk R'lấp năm 2020 diện tích đất lâm nghiệp là 13.216,01 ha, chiếm 23,56% tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện. Trong đó: đất rừng sản xuất 746,1 ha, đất rừng phòng hộ là 12.469,9 ha.

Hiện nay, tình trạng độ che phủ rừng ít, đất bị bào mòn rửa trôi, nguồn thủy sinh và khả năng giữ nước của các suối giảm. Vì vậy, tình trạng thiên tai lũ lụt về mùa mưa và hạn hán về mùa khô ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn. Trước tình hình đó huyện cần có giải pháp khắc phục và quản lý tốt vốn rừng hiện có, nhất là khu vực vùng đệm rừng bảo tồn Cát Tiên phía Tây Nam huyện, tăng cường trồng mới, tăng diện tích các loại cây công nghiệp dài ngày như: Cà phê, cao su, tiêu, điều, cây ăn quả, tre măng,... để tăng độ che phủ, góp phần bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên nước, môi trường sinh thái, đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

1.2.3. Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản của huyện Đắk R'lấp khá phong phú. Theo kết quả điều tra nghiên cứu của Liên đoàn Địa chất 6 (cục địa chất và khoáng sản Việt Nam) trên địa bàn huyện Đắk R'lấp có một số mỏ đá có thể khai thác phục vụ xây dựng cơ bản, giao thông, thủy lợi. Đặc biệt quặng bôxít phân bố nhiều tại xã Nhân Cơ, Đạo Nghĩa, Đắk Wer... trữ lượng lớn, đang được đầu tư khai thác và chế biến.

1.2.4. Tài nguyên nhân văn

Trong lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất và con người huyện Đắk R'lấp gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam. Trên địa bàn huyện hiện có 25 dân tộc anh em cùng sinh sống (gồm: dân tộc Kinh, M'Nông, Ê Đê, K'Ho, Sán Dìu, Mạ, Tày, Nùng, Mường, Dao, Thái, Sán Chỉ, H' Mông...) với đặc điểm chung là có truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động, thương yêu đoàn kết giúp đỡ nhau trong đời sống, sản xuất và chiến đấu.

Cộng đồng các dân tộc huyện Đắk R'lấp có tính cố kết cộng đồng bền chặt, với những truyền thống và bản sắc riêng đã hình thành nên nền văn hóa rất đa dạng và phong phú, có nhiều nét độc đáo, giàu tính nhân văn sâu sắc. Sự giàu có, đa dạng của kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian về cơ bản vẫn được bảo tồn và lưu truyền cho đến ngày nay như: Các trường ca, truyện cổ, luật tục (Phát dôi); ngoài ra, trên địa bàn huyện còn phát hiện được nhiều di vật khảo cổ có giá trị như: Các bộ công cụ bằng đá, đồ trang sức bằng đá của người tiền sử tìm thấy ở di chỉ Đắk R'Tih và

di chỉ Kiên Đức; đặc biệt là bộ Goong lú (đàn đá) có niên đại từ Thiên niên kỷ I trước Công nguyên đã tìm thấy tại suối Đắc Kar (thuộc buôn Bù Bir – xã Quảng Tín). Mỗi dân tộc có những nét văn hoá, lễ hội đặc trưng phi vật thể như: Đâm trâu, Mừng lúa mới... gắn với nhiều nghề truyền thống mang tính nghệ thuật cao như: Nghệ thuật tạo hình trên thổ cẩm của người Mường; nghệ thuật thêu, vẽ hoa văn của người Mông, Dao; nghệ thuật tranh trổ trên giấy, chạm khắc bạc, hàng mây, tre đan và đồ trang sức thể hiện sinh động đặc sắc của đời sống tinh thần của mỗi dân tộc.

1.3. Đặc điểm dân số, dân cư và nguồn nhân lực

1.3.1. Tình hình phát triển dân số và phân bố dân cư

Về tăng dân số, đến năm 2020 trên địa bàn huyện có 10 xã và 1 thị trấn với tổng dân số toàn huyện là: 85.879 người và 23.485 hộ, chiếm 13,46% dân số toàn tỉnh. Trong giai đoạn 2010 – 2020, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện giữ ở mức nhỏ hơn 1%/năm, những năm gần đây thường là tăng 0,8-0,9%/năm. Dân số bị biến động cơ học nhiều. Huyện Đắc R’lấp đã và đang có những biến động về dân số và lao động. Nằm trên khu vực có các điều kiện tiềm năng hấp dẫn (mỏ đá quý, quặng Bôxít, tiềm năng du lịch, sản xuất nông lâm nghiệp ...) vì vậy các tác động lớn đến tăng dân số cơ học còn tiếp tục ảnh hưởng đối với toàn huyện.

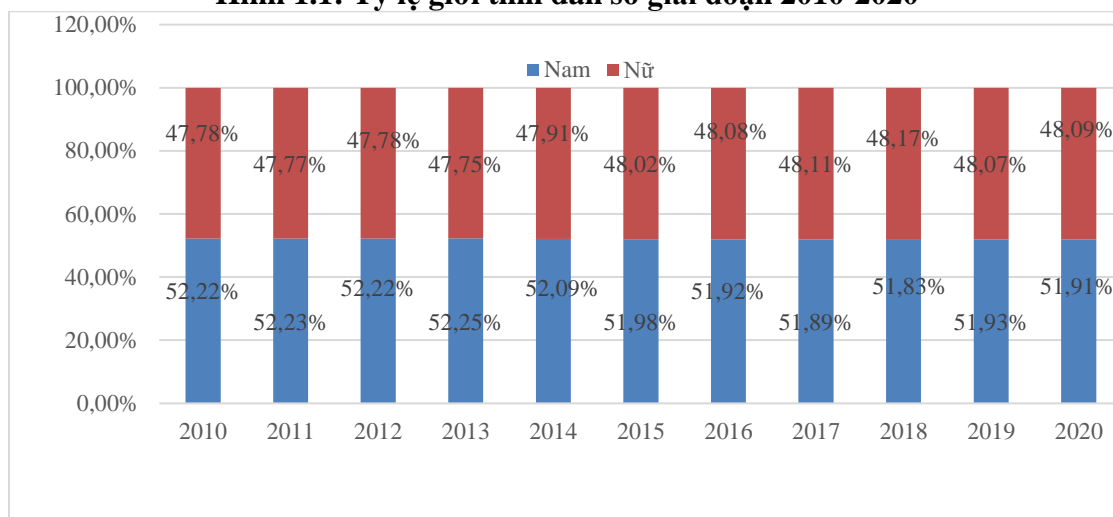
Bảng 1.1: Tình hình phát triển dân số giai đoạn 2011 – 2020

STT	Chỉ tiêu	2010	2015	2020
01	Dân số trung bình (người)	75.146	81.784	85.879
02	Mật độ dân số (người/km ²)	118	129	135
03	Tỷ lệ tăng dân số 2010-2020	1,35%		

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đắc R’lấp – Tuy Đức

Về cơ cấu về giới, trong giai đoạn 2010-2020, cơ cấu về giới tính dân số trên địa bàn Huyện hầu như luôn duy trì ở mức nam cao hơn nữ, với tỷ lệ nam/nữ dao động từ 108-109, đến năm 2020, tỷ lệ dân số nam là 51,93% và tỷ lệ dân số nữ là 48,07%.

Hình 1.1: Tỷ lệ giới tính dân số giai đoạn 2010-2020



Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'lấp – Tuy Đức

Về thành phần dân tộc trong dân cư: thành phần các dân tộc sinh sống trên địa bàn huyện Đăk R'lấp tương đối đa dạng Trên địa bàn huyện hiện có 25 dân tộc anh em cùng sinh sống gồm: dân tộc Kinh, M'Nông, Ê Đê, K'Ho, Sán Diu, Mạ, Tày, Nùng, Mường, Dao, Thái, Sán Chi, H' Mông.... Các dân tộc ít người thống kê đến năm 2020 chiếm khoảng 15% dân số toàn Huyện và phân bố rộng khắp trên địa bàn Huyện.

Về phân bố dân cư giữa các địa bàn trong Huyện, dân số tập trung nhiều nhất ở thị trấn Kiến Đức và xã Nhân Cơ với khoảng 25% dân số toàn Huyện. Mật độ dân cư có sự chênh lệch lớn giữa các xã và thị trấn trên địa bàn. Đến năm 2020, dân số tập trung nhiều nhất ở thị trấn Kiến Đức với mật độ 696 người/km² và dân số sống ở thành thị chiếm 11,31% dân số toàn huyện. Ở địa bàn nông thôn, dân số tập trung đông ở các xã Nhân Cơ, Đăk Wer, Quảng Tín, trong khi các xã Hưng Bình, Nhân Đạo, Đăk Sin, Đạo Nghĩa có mật độ dân số rất thấp, dưới 80 người/km².

Bảng 1.2: Tình hình phân bố dân cư giai đoạn 2010 - 2020

STT	Địa bàn	2010		2015		2020	
		Dân số (người)	Mật độ người/km ²	Dân số (người)	Mật độ người/km ²	Dân số (người)	Mật độ người/km ²
01	TT Kiến Đức	9.113	569	10.382	648	11.155	697
02	Xã Quảng Tín	9.357	177	9.664	182	10.124	191
03	Xã Đăk Wer	6.871	150	8.319	182	8.934	195
04	Xã Nhân Cơ	9.173	201	10.636	233	11.425	250
05	Xã Kiến Thành	6.179	139	6.643	150	7.091	160
07	Xã Nghĩa Thắng	8.330	178	7.921	169	8.071	169

07	Xã Đạo Nghĩa	4.517	76	4.535	76	4.671	79
08	Xã Đăk Sin	7.444	73	7.059	70	7.208	71
09	Xã Hưng Bình	3.383	38	3.399	38	3.522	40
10	Xã Đăk Ru	9.191	137	9.010	134	9.265	138
11	Xã Nhân Đạo	3.294	49	4.216	62	4.408	66

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

1.3.2. Tình hình nguồn lao động

Lực lượng lao động trong độ tuổi của huyện giai đoạn 2010 – 2020 luôn chiếm 70% - 75% dân số trên địa bàn trong suốt giai đoạn và có sự tăng dần theo thời gian. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 10,7% và tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm 89,3%.

Số lao động trên địa bàn huyện làm việc trong các cơ sở kinh tế chiếm tỷ trọng lớn, trong khi số lao động làm việc trong các doanh nghiệp chỉ chiếm chưa đầy 1/3 lao động làm việc trong cơ sở kinh tế. Điều này cũng là phù hợp với thực tế tại địa phương khi mà số lượng doanh nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay vẫn còn tương đối ít và tình hình sử dụng lao động cũng chưa có tính ổn định cao. Tuy nhiên, số lao động đã qua đào tạo trong các năm lại có dấu hiệu khởi sắc với kết quả năm sau luôn cao hơn năm trước trên 10%. Tổng số lao động đang có việc làm trên địa bàn huyện luôn đạt trên 80% so với lực lượng lao động. Cơ cấu lao động dần chuyển dịch theo hướng hiện đại, từ đa số lao động hoạt động trong khu vực nông nghiệp đã chuyển dần sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao và đáp ứng tốt nhu cầu phát triển của địa phương, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo bình quân trong giai đoạn 2015 – 2020 luôn đạt trên 50% so với lực lượng lao động. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52%.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên và xã hội

1.4.1. Thuận lợi

Với những điều kiện địa hình, tự nhiên và xã hội vốn có, huyện Đăk R'láp có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, về vị trí địa lý, Huyện tiếp giáp phía Nam và rất gần thành phố Tỉnh lỵ Gia Nghĩa và là cửa ngõ từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ vào Đăk Nông. Vì vậy huyện có nhiều điều kiện về vị trí địa lý thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư phát triển các nhà máy, xí nghiệp, đa dạng về ngành nghề làm vệ tinh cho Thành phố Gia Nghĩa. Bên cạnh

đó, theo quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt, đô thị Gia Nghĩa mở rộng có bao gồm xã của Huyện là Đắk Wer và Nhân Đạo. Như vậy huyện sẽ được sự quan tâm ưu tiên đầu tư theo chiến lược phát triển chung của tỉnh trong giai đoạn quy hoạch.

Thứ hai, về hệ thống giao thông: so với đa số các địa phương các trong tỉnh thì Đắk R'lấp có sự thuận lợi về giao thông khi là cửa ngõ với các tỉnh phía Nam thông qua quốc lộ 14. Đây là điều kiện thuận lợi để lưu thông hàng hoá hai chiều liên tỉnh, đẩy kêu gọi đầu tư và phát triển công nghiệp. Bên cạnh đó hệ thống giao thông phục vụ vận chuyển cho khu công nghiệp sản xuất Alumin tại Nhân Cơ thuận lợi cho người dân trong lưu thông hàng hóa liên xã, liên huyện.

Thứ ba, về tài nguyên thiên nhiên: nguồn tài nguyên đá và bô xít trên địa bàn Huyện dồi dào, trữ lượng lớn cho khai thác và phát triển công nghiệp khai thác đá, khai thác và chế biến khoáng sản.

Thứ tư, nguồn tài nguyên đất: Quỹ đất của huyện chưa được khai thác còn nhiều, trong đó có đủ để cân đối 3 loại đất giành cho sản xuất: Đất nông nghiệp; đất lâm nghiệp; đất làm công nghiệp, du lịch - dịch vụ. Đặc biệt là các vùng đất hoàn thổ sau khi khai thác bô xít tương đối bằng phẳng, rất thuận lợi cho các dự án phát triển các trang trại nông nghiệp công nghệ cao.

Thứ năm, về điều kiện khí hậu: điều kiện thời tiết, khí hậu, lượng mưa, đất đai, nguồn nước,... tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao. Địa hình, khí hậu, thời tiết cho phép thực hiện đa dạng hoá loại cây trồng. Nhiệt độ cao đều (22-24⁰C), ánh sáng dồi dào quanh năm, tạo khả năng thâm canh, tăng vụ, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản.

Thứ sáu, về nguồn lao động: nguồn lực lao động tương đối dồi dào, việc phân bố dân cư tương đối đều ở khu vực nông thôn nên có khả năng cung ứng lao động tại chỗ, thuận lợi trong công tác ổn định dân cư để củng cố và phát triển kinh tế gia đình nhất là các mô hình trang trại, sinh thái, và xây dựng các mô hình nông nghiệp gắn nông thôn mới.

1.4.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, điều kiện tự nhiên và xã hội tại huyện Đắk R'lấp cũng có nhiều điểm có thể cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của Huyện. Thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, đối với sản xuất nông nghiệp, vào đầu mùa mưa thường xảy ra lốc, tố, mưa đá với cường độ lớn, ảnh hưởng không nhỏ đối với sản xuất nông nghiệp, cây cối, hoa màu, nhất là cây ăn quả. Mặt khác lượng mưa lớn gây xói mòn, rửa trôi, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng ra hoa, thụ phấn, đậu quả của một số cây trồng.

Thứ hai, đặc thù địa hình chia cắt phức tạp, việc lựa chọn khu vực có diện tích tập trung, quy mô lớn để phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung hoặc nông nghiệp công nghệ cao với quy mô đất đai lớn gặp khó khăn.

Thứ ba, đặc thù địa hình có độ dốc lớn khó khăn cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng nhất là san nền và giao thông. Mặt khác, đặc điểm địa hình khá khó khăn cho việc phát triển đô thị và liên kết các khu chức năng với nhau.

Thứ tư, mật độ phân bố dân cư không đồng đều trên địa Huyện, dân số ở khu vực lõi sống tập trung theo hình thái dân cư đô thị, còn lại dân cư rải rác trên khắp địa bàn nhưng tập trung ở một số khu vực có đường giao thông thuận lợi, khó khăn trong việc tập hợp nguồn lao động để phát triển các dự án sản xuất quy mô lớn.

Thứ năm, tỷ lệ lao động có việc làm là tương đối lớn nhưng lượng lao động qua đào tạo vẫn còn thấp so với yêu cầu phát triển, chủ yếu là lao động phổ thông. Đặc biệt là nguồn lao động kỹ thuật và chất lượng cao cho cả khu vực công quyền và tư nhân.

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAI ĐOẠN 2011 – 2020

2.1. Bối cảnh phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020

2.1.1. Bối cảnh quốc tế

Sau khủng hoảng tài chính, kinh tế trên phạm vi toàn cầu 2007-2008, nền kinh tế thế giới phục hồi chậm, những rủi ro và bất ổn trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế ngày càng gia tăng, ảnh hưởng mạnh đến các xu hướng đầu tư, thương mại của các quốc gia.

Liên kết kinh tế quốc tế trên phạm vi toàn thế giới, phạm vi khu vực và các liên kết song phương diễn ra ngày càng mạnh, thúc đẩy các hoạt động đầu tư và thương quốc tế. Tuy nhiên, bảo hộ thương mại và cạnh tranh giữa các nước, đối tác lớn ngày càng gay gắt, ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động thương mại, đầu tư của Việt Nam.

Sự phát triển nhanh của khoa học - công nghệ, đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số đã tác động mạnh mẽ trên nhiều phương diện đến các nước trên thế giới, làm thay đổi các cấu trúc và phương thức hoạt động của nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Những năm cuối thời kỳ 2021-2020, đại dịch COVID-19 đã xảy ra trên toàn cầu, phát ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực trên phạm vi toàn cầu, kinh tế thế giới rơi vào tình trạng suy thoái, ảnh hưởng lớn đến các hoạt động kinh tế - xã hội của Việt Nam.

2.1.2. Bối cảnh trong nước và trong tỉnh

Với bối cảnh trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế đạt khá gắn với chất lượng tăng trưởng và các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện, quy mô và tiềm lực nền kinh tế ngày càng tăng lên, tạo nền tảng tốt cho tăng trưởng các địa phương.

Nhà nước đã có những chính sách đột phá trong quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là các chính sách phát triển kinh tế vùng khó khăn, vùng miền núi và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã tạo nguồn vốn để thúc đẩy phát triển nông thôn và nâng cao đời sống người dân.

Giai đoạn 2011-2020 bắt đầu phát huy các tác động từ việc tham gia vào WTO,

các FTA được ký kết và vận hành ngày càng nhiều, kinh tế quốc gia nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, các hoạt động thương mại, dịch vụ và đầu tư không ngừng phát triển, thúc đẩy phát triển các các lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh.

Những năm cuối thời kỳ 2021-2020, đại dịch COVID-19 đã xảy ra trên toàn cầu và Việt Nam đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế của cả tỉnh tỉnh và Huyện, hàng hóa nông sản khó tiếp cận thị trường tiêu thụ, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn giảm sút nghiêm trọng.

Với bối cảnh nội tại của Đắk Nông và Đắk R'lấp, nền kinh tế của địa phương còn trong tình trạng kém phát triển và tụt hậu so với các tỉnh trong khu vực, kết cấu hạ tầng yếu kém ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và thu hút đầu tư, khả năng huy động nguồn vốn cho đầu tư phát triển kém, mức thu nhập người dân thấp ảnh hưởng đến mức tích lũy đầu tư phát triển trong dân.

Tính chủ động, khả năng hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế khu vực của các doanh nghiệp trong Tỉnh và Huyện còn yếu, trình độ quản lý và điều hành doanh nghiệp chưa theo kịp với kinh tế thị trường, nguồn thu ngân sách còn thấp và thiếu vững chắc, số lượng và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Diễn biến phức tạp của thị trường, bất thường của thời tiết, nguy cơ dịch bệnh ảnh hưởng bất lợi đến phát triển kinh tế và đời sống nhân dân. Sự chống phá của các thế lực thù địch tạo nên những nhân tố mất ổn định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của cả Tỉnh và Huyện trong giai đoạn 2011-2020.

2.2. Thực trạng phát triển các lĩnh vực kinh tế

Trong giai đoạn 1986- 2003, Đắk R'lấp là huyện thuộc tỉnh Đắk Lắk; và trở thành đơn vị hành chính cấp huyện thuộc của tỉnh Đắk Nông kể từ năm 2004. Do là huyện miền núi, biên giới đồng thời cũng là cửa ngõ nối liền khu vực Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ nên Đắk R'lấp có vị trí chiến lược quan trọng về phát triển kinh tế và quốc phòng, an ninh của tỉnh Đắk Nông trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới.

Mặc dù là huyện nghèo với nguồn thu chủ yếu từ nông, lâm nghiệp, nhưng hơn 16 năm qua, nhờ có các chính sách quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với các huyện miền núi, biên giới cũng như sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân

dân các dân tộc trong Huyện, nên Đắk R'Lấp có sự phát triển khá toàn diện, vững chắc, tạo được diện mạo mới.

Trong giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 15,3%, tổng giá trị gia tăng đạt 2.080 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu-thủ công nghiệp và dịch vụ. Cụ thể, lĩnh vực Nông nghiệp tăng 10%, Thương mại – Dịch vụ tăng 25%; Công nghiệp – Xây dựng tăng 32%. Tuy nhiên, trong cơ cấu kinh tế, tỷ trọng ngành nông – lâm – ngư nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao với 49,27%; Công nghiệp – Xây dựng chiếm 21,56%, Thương mại – dịch vụ chiếm 29,18%.

Trong giai đoạn 2016-2020, tổng giá trị gia tăng trên địa bàn Huyện đạt 3.800 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 9,6 %. Trong đó, lĩnh vực nông nghiệp chỉ tăng 8,4%; Thương mại dịch vụ tăng 12% và cao nhất là Công nghiệp- Xây dựng tăng 12,8%. Trong cơ cấu kinh tế giai đoạn này, đến năm 2020, tỷ trọng nông, lâm nghiệp- thủy sản chỉ còn chiếm 43% trong khi công nghiệp – xây dựng chiếm tỷ trọng 24% và thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng 33%.

Nhìn chung, cơ cấu kinh tế Huyện trong giai đoạn 2011-2020 đang dần chuyển dịch theo hướng tỷ trọng ngành nông – lâm – ngư nghiệp giảm và tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ tăng qua các năm. So với tỷ trọng 3 khu vực của toàn tỉnh Đắk Nông năm 2020 lần lượt là 39,11%; 18,33%; 36,22% (thuế sản phẩm trừ trợ cấp 6,33%) có thể thấy rằng Huyện Đắk R'lấp đã đẩy mạnh phát triển các khu vực công nghiệp – xây dựng để định hướng phát triển trở thành đô thị công nghiệp – thương mại dịch vụ trong tương lai.

2.2.1. Thực trạng phát triển lĩnh vực nông, lâm, thủy sản

Trong những năm qua mặc dù thời tiết khí hậu không thuận lợi nhưng ngành nông nghiệp huyện Đắk R'lấp đã có những chuyển biến tích cực. Nhìn chung, sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển cả về quy mô và hiệu quả sản xuất. Kinh tế nông nghiệp hàng năm đã có sự tăng trưởng, chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt. Sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục tăng trưởng tốt, giá trị sản xuất trên một diện tích đất sản xuất có sự tăng trưởng mạnh qua các năm. Đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng cao trong toàn bộ nền kinh tế của Huyện với 43%. Trong toàn giai đoạn 2010-2020, trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất nông lâm thủy sản tại Huyện so với chăn

nuôi và nuôi trồng thủy sản.

2.2.1.1. Thực trạng phát triển ngành trồng trọt

(1) Về giá trị sản xuất trên 1ha đất trồng trọt

Huyện Đắk R’lấp có tổng diện tích đất tự nhiên 63.567,11 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 36.776,4 ha chiếm 57,85% (Phòng Nông nghiệp, 2020). Do chủ yếu là đất đỏ bazan màu mỡ nên thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp dài ngày như cà phê, hồ tiêu, chè, điều, cao su... Xác định sản xuất nông nghiệp vẫn là thế mạnh của Huyện, trong những năm qua ngành nông nghiệp của Huyện đã không ngừng nâng cao giá trị trên diện tích canh tác, phương thức sản xuất chuyên biến theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ, sản phẩm sản xuất theo hướng thị trường, từng bước ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời, sản xuất trồng trọt vẫn tiếp tục tăng, cơ cấu cây trồng từng bước có sự chuyển dịch phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và thị trường tiêu thụ mặc dù bị ảnh hưởng bởi thời tiết khí hậu không thuận lợi.

Hoạt động sản xuất trồng trọt luôn có đóng góp cao nhất cho sự phát triển của ngành nông lâm thủy sản. Trong giai đoạn 2011-2020, giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt đều có sự tăng trưởng qua các năm, trừ năm 2018. Trong năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng bởi đầu ra và giá cả do dịch bệnh Covid-19 nhưng giá trị sản xuất ngành trồng trọt giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt tại Huyện là 83,82 triệu đồng (vẫn hơn so với năm 2019), cao hơn trung bình chung của cả tỉnh và đã tăng 1,08 lần so với năm 2011. Hiện nay, Đắk R’lấp đang đẩy mạnh triển khai 02 đề án tái cơ cấu nền nông nghiệp toàn diện góp phần nâng giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất nông nghiệp.

Bảng 2.1: Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt

Năm	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Giá trị sản xuất huyện Đắk Lắk (triệu đồng)	77,52	86,18	94,77	103,84	74,01	80,65	83,82
Tốc độ tăng (%)	-	11,17	9,97	9,57	-28,73	8,97	3,93

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đắk R’lấp – Tuy Đức

(2) Về loại cây trồng và địa bàn sản xuất

Cây công nghiệp lâu năm là cây trồng chủ lực của huyện Đắk R’lấp, chủ yếu là cà phê, cao su, hồ tiêu, điều và cây ăn quả. Các loại cây ăn như bơ, cam quýt, chôm chôm, sầu riêng cũng được chú trọng phát triển mạnh trong những năm gần đây. Bên

cạnh đó, Huyện vẫn duy trì trồng các loại cây hàng năm như lúa, ngô, khoai lang, sắn (nhưng hầu như giảm mạnh diện tích và sản lượng qua các năm), sản xuất rau an toàn phát triển ổn định qua các năm.

Địa bàn sản xuất nông nghiệp của huyện Đắk R'lấp chủ yếu tập trung tại các xã Đắk Sin, xã Quảng Tín, xã Nghĩa Thắng, xã Đạo Nghĩa, xã Đắk Ru; cụ thể như sau:

- Cà phê được trồng phân tán khắp các địa bàn trong Huyện, tập trung chủ yếu tại địa bàn các xã Quảng Tín, xã Đắk Wer, xã Nhân Cơ, xã Nghĩa Thắng.

- Cây điều được trồng được trồng phân tán khắp các địa bàn trong Huyện, tập trung nhiều tại địa bàn xã Quảng Tín và xã Đắk Ru.

- Cây hồ tiêu được trồng phân tán khắp các địa bàn trong Huyện, tập trung nhiều tại địa bàn xã Nhân Đạo và xã Đắk Sin.

- Cây cao su được trồng phân tán khắp các địa bàn trong Huyện, tập trung nhiều tại địa bàn xã Nghĩa Thắng, Đạo Nghĩa, Đắk Sin và Hưng Bình.

- Cây ăn quả được trồng phân tán khắp các địa bàn trong Huyện, tập trung chủ yếu tại địa bàn các xã Đắk Sin, xã Quảng Tín, xã Nghĩa Thắng.

- Hầu hết diện tích cây lúa đều tập trung tại địa bàn xã Nghĩa Thắng, xã Đạo Nghĩa và xã Đắk Sin.

- Ngô được trồng phân tán khắp các địa bàn trong Huyện, tập trung nhiều tại địa bàn các xã Đắk Sin, Quảng Tín, Hưng Bình, Đắk Ru.

- Khoai lang được trồng chủ yếu tại địa bàn xã Hưng Bình và xã Đắk Ru.

(3) Về diện tích đất sản xuất

Diện tích đất trồng trọt giảm nhẹ trong giai đoạn 2010-2015 (giảm khoảng 0.68%), nhưng giai đoạn 2016-2020, diện tích đất trồng trọt có xu hướng ổn định và tăng nhẹ. Diện tích đất trồng trọt tại thời điểm năm 2020 là 37.116 ha, tăng 2,79% so với năm 2010. Trong đó, diện tích đất trồng cây lâu năm chiếm tỷ trọng lớn 97,51% trong khi đất trồng cây hàng năm chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ với 2,49%.

Bảng 2.2: Diện tích các loại cây trồng theo nhóm cây

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Cây hàng năm (ha)	936	1.320	1.147	1.048	982	977	923
Tỷ trọng (%)	2,59	3,68	3,11	2,83	2,65	2,63	2,49
Cây lâu năm (ha)	35.172	34.542	35.785	36.005	36.071	36.186	36.193

Tỷ trọng (%)	97,41	96,32	96,89	97,17	97,35	97,37	97,51
Tổng số (ha)	36.108	35.862	36.932	37.053	37.053	37.163	37.116

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đắk R'lấp – Tuy Đức

Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm: Cây công nghiệp lâu năm là cây trồng chủ lực của huyện Đắk R'lấp, chủ yếu là cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, cây ăn trái. Hiện cây trồng lâu năm đang được chú trọng đầu tư phát triển và đang có sự chuyển hoá về địa bàn sản xuất phù hợp với điều kiện đất đai, nguồn nước tưới và trình độ phát triển của từng khu vực. Diện tích trồng cây lâu năm bao gồm cà phê, hồ tiêu và cây ăn quả có xu hướng tăng dần qua các năm do có giá trị kinh tế cao hơn các cây trồng hàng năm. Riêng diện tích trồng điều và cao su đang có sự thu hẹp; cụ thể có sự giảm mạnh diện tích trồng điều từ 7.296 ha năm 2010 còn 3.925 ha năm 2020; và có sự giảm nhẹ diện tích trồng cao su từ 7.977 ha năm 2010 còn 5.617 ha năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do năng suất điều liên tục sụt giảm, giá điều thô không ổn định cũng như sự mất giá của cao su khiến cho người trồng gặp khó khăn.

Năm 2020, diện tích trồng cây lâu năm chủ lực là 35.746 ha, chiếm 96,31% diện tích đất trồng trọt của Huyện, tăng hơn 1,02 lần so với năm 2010, trung bình tăng diện tích 0,34%/năm. Một số diện tích cây trồng kém hiệu quả, thiếu nguồn nước đã được chuyển đổi dần sang cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Cụ thể đối với một số cây trồng lâu năm chủ lực như sau:

Bảng 2.3: Diện tích đất sản xuất một số cây trồng lâu năm chủ lực

Đơn vị tính: ha

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Điều	7.296	5.290	5.290	4.353	3.948	3.930	3.925
Cao su	7.977	7.909	7.585	6.776	5.802	5.687	5.617
Cà phê	16.508	17.235	17.632	19.316	19.772	19.842	19.896
Hồ tiêu	3.114	3.367	4.529	4.602	5.682	5.624	5.606
Cây ăn quả	171	314	338	500	518	642	702
Tổng số	35.066	34.115	35.374	35.547	35.722	35.725	35.746

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đắk R'lấp – Tuy Đức

- Cây cà phê: Đất đai, khí hậu của huyện Đắk R'lấp rất thích hợp với phát triển cây Cà phê. Hiện cà phê trở thành cây trồng chính của địa phương và đem lại nguồn thu nhập lớn cho người dân trong Huyện. Trong giai đoạn 2010 - 2020, diện tích cây

cà phê của Huyện liên tục tăng, trung bình tăng diện tích trồng 3,84%/năm. Năm 2020, diện tích trồng cây cà phê là 19.896 ha, chiếm 55,66% diện tích đất trồng cây lâu năm và 53,6% tổng diện tích đang trồng trọt của Huyện.

- *Cây hồ tiêu*: Huyện Đắk R'lấp là địa phương hiện có diện tích hồ tiêu lớn thứ hai của tỉnh Đắk Nông. Do giá cả của cây hồ tiêu tăng đột biến trong giai đoạn 2015 – 2017 nên diện tích cũng tăng nhanh theo. Trong giai đoạn 2010 - 2020, diện tích trồng hồ tiêu của Huyện liên tục tăng, trung bình tăng diện tích trồng 13,27%/năm. Năm 2020, diện tích trồng hồ tiêu là 5.606 ha, chiếm 15,68% diện tích đất trồng cây lâu năm của Huyện. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do giá hồ tiêu giảm xuống thấp nên người dân đã dần chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang trồng cây ăn quả. Từ năm 2019, diện tích trồng hồ tiêu bắt đầu giảm và năm 2020 diện tích giảm 1,34% so với năm 2018.

- *Cây Điều*: Việc phát triển diện tích trồng điều của người dân mang tính tự phát, không tuân theo quy hoạch, khuyến cáo của ngành nông nghiệp tỉnh. Do đó, nhiều nơi diện tích điều sinh trưởng kém, năng suất thấp, thậm chí không cho thu hoạch. Trước thực trạng một số diện tích cây điều già cỗi, thoái hóa, năng suất thấp, nhiều hộ dân trên địa bàn huyện Đắk R'lấp đã mạnh dạn chuyển đổi sang những cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn như cà phê, tiêu, cây ăn quả. Trong giai đoạn 2010 - 2020, diện tích trồng điều của Huyện liên tục giảm với tỷ lệ trung bình 9,18%/năm. Diện tích cây điều năm 2020 đã giảm hơn 3.371 ha so với năm 2010 và tương đối ổn định diện tích trồng từ năm 2018 đến nay (năm 2020 diện tích trồng điều là 392,5ha).

- *Cây Cao su*: Cao su là một trong những cây trồng chủ lực của Huyện nhưng gần đây hiệu quả kinh tế của cây cao su mang lại không cao do gặp nhiều khó khăn, thách thức bao gồm giá mủ cao su giảm, dịch bệnh, phát triển không đồng đều... Vì vậy, giai đoạn 2010-2020, do người dân có xu hướng dần chuyển đổi sang các loại cây trồng có giá trị khác, diện tích cây cao su của Huyện giảm dần qua các năm với tỷ lệ trung bình 5,33%/năm (so với năm 2010 là 7.977 ha).

- *Cây ăn quả*: Nhóm cây ăn quả còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn Huyện, với nhiều loại cây ăn quả được trồng xen trong các vườn cà phê. Những loại cây ăn quả chiếm diện tích đáng kể, được thống kê diện tích, năng suất, sản lượng bao gồm: Bơ, cam, quýt, chôm chôm, sầu riêng. Trong giai đoạn 2010-2020, diện tích trồng cây ăn quả tăng mạnh với tỷ lệ trung bình 29,35%/năm. Có thể

thấy rằng, năm 2020, diện tích trồng cây ăn quả là 702 ha, tăng gấp 4,1 lần so với năm 2010. Cụ thể, sầu riêng chiếm 60,3%; bơ chiếm 25,2%; chôm chôm chiếm 9,1% và cam quýt chiếm tỷ lệ thấp nhất với 5,4% trong diện tích trồng cây ăn quả.

Đối với diện tích đất trồng cây hàng năm, diện tích trồng giảm mạnh qua các năm do giá trị kinh tế thấp hơn các cây lâu năm. Đến năm 2020, diện tích trồng cây hàng năm là 437 ha, chỉ bằng gần ½ diện tích sản xuất của năm 2015 và giảm 1/3 so với năm 2010, chủ yếu là giảm diện tích đất trồng lúa, khoai lang và sắn. Cụ thể, năm 2020, diện tích trồng lúa giảm 29%; diện tích trồng khoai lang giảm 64%; diện tích trồng sắn giảm 95% so với năm 2015.

Bảng 2.4: Diện tích đất sản xuất một số cây trồng hàng năm chủ lực

Đơn vị tính: ha

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Lúa	62	273	267	254	220	215	193
Ngô	180	235	273	241	230	205	203
Khoai lang	31	74	72	47	43	41	27
Sắn	423	310	217	117	26	22	14
Tổng số	696	892	829	659	519	483	437

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đắk R'lấp – Tuy Đức

(4) Về sản lượng và năng suất

Đối với các loại cây trồng lâu năm, cùng với điều chỉnh về diện tích của các loại cây trồng thì sản lượng sản xuất của các loại cây trồng cũng có sự biến động nhất định. Năng suất các cây trồng có sự thay đổi rõ rệt qua các năm.

Bảng 2.5: Năng suất một số cây trồng lâu năm chủ lực

Đơn vị tính: tấn/ha

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Điều	1,00	0,81	1,19	1,28	1,10	1,48	1,49
Cao su	1,70	1,78	1,89	1,84	1,51	1,65	1,81
Cà phê	1,78	2,19	2,34	2,59	2,63	2,64	2,69
Hồ tiêu	2,10	2,12	2,06	2,14	2,08	2,03	1,94
Cây ăn quả	4,30	4,39	4,06	4,75	4,39	7,00	8,55

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đắk R'lấp – Tuy Đức

- Sản lượng và năng suất cà phê: cùng với sự tăng lên về diện tích trồng cà phê, sản lượng cà phê cũng tăng lên đáng kể. Năm 2020, sản lượng cà phê là 48.270 tấn,

tăng trung bình 9,31% năm kể từ năm 2010 (trong khi diện tích trồng cà phê tăng trung bình 3,84%/năm). Đây là kết quả tích cực đáng ghi nhận của các giải pháp tăng năng suất cây cà phê của Huyện trong thời gian qua. Năng suất cà phê có xu hướng tăng đều qua các năm, đến năm 2020 là 2,69 tấn/1ha, thấp hơn trung bình chung của cả tỉnh nhưng đã có sự cải thiện rõ rệt qua các năm.

- Sản lượng và năng suất hồ tiêu: Năm 2020, sản lượng hồ tiêu là 7.875 tấn, tăng trung bình 4,14% năm kể từ năm 2010. Diện tích trồng hồ tiêu tăng mạnh qua năm nhưng sản lượng những năm gần đây tăng lên tương đối thấp. Do giai đoạn 2018-2020, giá hồ tiêu giảm nên người dân không còn đầu tư nhiều vào các vườn hồ tiêu, làm năng suất giảm đáng kể. Nhìn chung, giai đoạn 2010-2015, năng suất hồ tiêu có sự gia tăng nhưng từ năm 2018 đến nay đã có xu hướng giảm dần qua các năm. Đến năm 2020, năng suất hồ tiêu chỉ đạt 1,94 tấn/1ha, thấp hơn so với năm 2010 (2,10 tấn/ha) và trung bình chung của cả tỉnh.

- Sản lượng và năng suất trái cây: Mặc dù nhóm cây ăn quả còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp nhưng đã được Huyện chú trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Cụ thể, huyện Đắk R'lấp đã tập trung chỉ đạo và phát triển ngành nông nghiệp nông thôn các xã, tổ chức lại sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp để nâng cao thu nhập cho người dân. Qua đó, người dân trên địa bàn đã xây dựng được những mô hình nông nghiệp xen canh cà phê, tiêu và cây ăn quả có giá trị kinh tế mang lại thu nhập cao. Năm 2020, sản lượng cây ăn quả là 3.915 tấn, chủ yếu là sầu riêng, bơ và cam, quýt. Giai đoạn 2010-2020, sản lượng cây ăn quả tăng trung bình với tỷ lệ 64,15%/năm, năng suất được cải thiện rõ rệt qua các năm; cụ thể từ 4,3 tấn/1ha năm 2010 tăng lên 8,55 tấn/1ha năm 2020.

- Sản lượng và năng suất điều và cao su: sản lượng và năng suất của cây điều có sự tăng giảm qua các giai đoạn do có nhiều cây già cỗi, sâu bệnh. Cụ thể, giai đoạn 2010-2015, sản lượng điều giảm 2.234 tấn/năm đồng thời năng suất trồng điều giảm sút 0.19 tấn/ha; nhưng bắt đầu tăng dần trong giai đoạn 2016-2017; và từ năm 2019-2020, sản lượng và năng suất đang tăng cao nhờ việc Đắk R'lấp tăng cường phổ biến khoa học kỹ thuật, phòng bệnh, xây dựng các mô hình trình diễn. Từ năm 2017 đến nay, Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện Đắk R'lấp đã triển khai 20 mô hình thâm canh, tăng năng suất vườn điều tại 20 hộ dân và 10 mô hình trồng mới vườn điều tại 10 hộ. Bước đầu đánh giá, các mô hình đều cho năng suất cao hơn. Trong đó,

các mô hình trồng mới bằng các giống điều ghép gồm AB0508, AB 29, PN 1 thích nghi tốt hơn với biến đổi khí hậu, đậu quả tốt và quả đạt chất lượng cao hơn so với các giống điều cũ, thực sinh.

Sản lượng và năng suất của cao su không ổn định qua các năm do việc phát triển cao su của người dân vẫn theo hướng chưa tập trung. Người dân thường bỏ bê, không đầu tư, chăm sóc khi giá cao su xuống thấp; và khi giá lên thì không thể phục hồi, khai thác hiệu quả; khiến năng suất giảm mạnh trong những năm gần đây. Cụ thể, sản lượng cao su năm 2015 tăng 168% so với năm 2010; nhưng từ năm 2017, sản lượng giảm dần qua các năm với tỷ lệ trung bình là 4,46%/năm; đến năm 2020 sản lượng cao su đạt 10.148 tấn. Giai đoạn 2010-2017, năng suất cao su tăng đều qua các năm với 1,8 tấn/1ha; tuy nhiên năng suất bắt đầu giảm mạnh qua hai năm 2018-2019 với mức trung bình là 1,57 tấn/1ha. Đến năm 2020, năng suất cao su có xu hướng tăng trở lại và đạt 1,81 tấn/ha nhờ thực hiện chủ trương phát triển cao su theo hướng tập trung, gắn vùng nguyên liệu với cơ sở công nghiệp chế biến của Huyện và của Tỉnh.

Đối với các loại cây trồng cây hàng năm, cùng với diện tích gieo trồng giảm mạnh qua các năm, sản lượng sản xuất của các loại cây trồng hàng cũng có sự biến động mạnh. Tuy nhiên, khác với các loại cây lâu năm, do là cây hàng năm nên đối với các diện tích được giữ lại sản xuất, người dân vẫn đầu tư và chăm sóc từng mùa nên dù sản lượng giảm do giảm diện tích nhưng năng suất hầu hết các loại cây trồng đều tăng qua các năm trừ sắn. Trong đó, giai đoạn 2010-2020, năng suất sản xuất lúa tăng trung bình 21,68%; năng suất sản xuất ngô tăng trung bình 17,43%; năng suất sản xuất khoai lang tăng trung bình 4,8%; năng suất sản xuất sắn giảm trung bình 4,09%. Năm 2020, năng suất sản xuất lúa đạt 66,6 tạ/1ha, năng suất sản xuất ngô đạt 56 tạ/ha, năng suất sản xuất khoai lang 107,1 tạ/ha, và năng suất sản xuất sắn đạt 132,1 tạ/ha.

Bảng 2.6: Năng suất một số cây trồng hàng năm chủ lực

Đơn vị tính: tạ/ha

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Lúa	27,1	58,8	58,4	57	61,2	61	66,6
Ngô	26,6	52,8	53,7	52,8	53,1	56,2	56,0
Khoai lang	82,3	82,4	77,9	93,2	92,1	97,6	107,1
Sắn	175	146,5	145,6	120,9	120	120,5	132,1

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

(5) Về mô hình hợp tác – trang trại trong sản xuất trồng trọt

Thời gian qua, huyện Đăk R’láp luôn chú trọng đến việc hỗ trợ, khuyến khích thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã, tạo cơ chế chính sách để các doanh nghiệp đầu tư, liên kết với nông dân phát triển sản xuất, đầu tư chế biến nông sản.

Đến năm 2020, các hình thức kinh tế hợp tác đã phát triển đáng kể, với kết quả cơ bản như sau:

- Đối với hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã, Huyện đã triển khai hỗ trợ thành lập các hợp tác xã nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp liên kết chuỗi giá trị, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện. Đến năm 2020, toàn huyện có 29 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, 10 tổ hợp tác. Trong đó, có 10 HTX hoạt động hiệu quả; 12 HTX hoạt động cầm chừng, không hiệu quả đang chờ giải thể; và 07 HTX nông nghiệp thành lập mới năm 2020. Quy mô vốn của HTX từ vài trăm triệu đến hàng trăm tỷ đồng. Một số HTX có vốn lớn như: HTX nông nghiệp thương mại dịch vụ Gia Phát Đạt có quy mô vốn 800 tỷ đồng; HTX Đồng Tiến Đăk R’láp có quy mô vốn gần 300 tỷ đồng, HTX Quyết Tâm xã Đăk Sin có quy mô vốn 840 triệu đồng; trong đó có một số hợp tác xã tiêu biểu hoạt động hiệu quả như HTX Đồng Tiến Đăk R’láp... Huyện cũng đã tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn; thực hiện hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho HTX Trường Thịnh xã Hưng Bình.

Thực tế hiện nay, một số hợp tác xã trên địa bàn đã quảng bá được một số sản phẩm của địa phương tạo thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp của Huyện như Hồ tiêu của Hợp tác xã Hồ tiêu Hữu cơ Đồng Thuận, xã Nhân Cơ; Hồ tiêu của Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Thuận Phú Đăk R’láp; sản phẩm chanh dây của HTX Nông nghiệp Thịnh Vượng.... Các tổ hợp tác vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản ổn định, có sự phối hợp với các đơn vị chuyên môn và triển khai một số liên kết với các công ty trong sản xuất, tuy nhiên liên kết còn kém bền vững, việc liên kết trong sản xuất cũng như việc hình thành các THT, nhóm đồng sở thích để sản xuất đối với các loại cây trồng trên địa bàn mặc dù từng bước được chú trọng những vẫn còn hạn chế. Các HTX, THT có quy mô nhỏ, thiết bị công nghệ lạc hậu và hoạt động cầm chừng, chưa có các hình thức liên doanh, liên kết khu vực HTX, THT với các tổ chức doanh nghiệp; Việc tiếp cận các nguồn vốn vay đối với các HTX, THT còn gặp nhiều khó khăn.

- *Đối với phát triển trang trại*, trên địa bàn Huyện có khoảng 400 cơ sở sản xuất, trồng trọt theo quy mô trang trại. Mặc dù quy mô trang trại chủ yếu nhỏ và vừa nhưng có nhiều trang trại đã áp dụng hiệu quả tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, đầu tư sản xuất theo chiều sâu đạt tiêu chuẩn VietGap, kết hợp nông nghiệp với du lịch đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Cụ thể, 05 trang trại nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện Đăk R'lấp đã thống nhất việc đầu tư xây dựng. Ngoài ra, có hơn 100 ha tiêu được người dân trên địa bàn tham gia chương trình liên kết và mô hình sản xuất tiêu sạch và hơn 5.000 ha cà phê tham gia liên kết với các doanh nghiệp sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn quốc tế. Điều này đã mang lại hiệu quả kinh tế cao khi chi phí đầu vào thấp hơn, năng suất cây trồng đạt cao, ổn định và đặc biệt là ít ảnh hưởng đến sức khỏe của những người lao động trực tiếp.

Huyện Đăk R'lấp đang tập trung nhiều giải pháp để triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) từ năm 2020. Với nhiều lợi thế trong ngành Nông nghiệp, Huyện đặt mục tiêu là phải có nhiều sản phẩm đạt OCOP trong thời gian tới... Đến nay, huyện đã lựa chọn được 4 sản phẩm của 3 đơn vị để tham gia đánh giá OCOP cấp tỉnh (đạt mục tiêu đề ra). Các sản phẩm được chọn gồm 2 sản phẩm cà phê của Doanh nghiệp tư nhân Toàn Hằng; hạt điều rang muối của Công ty TNHH Hồng Đức và nấm linh chi đỏ của Cơ sở sản xuất nấm linh chi Dững Toàn. Kết quả này cho thấy sản xuất theo mô hình trang trại đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo giá trị gia tăng cao hơn cho các sản phẩm trồng trọt.

(6) Về chuyển đổi cơ cấu cây trồng và ứng dụng khoa học trong trồng trọt

Trong những năm qua, việc phát triển, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới tiên tiến phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được những kết quả đáng khích lệ nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp. Các doanh nghiệp và nông dân trên địa bàn Huyện đã thực hiện chuyển đổi giống cây trồng có giá trị thấp sang giá trị cao cũng như áp dụng các mô hình sản xuất có tính chuyên môn hóa cao, các kỹ thuật mới trong trồng trọt. Đây là nền tảng giúp kinh tế nông thôn của huyện Đăk R'lấp phát triển theo hướng chất lượng cao và gia tăng giá trị.

Trên địa bàn huyện Đăk R'lấp đang có khá nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp áp dụng kỹ thuật tiên tiến, mang lại năng suất cao, đạt các tiêu chuẩn, chứng nhận đối với sản phẩm nông sản. Cụ thể, mô hình vườn sầu riêng ở xã Nhân Cơ nhờ đầu tư bài bản từ khâu chăm sóc đến phòng bệnh nên phát triển ổn định, năng suất bình quân đạt

gần 1 tạ quả/cây và đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm. Đồng thời, mô hình trồng dưa lưới trong nhà kính với diện tích 14.000m² cũng đã được hình thành.

Nhìn chung, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt trên địa bàn Huyện trong thời gian qua có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, triển khai công tác tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Do đó, có sự chuyển dịch mạnh trong cơ cấu cây trồng từ cây có giá trị thấp sang cây trồng giá trị cao, phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và thị trường tiêu thụ. Trong đó, diện tích các loại cây hằng năm giảm mạnh và tăng diện tích sản xuất với các cây lâu năm có giá trị cao (cây ăn quả, cà phê).

Thứ hai, sản xuất nông nghiệp vẫn còn manh mún, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vẫn còn phụ thuộc nhiều vào thương lái.

Thứ ba, có sự chuyển dịch mạnh trong liên kết sản xuất theo các hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác, sản xuất lớn với quy mô trang trại, liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao để nâng cao chất lượng, gắn chứng nhận sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP GlobalGAP, OCOP để định vị sản phẩm trên thị trường và giá trị sản phẩm nông sản; mặc dù việc nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, các chuỗi liên kết trong sản xuất còn hạn chế; số doanh nghiệp, trang trại ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất còn ít.

2.2.1.2. Thực trạng phát triển ngành chăn nuôi

Kinh tế nông nghiệp hàng năm của Huyện đã có sự tăng trưởng, chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt. Tuy nhiên, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đóng góp khiêm tốn trong giá trị sản xuất toàn ngành nông lâm thủy sản (từ 7-8%). Trong bối cảnh chung của cả nước và khu vực, mặc dù ngành chăn nuôi của Huyện trong thời gian qua chịu sức ép của các loại dịch bệnh, song đã không ngừng đẩy mạnh các dịch vụ kỹ thuật chăn nuôi, các khâu lai tạo giống, cung ứng giống mới, tư vấn hướng dẫn đã được quan tâm. Huyện cũng đã có những giải pháp mạnh mẽ, kịp thời để ổn định hoạt động chăn nuôi và tái đàn. Cụ thể, bảo đảm môi trường chăn nuôi an toàn, kiểm soát mầm bệnh xâm nhập, phát sinh cũng như thực hiện có hiệu quả khâu giám sát hoạt động vận chuyển, mua bán, giết mổ động vật; và phát triển mạnh các loại hình chăn nuôi trang trại quy mô lớn để tăng năng suất. Chất lượng đàn gia súc, gia cầm, cá nước ngọt từng bước phát triển ổn định.

(1) Về vật nuôi và vùng nuôi

Vật nuôi chủ yếu trên địa bàn Huyện là heo, dê, cừu, bò, và gia cầm. Bên cạnh một số trang trại chăn nuôi theo mô hình tập trung với quy mô lớn, vẫn còn tình trạng phân tán theo quy mô hộ gia đình khắp các địa bàn, chủ yếu tại các xã Nhân Cơ, xã Kiến Thành, xã Hưng Bình, và xã Quảng Tín. Ngoài ra, Huyện còn phát triển chăn nuôi các loài đặc sản cung cấp cho hệ thống nhà hàng, khách sạn để loại bỏ sản phẩm thú rừng và phục vụ khách du lịch như thỏ, nhím, gà Đông Tảo, bò câu Pháp tại xã Đắc Sin và xã Đắc Ru.

(2) Về số lượng vật nuôi

Đối với đàn trâu, bò, dê. Số lượng đàn trâu giảm chỉ còn 126 con năm 2020 so với 222 con năm 2010. Đối với đàn bò, số lượng bò tăng mạnh trong giai đoạn 2010-2017 với tốc độ bình quân 12,69%/năm; nhưng từ năm 2017 đến nay, số lượng bắt đầu giảm đáng kể. Tại thời điểm năm 2020, đàn bò đạt 2.999 con giảm 24,34% so với năm 2017. Tương tự, số lượng đàn dê, cừu cũng phát triển không ổn định, có sự giảm mạnh trong giai đoạn 2010-2016. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2017, số lượng đàn tăng dần qua các năm và quy mô đàn dê năm 2019 đạt 2.626 con, tăng gấp 3,9 lần so với năm 2016.

Đối với đàn heo, trong giai đoạn 2010-2015, đàn heo có xu hướng tăng mạnh qua các năm, trung bình 8,65%/năm. Giai đoạn 2016 – 2020, số lượng đàn heo không ổn định do dịch bệnh và tiêu thụ kém. Cụ thể, năm 2016, số lượng đàn heo chỉ còn 19.944 con giảm 23,47% so với năm 2015. Đến năm 2020, sản lượng heo đạt 36.664 con (tăng 37,54% so với năm 2019).

Đối với đàn gia cầm, có sự tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2010-2018 với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 18,86%/năm. Cụ thể năm 2018, số lượng gia cầm là 724 ngàn con, tăng gấp 1,95 lần so với năm 2010. Bắt đầu từ năm 2019 -2020, do ảnh hưởng của thiên tai cũng như biến động nhu cầu của dịch bệnh Covid-19, số lượng gia cầm giảm đáng kể, năm 2020 giảm chỉ còn 126.680 con.

Bảng 2.7: Số lượng vật nuôi chủ lực giai đoạn 2010 - 2020

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Trâu	222	270	129	99	109	104	126
Bò	3.185	2.210	3.202	3.964	3.559	3.596	2.999

Dê, Cừu	2.158	763	672	1.537	2.320	2.626	1.981
Heo	18.191	26.060	19.944	28.799	26.349	26.641	36.644
Gia cầm	371.820	427.420	430.360	527.860	724.000	683.640	126.680

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

(3) Về chuyển đổi cơ cấu vật nuôi và ứng dụng khoa học trong chăn nuôi

Chuyển dịch cơ cấu trong chăn nuôi có chiều hướng phát triển, bên cạnh duy trì phát triển thế mạnh trong chăn nuôi heo và gia cầm, Huyện cũng đã chuyển đổi sang phát triển đàn gia súc ăn cỏ, các loài đặc sản phục vụ nhà hàng. Cụ thể, số lượng đàn dê cũng tăng đáng kể do hiệu quả kinh tế cao, chi phí đầu tư thấp, ít gây ô nhiễm môi trường, đầu ra dễ dàng, không cạnh tranh thực phẩm và mang lại hiệu quả cho người chăn nuôi.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng được định hướng phát triển quy mô lớn, bảo đảm các yếu tố về an toàn sinh học. Trong đó, Huyện từng bước hạn chế, loại bỏ chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ, hướng đến trang trại, công ty và được đầu tư bài bản. Sản phẩm chăn nuôi của Huyện cung ứng ra thị trường đạt chất lượng, bảo đảm an toàn sức khỏe cho người sử dụng. Cụ thể, Huyện đã phát triển chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm theo hướng tập trung trang trại lớn kết hợp với trang trại vừa và nhỏ; gắn với chế biến sản phẩm và xử lý chất thải; và khai thác có hiệu quả các diện tích chuyển sang chăn nuôi, thủy sản và trồng cỏ phục vụ cho chăn nuôi. Ngoài ra, mô hình kết hợp chăn nuôi với trồng trọt đã mở ra hướng đi mới bền vững hơn cho nông dân ở địa phương. Toàn huyện hiện có 5 HTX đang sản xuất theo hướng liên kết ở các lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm... trong vườn cà phê, điều, hồ tiêu, và mang lại hiệu quả kinh tế cao, điển hình như mô hình của HTX Nông nghiệp Toàn Phát ở xã Quảng Tín.

Về kỹ thuật chăn nuôi, thời gian qua, nhiều nông dân trên địa bàn Huyện cũng đã mạnh dạn đầu tư lớn đi đầu ứng dụng khoa học kỹ thuật mang lại hiệu quả kinh tế cao. Điển hình là hợp tác xã Đồng Tiến, xã Đăk Sin, huyện Đăk R'láp, thành lập năm 2012. Đến nay hợp tác xã này đã đầu tư hơn 78 tỷ đồng để xây dựng trang trại nuôi 1.800 con heo cái sinh sản, mỗi tháng xuất trại khoảng 3.000 con heo con giống. Trang trại được đầu tư theo mô hình khép kín, hiện đại, có hai khu vực riêng biệt dành cho heo nái và heo con đã cai sữa. Hợp tác xã đầu tư trang trại máy tự động điều hòa hơi nước để điều hòa gió và nhiệt độ thích hợp nhằm đảm bảo môi trường sống cho heo

phát triển tốt. Đặc biệt, chuồng trại được cách ly với bên ngoài, được khử trùng để phòng chống dịch bệnh. Bên cạnh đó, Huyện cũng đã đẩy mạnh việc nâng cấp chuỗi giá trị con bò, từ khâu chọn giống đến nâng cao kỹ thuật chăn nuôi. Mô hình nuôi bò vỗ béo, nuôi bò thịt đang được nhân rộng, bước đầu phát huy khá hiệu quả. Đối với gia cầm, áp dụng các quy trình sản xuất theo hướng GAP, sản xuất an toàn sinh học, cải tạo con giống, thức ăn, hệ thống uống nước tự động, tiêm ngừa vaccine theo độ tuổi nuôi đã làm giảm chi phí sản xuất.

2.2.1.3. Thực trạng phát triển ngành lâm nghiệp

Huyện Đắk R'lấp hiện có tổng diện tích tự nhiên là 63.583,1 ha, trong đó diện tích rừng phòng hộ là 12.469,9 ha; rừng sản xuất là 746,1 ha, còn lại là đất không có rừng quy hoạch lâm nghiệp. Trong những năm qua, với vai trò là lực lượng nòng cốt về quản lý, bảo vệ, phòng, chống cháy rừng (PCCR), Hạt Kiểm lâm huyện đã đẩy mạnh tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo vệ rừng, tổ chức tuần tra, truy quét và xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi vi phạm lâm luật, nhờ đó, diện tích rừng trên địa bàn được quan tâm, bảo vệ tốt hơn. Theo báo cáo rà soát điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông, căn cứ theo kết quả kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng hàng năm, diện tích đất lâm nghiệp có rừng trên địa bàn huyện Đắk R'lấp trong giai đoạn 2014 - 2020 có chiều hướng tăng đáng kể. Cụ thể, tổng diện tích đất có rừng năm 2020 là 13.208 ha, với đất rừng sản xuất là 746 ha, đất rừng phòng hộ là 12.462 ha. So với năm 2014, diện tích đất rừng năm 2020 tăng 3,24% (năm 2014, diện tích rừng sản xuất của Huyện là 520 ha, đất rừng phòng hộ là 12.274 ha). Khu vực tập trung nhiều rừng nhất của Huyện hiện nay là xã Đắk Ru (2.947,5 ha), xã Đắk Sin (5.486,51 ha) và xã Hưng Bình (6.988,83 ha).

Ngành lâm nghiệp Huyện tập trung vào nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, giao khoán quản lý diện tích rừng còn lại, đặc biệt là rừng phòng hộ Nam Cát Tiên để bảo đảm nguồn sinh thủy cho các công trình thủy lợi, thủy điện. Hằng năm, Huyện đã triển khai thực hiện chương trình 5 triệu ha rừng kết hợp với chương trình 135 của Chính phủ, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm cho một bộ phận nhân dân, tận dụng quỹ đất để trồng rừng phân tán, xây dựng kinh tế trang trại vườn – rừng, trồng xen các loại cây thích hợp. Giai đoạn 2016-2020, trồng thêm được 445 ha rừng, với tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn Huyện hiện nay đạt khoảng 41,86%, cao hơn bình quân của tỉnh Đắk Nông 3%. Hiện nay, toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên

địa bàn huyện Đăk R'láp do Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên đã phối hợp với chính quyền địa phương, Hạt Kiểm lâm huyện quản lý, bảo vệ.

Bảng 2.8: Diện tích 3 loại rừng qua các năm giai đoạn 2010-2020

Năm	2010	2014	2016	2017	2018	2019	2020
Rừng sản xuất		520			301	301	746
Phòng phòng hộ		12.274			12.860	12.860	12.470
Rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		12.794			13.161	13.161	13.216

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

2.2.1.4. Thực trạng phát triển ngành nuôi trồng thủy sản

Sản xuất thủy sản trên Huyện những năm qua đã có bước tăng trưởng mạnh cả về quy mô, sản lượng cũng như giá trị sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Việc nuôi trồng thủy sản chủ yếu là cá nước ngọt, tập trung tại các xã Đăk Wer, xã Kiến Thành, xã Hưng Bình. Cùng với việc nuôi thủy sản trong các ao hồ, nhiều hộ dân còn tận dụng các diện tích mặt nước lòng hồ thủy điện, thủy lợi để phát triển sản xuất đem lại mức sản lượng khá lớn. Giá trị sản xuất/1ha mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng mạnh qua các năm trong giai đoạn 2011-2017, sau đó giảm trong năm 2018 và có xu hướng cải thiện trong những năm gần đây. Năm 2020, giá trị sản phẩm/1ha mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 143,38 triệu đồng, tăng 103,14 triệu đồng so với năm 2011.

Bảng 2.9: Số lượng vật nuôi chủ lực giai đoạn 2011 - 2020

Năm	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Diện tích nuôi (ha)	152,0	161,7	159,7	172,0	200,0	201,0	202,6
Giá trị sản xuất/1ha	47,24	47,73	111,01	117,60	111,41	119,41	149,38
Tăng trưởng giá trị sản xuất (%)	-	1,04	132,58	5,94	-5,26	7,18	25,10

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

Diện tích mặt nước dùng vào nuôi trồng thủy sản tăng từ 161,7 ha (2015) tăng lên 202,6 ha năm 2020. Nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi cá nước ngọt, phân bố khắp các địa bàn trong Huyện, chủ yếu tập trung nhiều tại các xã Đăk Wer (47 ha), xã Kiến Thành (35,9 ha) và xã Nhân Cơ (26,3 ha) và Hưng Bình (22,9ha).

Bảng 2.10: Địa bàn nuôi thủy sản qua các năm giai đoạn 2015 -2020 (ha)

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
TT Kiến Đức	2,6	2,6	2,6	2,6	3	3,6
Xã Quảng Tín	16,9	16,9	18,9	18,9	19	17,8
Xã Đăk Wer	28,2	26,2	34,2	47,2	46,4	47
Xã Nhân Cơ	17,8	17,8	17,8	17,8	19,8	26,3
Xã Kiến Thành	24,2	24,2	24,2	39,2	39	35,9
Xã Nghĩa Thắng	13,2	13,2	13,2	13,2	13,4	6,3
Xã Đạo Nghĩa	6,1	6,1	6,1	6,1	6,1	6,2
Xã Đăk Sin	9,3	9,3	9,3	9,3	9,5	12,8
Xã Hưng Bình	22,7	22,7	25,7	25,7	24,3	22,9
Xã Đăk Ru	7,7	7,7	7	7	7	9,9
Xã Nhân Đạo	13	13	13	13	13,5	13,9
Tổng số	161,7	159,7	172	200	201	202,6

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

2.2.2. Thực trạng phát triển lĩnh vực công nghiệp và xây dựng

2.2.2.1. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Các hoạt động khuyến công đã có vai trò quan trọng trong hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời kịp thời khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Thêm nữa, đã góp phần hình thành bền vững chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm nông sản, sản phẩm công nghiệp nông thôn địa phương. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tư nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ, khẳng định được vai trò trong nền kinh tế, với các thành phần kinh tế đa dạng, thu hút lao động, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, lĩnh vực công nghiệp – xây dựng hiện mới đóng góp 24% trong cơ cấu kinh tế của toàn Huyện, sau lĩnh vực nông, lâm nghiệp – thủy sản (43%) và thương mại – dịch vụ (33%).

Về số lượng doanh nghiệp, đến năm 2020, toàn Huyện có 266 doanh nghiệp ở tất cả các lĩnh vực, chiếm 19,25% số doanh nghiệp của toàn tỉnh. Số doanh nghiệp năm 2020 đã tăng gấp 3,33 lần so với năm 2010 và tăng trung bình 11,05%/năm. Trong số

đó, số doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp chiếm 15,41% tổng số doanh nghiệp toàn Huyện và chiếm 56,16% tổng số doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng. Số lượng doanh nghiệp công nghiệp cũng không ngừng tăng mạnh qua các năm, năm 2020 đã gấp 3,41 lần so với năm 2010, và gấp 2,05 lần so với năm 2015, trung bình tăng 19,01%/năm.

Bảng 2.11: Số doanh nghiệp và cơ sở sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số DN toàn Huyện	80	161	186	183	190	245	266
Số DN công nghiệp & xây dựng	16	30	29	29	33	63	73
Số DN công nghiệp	12	20	18	18	20	36	41
<i>DN Khai khoáng</i>	4	5	3	2	2	4	4
<i>DN Chế biến, chế tạo</i>	8	12	12	14	16	30	35
<i>DN SX điện, khí đốt, nước</i>	0	3	3	2	2	2	2
Cơ sở tiểu thủ công nghiệp	298	269	300	405	431	447	436

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

Về cơ cấu doanh nghiệp công nghiệp, đối với cơ cấu ngành nghề, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến, chế tạo chiếm phần lớn, với tỷ trọng từ 60-85% qua các năm. Số lượng còn lại là các doanh nghiệp công nghiệp còn là khai khoáng và sản xuất điện, khí đốt, nước.

Về số lượng cơ sở tiểu thủ công nghiệp, đến năm 2020, trên địa bàn Huyện hiện có 447 cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. Một số cơ sở sản xuất sản xuất, kinh doanh điện công nghiệp, vật liệu xây dựng đã mạnh dạn đầu tư trang thiết bị hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các cơ sở sản xuất này là tiền đề quan trọng để mở rộng quy mô và phát triển thành doanh nghiệp trong tương lai.

Về quy mô doanh nghiệp công nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn Huyện có quy mô siêu nhỏ và phân tán. Quy mô lao động tại các doanh nghiệp công nghiệp được duy trì đến năm 2019 khoảng 9 người/doanh nghiệp, đến giai đoạn 2019 – 2020, chỉ khoảng 8 lao động/doanh nghiệp. Quy mô vốn đầu tư trung bình của các doanh nghiệp đến năm 2019 khoảng 15,5 tỷ đồng. Doanh thu thuần trung bình của doanh nghiệp đến năm 2019 đạt 8,5 tỷ đồng. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng còn

nhiều khó khăn. Các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp chủ yếu ở dạng sơ chế, đơn giản, hàm lượng công nghệ thấp. Công tác quy hoạch các điểm dân cư, xây dựng các tuyến đường giao thông chậm, ảnh hưởng đến quá trình đầu tư xây dựng điểm kinh doanh, nhà xưởng của các doanh nghiệp.

Về ngành nghề sản và bố trí xuất xuất công nghiệp, Huyện được quy hoạch và đang từng bước trở thành trung tâm về công nghiệp khai khoáng bô xít, phát triển chuỗi giá trị công nghiệp Alumi-Nhôm. Bên cạnh đó, các lĩnh vực công nghiệp chủ yếu phát triển mạnh là cơ khí, chế biến nông sản, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, và đồ gỗ. Tuy nhiên, hoạt động tổ chức sản xuất còn phân tán, quy mô nhỏ lẻ, một số hoạt động sản xuất ô nhiễm môi trường còn nằm xen kẽ trong khu dân cư. Hiện trạng một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp chủ yếu trên địa bàn Huyện như sau:

- *Công nghiệp khai thác bô xít*: Công nghiệp khai khoáng và chế biến khoáng sản dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, bước đầu khai thác được tiềm năng khoáng sản bô xít vào tăng trưởng, đóng vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế. Huyện đã hình thành định hướng chuỗi công nghiệp Alumin - luyện nhôm và sau nhôm, đưa Nhà máy Alumin Nhân Cơ vào hoạt động từ cuối năm 2016, với công suất ổn định 650 ngàn tấn alumin/năm đạt hiệu quả. Nhà máy luyện nhôm Đắc Nông đang được triển khai xây dựng nhưng chậm tiến độ, chưa chế biến sâu alumin theo định hướng. Các hệ quả về môi trường và xã hội cần có thêm sự đánh giá để có sự điều chỉnh chính sách phù hợp hơn, không lấy lợi ích kinh tế lấn át các lợi ích môi trường và xã hội.

- *Công nghiệp chế biến cà phê*: Huyện tăng cường các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ nhằm phát huy năng lực sản xuất của các Nhà máy biến xuất khẩu, tăng cường liên kết nông hộ - doanh nghiệp theo hướng hàng hóa, gắn với chế biến, tiêu thụ. Bên cạnh đó, Công tác quy hoạch và ổn định vùng sản xuất cà phê được quan tâm đầu tư. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng các giống mới có năng suất và chất lượng cao. Chủ động hướng dẫn người dân triển khai các biện pháp phòng, chống hạn hán, hiện toàn Huyện có 19.842 ha cà phê với sản lượng 46.383 tấn cho công nghiệp chế biến. Bên cạnh đó,

- *Chế biến thức ăn gia súc*: Công tác kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc, gia cầm nhằm tận dụng lợi thế từ nguồn nguyên liệu có sẵn trên địa

bàn Huyện còn gặp nhiều khó khăn do chưa có quy hoạch điểm công nghiệp – tiêu thụ công nghiệp. Hiện nay, trên địa bàn Huyện chỉ có một số cơ sở chế biến, xay xát thức ăn cho gia súc, gia cầm như: xay xát lúa, bắp, sắn,... nhưng ở quy mô nhỏ và thô sơ và chỉ định hướng phục vụ nhu cầu người dân.

- *Chế biến sản phẩm gỗ*: Trên địa bàn Huyện hiện có 03 doanh nghiệp chế biến các sản phẩm mộc dân dụng. Trong những năm gần đây, số lượng cơ sở sản xuất mộc dân dụng (chế biến gỗ) không gia tăng về số lượng sản phẩm sản xuất ra do nguồn gỗ giảm, các cơ sở sản xuất theo thời vụ, một số cơ sở chỉ sản xuất trong những thời điểm mùa khô và cận tết. Thực hiện chính sách đóng cửa rừng của Chính phủ nên các cơ sở chế biến gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đầu vào, giá thành đầu vào cao nên gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh. Các chính sách hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất mộc dân dụng được quan tâm chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi để từng bước mở rộng cơ sở sản xuất, đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất.

- *Công nghiệp khai thác vật liệu xây dựng*: Để đáp ứng nhu cầu xây dựng của Nhân dân, Huyện luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp chế biến, khai thác đá, vật liệu xây dựng phát huy tốt năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hiện trên địa bàn Huyện có 04 doanh nghiệp khai thác vật liệu xây dựng (đá) với tổng trữ lượng mỏ 5.129.245 m³, tổng công suất khai thác đạt 329.000 m³/năm (năm 2020).

- *Sản xuất vật liệu xây dựng*: Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất các loại vật liệu cơ bản, vật liệu trang trí và các loại vật liệu mới góp phần ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm. Các cơ sở sản xuất gạch thủ công đã chủ động, mạnh dạn chuyển đổi mô hình từ sản xuất thủ công sang sản xuất gạch với dây chuyền thiết bị, công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường.

2.2.2.2. *Xây dựng*

Trong giai đoạn 2010 – 2020, lĩnh vực xây dựng đã góp phần đáng kể trong tăng trưởng lĩnh vực công nghiệp – xây dựng của Huyện. Giai đoạn 2016 – 2020, nhiều cơ sở xây dựng chuyển đổi và thành lập doanh nghiệp hoạt động để đáp ứng các yêu cầu về xây dựng các dự án phát triển của Huyện và các địa phương trong tỉnh.

Số lượng doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng không ngừng tăng lên qua các năm, giai đoạn 2010 – 2020, trung bình tăng 30% mỗi năm. Đến năm 2020, số doanh nghiệp xây dựng chiếm 12,03% tổng số doanh nghiệp toàn Huyện và chiếm 43,84%

tổng số doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng. Số lao động làm việc trực tiếp trong các doanh nghiệp xây dựng dao động từ 1.000 – 2.000 lao động tùy thuộc vào thời điểm và mùa xây dựng.

Bảng 2.12: Số doanh nghiệp và cơ sở hoạt động trong lĩnh vực xây dựng

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Số DN xây dựng	4	10	11	11	13	27	32
Cơ sở kinh tế xây dựng	22	-	-	24	24	27	56

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

Các lĩnh vực xây dựng được các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn Huyện thực hiện bao gồm:

- Các công trình chỉnh trang, sửa chữa và xây dựng mới các công trình công cộng, các cơ sở công quyền, các khu thương mại – dịch vụ, công trình thủy lợi trên địa bàn Huyện và các Huyện lân cận.

- Các công trình dân dụng, xây dựng nhà ở trong dân, khu tái định cư, khu dân cư vệ tinh trên địa bàn Huyện và các Huyện lân cận.

- Các công trình xây dựng phát triển nông thôn mới tại các xã trên địa bàn Huyện và các thiết chế hạ tầng, kỹ thuật khác tại Huyện và các địa bàn lân cận.

2.2.3. Thực trạng phát triển lĩnh vực thương mại dịch vụ

2.2.3.1. Thực trạng phát triển thương mại

Thương mại dịch – dịch vụ là lĩnh vực đóng góp lớn thứ hai vào tăng trưởng kinh tế của Huyện và có xu hướng tăng dần qua các năm. Thương mại - dịch vụ trên địa bàn Huyện đã phát triển mạnh cả về số lượng và doanh thu với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Công tác đăng ký, quản lý thị trường, phòng chống gian lận thương mại, chất lượng phục vụ được nâng lên. Số doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ cũng tăng lên đáng kể qua các năm, trung bình giai đoạn 2010-2020, tăng 25,82%/năm. Đến năm 2020 số doanh nghiệp hoạt động trong khu vực chiếm 68,05% tổng số doanh nghiệp toàn Huyện. Tuy thương mại, dịch vụ có tốc độ phát triển nhanh trong những năm qua nhưng nhìn chung hoạt động của các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh còn nhiều hạn chế như về quy mô, năng lực, trình độ quản lý và khả năng thích ứng với thị trường chưa cao. Việc tiếp cận với các nguồn vốn phục vụ kinh doanh của các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh còn gặp rất nhiều khó khăn.

Bảng 2.13: Số lượng doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh lĩnh vực thương mại

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số doanh nghiệp toàn Huyện	80	161	186	183	190	245	266
<i>Số DN thương mại dịch vụ</i>	<i>59</i>	<i>129</i>	<i>155</i>	<i>152</i>	<i>156</i>	<i>170</i>	<i>181</i>
Số DN thương mại	54	120	143	139	140	144	151
Cơ sở kinh tế thương mại	1.728	2.032	2.045	2.379	2.548	2.655	2.535

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

Đối với phát triển thương mại, đến năm 2020, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại chiếm 56,77% tổng số doanh nghiệp toàn Huyện và chiếm 83,43% tổng số doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, tăng bình quân 24,50%/năm. Số cơ sở kinh tế hoạt động trong lĩnh vực thương mại cũng tăng lên đáng kể và chiếm phần lớn trong các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn toàn Huyện. Năm 2020, số hộ kinh doanh thương mại là 2.535 hộ, tăng 46,70% so với năm 2010, tăng bình quân 6,89%/năm. Hoạt động thương mại trong những năm qua phát triển khá ổn định, lưu chuyển hàng hóa thông suốt, đáp ứng phần lớn cung và cầu của xã hội.

2.2.3.2. Thực trạng phát triển dịch vụ

Lĩnh vực thương mại – dịch vụ nói chung và lĩnh vực dịch vụ nói riêng tại Huyện phát triển nhanh cả về số doanh nghiệp, cơ sở, số hộ kinh doanh, tổng mức doanh thu dịch vụ. Đến năm 2020, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chiếm 11,27% tổng số doanh nghiệp toàn Huyện và chiếm 16,58% tổng số doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, tăng bình quân 37,10%/năm. Số cơ sở kinh tế hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cũng tăng lên đáng kể và chiếm phần lớn trong các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn toàn Huyện. Năm 2020, số hộ kinh doanh dịch vụ là 1.865 hộ, tăng 1,92 lần so với năm 2010, tăng bình quân 11,91%/năm.

Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng thương mại dịch vụ phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và sinh hoạt của người dân, trên địa bàn Huyện có 07 chợ và 01 trung tâm thương mại cùng với nhiều nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí được đầu tư và đưa vào hoạt động.

Bảng 2.14: Số lượng doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh lĩnh vực dịch vụ

Năm	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Số doanh nghiệp dịch vụ	5	9	12	13	16	26	30
<i>DN Vận tải kho bãi</i>	2	3	5	6	7	9	10
<i>DN Lưu trú - ăn uống</i>	2	2	1	1	2	4	4
<i>DN Chuyên môn, KHCN</i>	1	3	3	4	4	6	7
<i>DN Giáo dục đào tạo</i>	0	1	2	2	2	2	3
<i>DN Y tế, hoạt động trợ giúp XH</i>	0	0	1		1	1	1
<i>DN tài chính ngân hàng</i>						4	5
Cơ sở kinh doanh dịch vụ	972	1.190	1.202	1.549	1.659	1.777	1.865
<i>Cơ sở vận tải kho bãi</i>	132	109	101	128	136	143	151
<i>Cơ sở lưu trú - ăn uống</i>	519	652	659	851	914	954	995
<i>Cơ sở dịch vụ khác</i>	321	429	442	570	609	680	719

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đắk R'lấp – Tuy Đức

(1) Về phát triển du lịch

Trên địa bàn Huyện với nhiều sông suối, có những thác nước với cảnh quan hùng vĩ có thể xây dựng phát triển thành các khu du lịch sinh thái hấp dẫn, nhiều dân tộc sinh sống với phong tục tập quán đa dạng là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch của địa phương. Huyện và một số vùng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là điểm đến hấp dẫn đối với du lịch, với nhiều thắng cảnh, đồi núi trùng điệp, có nhiều đồi thông, khí hậu mát mẻ, những dòng suối uốn lượn chảy qua địa bàn Huyện.

Trong giai đoạn 2010 – 2020, Huyện đã tập trung nguồn vốn ngân sách và thu hút nguồn vốn xã hội hóa hoàn thiện các tuyến đường giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà đầu tư và du khách tiếp cận các vùng quy hoạch du lịch và điểm du lịch của Huyện, hình thành và phối hợp mở các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng, qua đó quảng bá hình ảnh Huyện nói riêng, tỉnh Đắk Nông nói chung.

Bên cạnh đó, Huyện cũng đã chủ động đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch theo hướng ưu tiên, có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, nhất là đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, điểm du lịch như Thác Diệu Thanh, thác 5 Tầng, bon Pi Nao (xã Nhân Đạo) và Mô hình nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái Phước Sơn (xã Đắk Wer)... tạo sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với tham quan các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có hiệu quả, như vườn cây ăn trái, trang trại, các vùng sản xuất rau an

toàn và hoa trên địa bàn Huyện,... để thu hút du khách. Cùng với đó, Huyện cũng khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở kinh doanh lưu trú và dịch vụ nhà hàng đáp ứng nhu cầu người dân và du khách. Tuy nhiên, do thực tế du lịch trên địa bàn Huyện chưa phát triển mạnh nên sức hút về đầu tư hệ thống nhà hàng - khách sạn chưa thực sự hấp dẫn dẫn, các cơ sở kinh doanh khách sạn, ăn uống quy mô nhỏ, sự phân bố hệ thống nhà hàng - khách sạn chưa phù hợp cho nhu cầu đối với du khách.

(2) Về Phát triển dịch vụ vận tải

Dịch vụ giao thông vận tải đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và hành khách trên địa bàn Huyện. Dịch vụ vận tải ngày càng phát triển nhanh về quy mô và chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận tải hàng hoá của người dân và khách đến Đăk Nông và các địa phương trong cả nước. Đến năm 2020, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải kho bãi là 10 doanh nghiệp, tăng 1-2 doanh nghiệp mỗi năm, số cơ sở vận tải – kho bãi là 151 cơ sở, trung bình tăng 10% số cơ sở mỗi năm. Huyện đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị kinh doanh vận tải khai thác ổn định, hiệu quả, trên địa bàn Huyện có 03 hãng taxi, 03 hợp tác xã vận tải tổng số đầu xe khoảng trên 200 chiếc đảm bảo nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách.

Các doanh nghiệp, chủ phương tiện đã chủ động nâng cao chất lượng các loại hình vận tải, vận chuyển hiện có trên địa bàn Huyện như vận tải xe khách liên tỉnh, taxi, xe buýt, vận tải hàng hóa. Các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh vận tải – kho bãi không ngừng nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa vận chuyển ở nông thôn, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải.

(3) Về phát triển dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm

Hệ thống các ngân hàng, tín dụng nhà nước, tín dụng nhân dân từng bước phát triển, mở rộng về cả quy mô và lĩnh vực đến tận các xã. Hiện nay trên địa bàn có 12 chi nhánh ngân hàng và phòng giao dịch đã tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân vay vốn sản xuất kinh doanh. Tạo nguồn lực quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, hộ gia đình và các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ bảo hiểm đã hoạt động tốt, đa dạng hóa các sản phẩm bảo hiểm; mở rộng mạng lưới đại lý bảo hiểm chuyên nghiệp, các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và các kênh phân phối sản phẩm khác để đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Khuyến khích Nhân dân tham gia các loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện... đảm bảo

an sinh xã hội, đặc biệt cho các đối tượng chính sách, các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

(4) Về phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin

Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển với tốc độ nhanh đáp ứng nhu cầu người sử dụng, chất lượng mạng lưới về cơ bản được hiện đại hoá, chất lượng phục vụ, chăm sóc khách hàng được cải thiện. Mạng lưới thông tin và truyền thông trong thời gian qua phát triển khá tốt, đã đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương, góp phần rất lớn trong phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng trên địa bàn Huyện. Hệ thống bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin đã được đầu tư xây dựng đều khắp trên địa bàn Huyện. Trang thiết bị, máy móc, cơ sở vật chất của ngành bưu chính, viễn thông đã và đang được chú trọng đầu tư đổi mới, hiện đại hóa. Mặt khác, là trung tâm của cả tỉnh, do có đầy đủ các điều kiện về cơ sở hạ tầng bưu chính-viễn thông, kết cấu hạ tầng bưu chính-viễn thông trên địa bàn Huyện là điều kiện tốt nhất so với các đơn vị khác trong tỉnh. Vì vậy, các hoạt động dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn Huyện phát triển khá nhanh. Việc trao đổi thông tin được nhanh chóng, kịp thời, thông suốt đến tất cả các địa bàn trong nước và quốc tế.

Huyện đã tích cực hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính viễn thông trong phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ. Huyện đã phát triển bưu chính viễn thông về nông thôn theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, tạo môi trường cạnh tranh đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của người dân. Thực hiện hệ thống mạng truyền dẫn cáp quang đến 100% các xã, trên địa bàn. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển tại Huyện:

- Dịch vụ bưu chính: gồm có bưu phẩm hoá tốc, tuyệt mật, tối mật và mật (phục vụ cho khối các cơ quan Đảng, chính quyền), dịch vụ bưu chính uỷ thác, bưu phẩm thường trong nước và quốc tế, bưu kiện trong nước và quốc tế, bưu phẩm không địa chỉ, bưu gửi chuyên phát nhanh, bưu gửi phát trong ngày; bưu phẩm thu cước ở người nhận.

- Dịch vụ cộng thêm, gồm: ghi số, máy bay, phát tận tay, phát tại nhà, phát hàng thu tiền (COD), khai giá, phát nhanh (Express), nhận gửi tại nhà, báo phát (AR).

- Dịch vụ tài chính: dịch vụ chuyển tiền gồm có thư chuyển tiền, điện chuyển tiền, chuyển tiền nhanh; tiết kiệm bưu điện; dịch vụ điện hoa, chuyển quà tặng; bảo hiểm nhân thọ.

- Mạng điện thoại và internet: tỷ lệ phủ sóng di động đạt 95%; đường truyền Internet tốc độ cao được cung cấp đến khách hàng không những là các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, đại lý dịch vụ Internet mà còn cung cấp đến tận các hộ dân. Số thuê bao internet đạt 21 thuê bao/100 dân.

2.3. Thực phát triển các lĩnh vực xã hội

2.3.1. Giáo dục và đào tạo

Sự nghiệp giáo dục – đào tạo của huyện Đắk R’Lấp trong giai đoạn 2015 – 2020 tiếp tục được đầu tư, xây dựng và phát triển từ số lượng đến chất lượng, cơ sở vật chất trang thiết bị, các cơ sở giáo dục được quan tâm đầu tư.

Bảng 2.15: Tổng số trường học các cấp giai đoạn 2015 - 2021

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Trường mầm non	15	15	16	16	16	14
Trường tiểu học	23	23	25	24	24	18
Trường THCS	13	13	14	14	14	14
Trường THPT	5	5	5	5	5	5
Tổng	56	56	60	59	59	51
Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	29%	29%	32%	40,6%	44%	54,9%

Nguồn: Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh của UBND Huyện Đắk R’Lấp các năm 2015 – 2020

Tính đến năm học 2019 – 2020, toàn huyện có 59 trường học các cấp, trong đó có 1 trường tư thục với 03 bậc học: Mầm non, Tiểu học, THCS và 01 trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT huyện. Tỷ lệ trường đạt chuẩn tăng dần qua các năm, niên học 2015 – 2016 tỷ lệ trường đạt chuẩn chỉ đạt 29% thì đến niên học 2019 – 2020 tỷ lệ trường đạt chuẩn đã tăng lên 44%. Đến năm học 2020 - 2021, toàn huyện đã sắp xếp lại và giảm 08 trường học công lập (giảm 02 trường mầm non và 06 trường tiểu học). Đến nay, toàn huyện có 51 trường học các cấp; trong đó có 28 trường học đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 54,9%.

Không những cơ sở vật chất trang thiết bị, các cơ sở giáo dục có sự chuyển biến tích cực, các kết quả ngành giáo dục của huyện cũng có nhiều khởi sắc trong những năm gần đây:

Bảng 2.16: Kết quả thống kê ngành giáo dục và đào tạo

Chỉ tiêu	Đ.vị tính	2010	2015	2020
1. Học sinh	Học sinh	17.310	18.791	19.276
- Nhà trẻ	Học sinh	56	164	58
- Mẫu giáo	Học sinh	2411	3522	3.389
. Cấp I	Học sinh	8.677	8.838	8.910
. Cấp II	Học sinh	6.166	6.267	6.919
- Bộ túc văn hóa và GDTX	Học sinh	40	0	0
2. Giáo viên	Người	861	1032	1054
- Nhà trẻ	Người	6	7	5
- Mẫu giáo	Người	122	222	223
. Cấp I	Người	424	458	475
. Cấp II	Người	309	345	351
3. Số phòng học	Phòng	450	556	599
- Nhà trẻ	Phòng	6	13	3
- Mẫu giáo	Phòng	95	108	119
. Cấp I	Phòng	228	299	322
. Cấp II	Phòng	121	136	155
4. Các chỉ tiêu về giáo dục				
- Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi tới trường	%			
+ Mầm non	%	32	39,87	55,81
+ Tiểu học	%	92,94	97,31	99,95
+ Trung học cơ sở	%	92,55	96,31	97,63
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn	%			
+ Tiểu học	%	18,18	39,13	72,22
+ Trung học cơ sở	%	16,67	30,77	61,54

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đắk R'lấp – Tuy Đức

- Giáo dục mầm non của huyện hiện có 14 trường với 122 phòng học, 228 giáo viên và 3.447 học sinh. Tổng thể các cơ sở giáo dục mầm non cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu hiện tại của huyện. Mặt bằng đất đai dành cho ngành học mầm non là 78.798 m², tính trên trung bình đầu học sinh là khá cao, xấp xỉ 23m²/hs. Công tác phổ cập giáo dục được huyện quan tâm, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Giáo dục phổ thông: Số trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn huyện tính đến năm học 2020 - 2021 có tổng cộng 37 trường. Trong đó, có 18 trường tiểu học với 8.910 học sinh; 14 trường trung học cơ sở với 6.919 học sinh, 4 trường trung học phổ thông và 1 trường dân tộc nội trú với hơn 4.000 học sinh. Công tác phổ cập các cấp học được quan tâm: phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục THCS. Đến nay, 100% xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Tỷ lệ trẻ em vào lớp 1 đúng độ tuổi

đạt 100%; tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 98%; hoàn thành chương trình tiểu học 100%, tốt nghiệp trung học cơ sở 99%, đỗ tốt nghiệp THPT đạt 99,47%.

Mạng lưới trường, lớp, học sinh hiện có cơ bản hợp lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em đến trường. Đội ngũ giáo viên được bổ sung theo định mức biên chế, cân đối về cơ cấu bộ môn; số lượng giáo viên có trình độ chuẩn nghề nghiệp đạt 100 %; trình độ trên chuẩn bình quân đạt 75,4%; Chất lượng và hiệu quả giáo dục – đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực. Các cấp học, ngành học đều có những bước chuyển nhanh về quy mô, học vấn trung bình của người dân được nâng lên rõ rệt. 99% dân số trong độ tuổi Trung học cơ sở đi học (còn lại định hướng đào tạo nghề).

2.3.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe

Trên địa bàn Huyện, hiện có 1 bệnh viện đa khoa với quy mô gần 200 giường bệnh và có 11 trạm y tế xã phủ khắp 11 xã, thị trấn Tính đến năm 2020, nhân lực ngành y tế của huyện có 77 bác sỹ; 30 y sỹ và 132 điều dưỡng, nữ hộ sinh, dược sỹ, dược tá; số cán bộ y tế /1 vạn dân đạt 28 người/1 vạn dân.

Bảng 2.17: Kết quả thống kê ngành y tế

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2015	2020
1. Cơ sở y tế	Cơ sở	12	12	12
- Bệnh viện huyện	Cơ sở	1	1	1
- Trạm y tế xã	Cơ sở	11	11	11
2. Tổng số giường bệnh	Giường	135	143	230
- Bệnh viện huyện	Giường	90	95	175
- Trạm y tế xã	Giường	45	48	55
3. Tổng số cán bộ y tế	Người	166	192	239
- Bác sỹ	Người	21	38	77
- Y sỹ	Người	38	31	30
- Điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên	Người	94	106	132
- Dược sỹ, dược tá	Người	13	17	27
4. Số giường bệnh/1 vạn dân	Giường	18	17	27
5. Số bác sỹ /1 vạn dân	Người	3	5	9
6. Số cán bộ y tế /1 vạn dân	Người	22	23	28
7. Các chỉ tiêu về y tế				
- Tỷ lệ tiêm chủng	%	91,60	96,10	96,23

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đăk R'láp – Tuy Đức

Công tác khám chữa bệnh tại các xã, thị trấn được duy trì thường xuyên, chất lượng

điều trị và phục vụ được cải thiện đáng kể, duy trì tốt chế độ cấp cứu 24/24h, các chỉ tiêu về y tế trên địa bàn huyện đều đạt yêu cầu đặt ra và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, cụ thể:

- Năm 2018, tỷ lệ giường bệnh đạt 19,8 giường bệnh/vạn dân; 7,6 bác sỹ/vạn dân; Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ chiếm 100%; tỉ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế 90,9%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi chiếm 18,8%; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin ước đạt 96,3%.

- Năm 2019, tỷ lệ giường bệnh đạt 27 giường bệnh/vạn dân; 8,96 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ chiếm 100%; tỉ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế 90,9%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi chiếm 19,4%; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin ước đạt trên 95%.

- Năm 2020, tỷ lệ giường bệnh đạt 27 giường bệnh/vạn dân; 9 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ chiếm 100%; tỉ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế 92%; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin ước đạt 96,23%. Tổng số bệnh nhân đến khám và chữa bệnh ngoại trú đạt 231.848 lượt; đạt 127,7% kế hoạch, tăng 25,4% so với năm 2019. Tổng số khám BHYT đạt là 212.334 lượt, tăng 20,5% so với năm 2019. Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tiêm chủng mũi vắc xin viêm gan B trước 24h sau sinh đạt 100%.

2.3.3. Văn hoá, thể dục thể thao

Trong giai đoạn 2015-2020, hoạt động Văn hóa - thể thao trên địa bàn huyện vừa phát triển theo diện rộng, vừa nâng cao chất lượng chiều sâu. Duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn huyện, tạo phong trào sâu rộng trong quần chúng nhân dân.

Triển khai thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tính đến năm 2016, tỉ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 78,9% tăng 2,6% so với năm 2015, đạt 98% so với nghị quyết; Tỉ lệ thôn, bon tổ dân phố văn hóa đạt 67%, tăng 6,3% so với năm 2015, đạt 79% so với nghị quyết, tỉ lệ xã, thị trấn văn hóa đạt 27,2%, đạt 58% so với nghị quyết; tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa 81% đạt 83% so với Nghị quyết. Đến năm 2020, tiếp tục kiểm tra và hướng dẫn các xã, thị trấn triển khai thực hiện các tiêu chí về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở khu dân cư. Kết quả: tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 88%; tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa đạt 85%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa đạt 98%. Toàn huyện có 102/110 thôn, bon, tổ dân phố có hội trường kiêm nhà văn hóa đạt 92,7%.

Công tác tuyên truyền cũng được tập trung đẩy mạnh, công tác tiếp, phát sóng truyền thanh – truyền hình có nhiều đổi mới. Tổng số giờ tiếp phát chương trình truyền thanh được 2.546 giờ; trong đó, chương trình thời sự của địa phương 366 giờ. Tiếp phát sóng truyền hình 14.774 giờ; trong đó, phát thời sự địa phương được 656 giờ. Sản xuất được 1.175 tin bài truyền thanh và 1.120 tin bài truyền hình.

Thường xuyên tổ chức thi đấu các giải thể thao, nhằm nâng cao tỷ lệ các cơ quan, đơn vị và người dân tham gia tập luyện thường xuyên; huy động các nguồn lực nhằm thực hiện có hiệu quả các chương trình xã hội hóa trong xây dựng các thiết chế thể dục, thể thao cơ sở. Hướng dẫn tổ chức Đại hội TDTT cấp cơ sở và tổ chức Đại hội TDTT cấp huyện.

2.3.4. Lao động, việc làm, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội

Trong những năm qua, huyện Đăk R’Lấp luôn thực hiện tốt chương trình xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động và công tác an sinh xã hội. Cụ thể:

- *Về lao động, việc làm:* tổng số lao động trên địa bàn Huyện trong độ tuổi lao động luôn chiếm 2/3 so với dân số trên địa bàn huyện. Tỷ lệ lao động có việc làm trong lực lượng lao cũng đạt tỷ lệ rất cao (trên 80%). Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong lực lượng lao động giai đoạn 2015 – 2020 luôn đạt trên 52%. Tính trong năm 2020, số lao động được giải quyết việc làm của địa phương là 2.250 lượt người; số lao động được đào tạo nghề là 901 người, trong đó: Đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp dưới 03 tháng 739 người; Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 162 người. Ngoài ra, huyện còn thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong năm 2020 Trung tâm GDNN-GDTX đã tổ chức khai giảng 06 lớp nghề sơ cấp về Chăn nuôi thú y, Trồng trọt và chăm sóc cây cà phê, Dệt thổ cẩm cho 169 học viên.

- *Về xoá đói giảm nghèo:* công tác xoá đói giảm nghèo luôn được huyện quan tâm và thực hiện thường xuyên, luôn thực hiện nghiêm túc công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để không bị bỏ sót. Hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ thêm đối với đối tượng Bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Quyết định 935. Tính đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo chung của huyện ở mức 0,5%; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 1,5 - 2%. Huyện cũng thực hiện nhiều chính sách thiết thực để góp phần giải quyết công tác xoá đói giảm nghèo trên địa bàn huyện như: hỗ trợ tiền điện cho đối tượng hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; hỗ trợ vốn tạo điều kiện để hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội tự tạo việc

làm, tăng thêm thu nhập. Tính trong năm 2020, có 1.224 đối tượng bảo trợ xã hội được hỗ trợ với số tiền 1,84 tỷ đồng; số tiền hỗ trợ hộ nghèo là 2,145 tỷ đồng; hộ cận nghèo là 2,743 tỷ đồng.

- *Vê an sinh xã hội:* Huyện đã chủ động trong việc triển khai thực hiện lộ trình BHYT toàn dân năm 2018 trên địa bàn bên cạnh việc tăng cường công tác tuyên truyền các chế độ chính sách về BHYT. Năm 2018, tỷ lệ tham gia BHYT đạt 76%, đạt 100% kế hoạch Tỉnh giao và 89% kế hoạch Huyện giao. Năm 2019, tiến hành cấp mới lũy kế 525 sổ BHXH và 64.666 thẻ BHYT phát hành còn giá trị sử dụng, tỷ lệ tham gia BHYT đạt 85%, đạt 100% kế hoạch. Năm 2020, tổng số người tham gia BHXH trên toàn huyện là 4.964 người, chiếm 11,4% so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động, đạt 100% kế hoạch. Tổng số người tham gia BHYT là 75.855 người, chiếm tỷ lệ bao phủ là 90%, đạt 100% kế hoạch được giao. Trong năm số lượt người hưởng chế độ BHXH là 650 lượt, tăng 17,3% so với năm 2019; số tiền chi giải quyết chế độ BHXH là 15,6 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm 2019. Số lượt người khám chữa bệnh BHYT trong năm là 212.180 lượt, giảm 1,45% so với năm 2019; số tiền chi KCB BHYT ước thực hiện là 55 tỷ 319 triệu đồng¹. Trong suốt giai đoạn 2015 – 2020, huyện luôn thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người có công, các đối tượng chính sách; các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác theo đúng quy định của nhà nước. Ngoài ra, ban hành Chỉ thị số 01-CT/HU, ngày 23/9/2020 về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT, tiếp tục thực hiện công tác phát triển đối tượng và thu, chi, giải quyết chế độ chính sách BHXH, BHYT, BHTN. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện các chế độ, chính sách về BHXH, BHYT, BHTN tại các đơn vị sử dụng lao động nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên địa bàn huyện.

2.3.5. An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội

Thứ nhất, về công tác an ninh quốc phòng:

Tình hình An ninh chính trị trên địa bàn luôn được củng cố, giữ vững. Lực lượng vũ trang duy trì chặt chẽ chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; nắm chắc diễn biến tình hình địa bàn, tham mưu xử trí kịp thời các tình huống xảy ra, chủ động đấu tranh phòng chống có hiệu quả các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Trong 05 năm (2015 –

¹ Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm của UBND huyện Đăk R'Lấp

2020), Đảng bộ huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn huyện, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, huy động các nguồn lực tập trung xây dựng tiềm lực trong khu vực phòng thủ của huyện ngày càng vững chắc, có chiều sâu; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc trong tình hình mới.

Công tác tổ chức đăng ký quản lý thanh niên sẵn sàng nhập ngũ luôn được quan tâm thực hiện, công tác tổ chức giao nhận quân qua các năm luôn được bảo đảm đúng quy định và đạt 100% chỉ tiêu được giao hàng năm. Trong suốt giai đoạn 2015 – 2020, toàn huyện đã gọi 707 thanh niên nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu được giao, tổ chức nghiêm, đúng quy định công tác huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã, thị trấn và diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện đạt kết quả tốt. Tổ chức huấn luyện cho sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp và giảng dạy môn giáo dục quốc phòng an ninh cho học sinh các trường THPT trên địa bàn huyện theo đúng kế hoạch.

Ngoài ra, Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh huyện đã tập trung tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh để nâng cao kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng và các tầng lớp nhân dân. Thực hiện thường xuyên việc bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng nhằm nâng cao nhận thức về thực hiện nghĩa vụ quân sự, nâng cao ý chí cách mạng và cảnh giác với các hoạt động thù địch, chia rẽ. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ theo cơ chế 28 của Bộ Chính trị (PT-13) đạt kết quả khá. Đẩy mạnh thực hiện xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Duy trì quản lý 19 mô hình hoạt động hiệu quả, hoàn thành việc chuyên hóa 02 xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (Nhân Cơ, Quảng Tín).

Thứ hai, về công tác trật tự an toàn xã hội:

Công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội luôn được chú trọng, với tinh thần chủ động trong xây dựng kế hoạch, xác định nhiệm vụ bảo vệ trật tự an toàn xã hội là cốt lõi, phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong 5 năm qua, huyện thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm, gắn với làm tốt công tác phòng ngừa, qua đó từng bước làm giảm và đẩy lùi tội phạm, đặc biệt là tội phạm băng, nhóm có tổ chức; tội phạm “tín dụng đen” nhờ đó trật tự an ninh luôn được quan tâm thực hiện tốt. Tính riêng năm 2020, tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 38 vụ 111 đối

tượng, giảm 05 vụ so với năm 2019, đã điều tra làm rõ 36/38 vụ; phát hiện, bắt giữ 08 vụ 08 đối tượng vi phạm các quy định về trật tự, quản lý kinh tế, môi trường; 21 vụ 55 đối tượng về hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy (tăng 07 vụ so với năm 2019); 02 vụ 16 đối tượng tụ tập thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy; 01 vụ 01 đối tượng có hành vi trồng cần sa với mục đích sử dụng trái phép; 01 vụ 07 đối tượng dương tính với ma túy.

Ngoài tăng cường công tác tấn công, trấn áp tội phạm, huyện còn chú trọng kết hợp với công tác dân vận, vận động quần chúng góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện; tổ chức các buổi tuyên truyền nâng cao ý thức người dân trong việc tham gia giao thông, nhờ đó tai nạn giao thông được kiểm chế và giảm trên cả 3 tiêu chí: số vụ, số người chết, số người bị thương. Trong năm 2020, trên địa bàn huyện xảy ra 09 vụ tai nạn giao thông (giảm 02 vụ so với năm 2019); làm chết 09 người, bị thương 06 người, ước tính thiệt hại về tài sản khoảng 500 triệu đồng. Có 03 vụ tai nạn khác làm 03 người chết; đã điều tra, làm rõ 03/03 vụ. Huyện cũng tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn. Thực hiện lập biên bản 3.033 trường hợp, xử lý 2.473 trường hợp, nộp Kho bạc Nhà nước 964.965.000 đồng. Thực hiện đăng ký mới 2.763 phương tiện theo quy định

Ngoài ra, tỉnh còn thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư trên địa bàn huyện, đã thu thập được 95.877 phiếu, đạt 96% tiến độ. Quản lý 191 cơ sở kinh doanh ngành nghề có điều kiện; tổ chức kiểm tra 18 cơ sở, phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính 04 cơ sở với số tiền 4.700.000 đồng. Mở 01 đợt cao điểm thu hồi vũ khí – vật liệu nổ - công cụ hỗ trợ và pháo trên địa bàn; thu giữ 17 khẩu súng bắn còn từ chế; 309 quả pháo nổ.

2.4. Thu chi ngân sách

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện: Mức thu ngân sách trên địa bàn huyện luôn đạt trên 100% so với mức dự toán, cụ thể: năm 2016 tổng thu ngân sách nhà nước đạt 693,7 tỷ đồng, đạt 138% dự toán; năm 2017 đạt 649,03 tỷ đồng, đạt 124 % dự toán; năm 2018 đạt 461,04 tỷ đồng, đạt 125 % dự toán; năm 2019 đạt 652, 98 tỷ đồng, đạt 141 % dự toán và năm 2020 đạt 616 tỷ đồng, đạt 100% dự toán. Trong đó, các nguồn thu chủ yếu từ thu nội địa; thu thuế, phí và lệ phí; thu cấp quyền sử dụng đất;

thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tổng nợ thuế trên địa bàn tính đến 31/12/2020 là 51,45 tỷ đồng, trong đó: nợ có khả năng thu 15,25 tỷ đồng; nợ không có khả năng thu 36,2 tỷ đồng.

Bảng 2.18: Thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2015 – 2020 trên địa bàn huyện

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng thu ngân sách	539,94	693,70	649,03	461,04	652,98	616,00
Tổng chi ngân sách	347,28	429,77	401,59	414,74	444,61	606,90
<i>Chi đầu tư phát triển</i>	<i>37,53</i>	<i>139,87</i>	<i>58,36</i>	<i>58,76</i>	<i>66,67</i>	<i>106,46</i>
<i>Chi thường xuyên</i>	<i>226,92</i>	<i>247,35</i>	<i>274,40</i>	<i>304,94</i>	<i>338,55</i>	<i>410,66</i>

Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Đắk R'lấp – Tuy Đức

Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện: Chi ngân sách bao gồm các khoản gồm chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới và các khoản chi khác, trong đó chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên là 2 khoản chi chiếm tỷ trọng lớn nhất. Đến năm 2020, chi ngân sách địa phương đạt 606,9 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2019, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 106,46 tỷ đồng; Chi thường xuyên là 410,66 tỷ đồng; Chi dự phòng ngân sách 7,87 tỷ đồng; Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135 là 21,363 tỷ đồng; Chi huy động đóng góp 2,5 tỷ đồng; Chi từ nguồn kết dư ngân sách 15,598 tỷ đồng; Chi chuyển nguồn 42,452 tỷ đồng.

2.5. Xây dựng nông thôn mới và phát triển đô thị

2.5.1. Kết quả xây dựng nông thôn mới và phát triển đô thị

Cùng với phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, Phong trào thi đua “Đăk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới” ngay từ khi triển khai đã nhận được sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình của cả hệ thống chính trị cùng toàn thể nhân dân trên địa bàn huyện. Phong trào thi đua “Đăk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn huyện được tổ chức, triển khai đồng bộ, rộng khắp với nhiều nội dung phù hợp, sát với thực tế và tạo được sự chuyển biến trong phát triển kinh tế xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện, nâng cao rõ rệt. Cấp ủy đảng, chính quyền đã nhận thức rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phong trào thi đua trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đồng thời đã cụ thể hóa

phong trào bằng những chương trình, kế hoạch, việc làm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, các tổ chức Chính trị - Xã hội của huyện đã tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động hướng vào mục tiêu xây dựng nông thôn mới một cách thiết thực, hiệu quả như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “5 không 3 sạch”; phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng”; “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình văn hóa”, “Cựu chiến binh thi đua làm kinh tế giỏi”,...

Kết quả thực hiện các phong trào, các cuộc vận động đã góp phần tích cực vào việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn, xây dựng các thiết chế văn hóa, giảm tỷ lệ hộ nghèo, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp – an toàn. Qua phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất, thoát nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng; tham gia hiến đất làm các công trình công cộng; đóng góp công sức lao động xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn,...

Năm 2011, sau khi điều tra, khảo sát thực trạng để triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới thì xuất phát điểm của xã cao nhất là xã Nhân Cơ, xã Đạo Nghĩa đạt 6/19 tiêu chí, toàn huyện đạt 43 tiêu chí, bình quân đạt 4,3 tiêu chí/xã.

Năm 2015, toàn huyện đạt 127 tiêu chí, bình quân đạt 12,7 tiêu chí/xã và xã Đạo Nghĩa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Đến năm 2020, toàn huyện đạt 190 tiêu chí (*tăng 63 tiêu chí so với năm 2015*), bình quân đạt 19 tiêu chí/xã; Có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: 03 xã Đạo Nghĩa, Nhân Cơ, Nhân Đạo đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2010-2015; 05 xã Nghĩa Thắng, Đăk Wer, Quảng Tín, Đăk Ru, Kiến Thành đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Dự kiến 5 xã Hưng Bình, Đăk Sin, Đạo Nghĩa, Nhân Cơ, Nhân Đạo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới vào Quý I năm 2021 theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Hoàn thiện hồ sơ trong Quý II năm 2021 đề nghị tỉnh thẩm tra, Trung ương thẩm định, xét công nhận huyện Đăk R’Lấp đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

2.5.2. Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới

Từ khi triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến nay, huyện Đăk R'lấp đã thực hiện Chương trình dựa trên những thành quả sẵn có của địa phương, đồng thời huy động nội lực trong nhân dân cùng với sự hỗ trợ của Trung ương, tỉnh tập trung phấn đấu thực hiện các tiêu chí trong Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới. Huyện đã thu hút được nhiều doanh nghiệp đến đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh; Kinh tế ngày càng phát triển theo hướng bền vững; văn hóa, xã hội ngày càng được nâng cao; hệ thống chính trị xã hội được giữ vững.

Bảng 2.19: Nguồn vốn huy động xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020

Nguồn vốn	Tổng cộng	2011-2015	2016-2020
Vốn ngân sách	963,4	437,7	525,7
Vốn tín dụng	7.057,5	174,0	6.883,5
Vốn DN và loại hình kinh tế	408,7	176,5	232,2
Vốn cộng đồng dân cư	335,4	212,5	122,9
Tổng cộng	8.765	1.000,7	7.764,3

Nguồn: Phòng NN&PTNN Đăk R'lấp

Kết quả thực hiện các phong trào, các cuộc vận động đã góp phần tích cực vào việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn, xây dựng các thiết chế văn hóa, giảm tỷ lệ hộ nghèo, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp – an toàn. Qua phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất, thoát nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng; tham gia hiến đất làm các công trình công cộng; đóng góp công sức lao động xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ Chương trình ít so với nhu cầu, chưa khai thác hết các nguồn lực trong xã hội, cộng đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng trọng yếu. Việc huy động nguồn vốn để tiến hành xây dựng thêm cũng như bảo dưỡng, tu sửa các công trình đang hoặc đã xuống cấp trong các trường học trên địa bàn các xã vẫn đang gặp khó khăn. Việc kêu gọi, huy động thu hút nguồn vốn đầu tư của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân cùng tham gia bỏ vốn đầu tư thực hiện các dự án còn hạn chế; UBND xã chưa có kế hoạch và giải pháp cụ thể nhằm phát huy các nguồn lực trong cộng đồng dân cư; nguồn vốn của ngân sách xã chủ yếu dựa vào đấu giá đất, thu tiền sử dụng đất; vốn lồng ghép của cấp trên chưa được bố trí kịp thời.

2.6. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng

2.6.1. Thực trạng phát triển hệ thống giao thông

2.6.1.1. Hiện trạng các tuyến đường giao thông đường bộ

Huyện Đắk R'Lấp hiện có 970 km đường bộ (bao gồm: đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng và đường thôn bon).

Bảng 2.20: Hiện trạng hệ thống giao thông huyện Đắk R'Lấp năm 2020

STT	Loại đường	Chiều dài	Tỷ lệ
01	Quốc lộ	35 km	3,61%
02	Đường tỉnh	47 km	4,85%
03	Đường Huyện	98,78 km	10,18%
04	Đường xã	75,1 km	7,74%
05	Đường đô thị	28,18 km	2,91%
06	Đường thôn, buôn	668,34 km	68,9%
07	Đường chuyên dùng	17,6 km	1,81%

Cụ thể, hệ thống giao thông trên địa bàn Huyện hiện trạng như sau:

(1) **Đường Quốc Lộ:** Đường Hồ Chí Minh (Tuyến Quốc lộ 14) : đoạn qua địa bàn huyện Đắk R'Lấp có chiều dài 35,4 km, điểm đầu tại xã Nhân Cơ, điểm cuối tại Cai Chanh. Tuyến được đầu tư xây dựng mở rộng năm 2016 với hình thức BOT. Toàn tuyến được thảm Bê tông nhựa nóng, đạt tiêu chuẩn đường cấp III.MN (nền 12m, mặt 11m), mặt đường bê tông nhựa, riêng đoạn qua trung tâm thị trấn Kiến Đức đã được đầu tư theo quy mô đường đô thị. Hệ thống biển báo giao thông đầy đủ, đảm bảo tốt an toàn giao thông. Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng có dạng hình thang đạt tiêu chuẩn, đảm bảo việc thoát nước mưa tốt, hệ thống đèn chiếu sáng được lắp đặt dọc 2 bên đường đoạn qua các khu đông dân cư, đảm bảo tốt việc lưu thông vào ban đêm.

(2) **Đường tỉnh lộ:** trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp có 2 tuyến đường tỉnh ĐT.681 (tỉnh lộ 1) và ĐT.685 (tỉnh lộ 5) chạy qua với tổng chiều dài 47 km. Cả hai tuyến đều có kết cấu mặt đường láng nhựa.

- **Đường tỉnh ĐT 681 (tỉnh lộ 1):** Tuyến đường tỉnh ĐT681 có điểm đầu giao QL14 tại thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp; điểm cuối giao QL14C tại xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức; tuyến nối QL14 với QL14C, đồng thời kết nối trung tâm của 2 huyện Đắk R'Lấp và Tuy Đức. Đoạn tỉnh lộ 1, tuyến qua địa bàn huyện Đắk R'Lấp dài 4,0 km, điểm đầu tại ngã ba thị trấn Kiến Đức và QL14, điểm cuối tại ranh giới

huyện Tuy Đức và huyện Đắk R'Lấp; Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV.MN.

- *Đường tỉnh ĐT 685 (tỉnh lộ 5)*: Tuyến đường tỉnh ĐT 685 nằm hoàn toàn trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp, có chiều dài là 43 km, có điểm đầu tại Km0+00 (Km 868 + 500 QL 14), điểm cuối Km43+00 (Km 885 + 850 QL 14). Tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV-V.MN có nền 6,5 m, mặt 3,5 m láng nhựa. Trong đó, đường tỉnh ĐT 685 đoạn từ QL 14 đến cầu Km10 + 850 có nền 6,5 m, mặt 3,5 m; mặt đường láng nhựa có chất lượng trung bình và xấu, nhiều đoạn mật độ hư hỏng dày đặc. Hệ thống biển báo giao thông tuy đã có nhưng vẫn còn thiếu, chưa đầy đủ trên toàn tuyến. Đường tỉnh ĐT 685 đoạn từ UBND xã Nghĩa Thắng đến UBND xã Đạo Nghĩa mới được xây dựng năm 2017 có chiều dài 5 km, nền 10 m, mặt rộng 7 m, được đầu tư quy mô cấp III, được láng bê tông nhựa nóng, chất lượng tốt. Đường tỉnh ĐT 685 đoạn từ UBND xã Đạo Nghĩa đến QL14, xã Đắk Ru có nền 6,5 m, mặt 4,5 m mặt đường láng nhựa có chất lượng tốt và trung bình.

(3) Đường huyện: Huyện Đắk R'Lấp hiện có 11 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 98,78 km, kết cấu mặt như sau:

- *Tuyến đường Nhân Cơ – Đạo Nghĩa (ĐH.41)*: Tuyến ĐH.41 có chiều dài 12 km, điểm đầu tại Km 1918 + 500 QL14, điểm cuối tại Km 11 + 660 ĐT 685. Toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.MN. Tuyến đường có khoảng 4 km mới được đầu tư xây dựng, có mặt đường tốt, còn lại hư hỏng nặng.

- *Tuyến đường QL14 – TT Cụm xã Đắk Tih (ĐH42)*: Toàn tuyến có chiều dài 9,9 km, điểm đầu tại Km 1918 + 200 QL14, điểm cuối giáp huyện Tuy Đức. Toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.MN với nền 6,5 m; mặt 3,5 m, đã láng nhựa, chất lượng trung bình và xấu. Hệ thống biển báo giao thông trên tuyến đường này chưa bố trí đầy đủ.

- *Tuyến đường Châu Giang – Quảng Tân (ĐH.43)*: Tuyến có chiều dài 1,55 km, điểm đầu giao Km 1+700 đường Phan Chu Trinh, điểm cuối giáp huyện Tuy Đức. Tuyến đạt có nền rộng 6,5 m, mặt rộng 3,5 m; toàn tuyến đã được láng nhựa.

- *Tuyến đường QL14 – Đắk Sin (ĐH.44)*: Tuyến ĐH.44 có chiều dài 20,8 km, điểm đầu tại Km 1932 + 600 QL14, điểm cuối tại Bon Châu Mạ. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V.MN với nền rộng 6,5 m; mặt 3,5 m; toàn tuyến đã được láng nhựa. Chất lượng mặt đường tốt, trên tuyến đường đã có hệ thống biển báo giao thông, tuy nhiên chưa đầy đủ. Hệ thống thoát nước mưa được bố trí ở những đoạn đường có địa hình

dốc, đảm bảo thoát nước tốt.

- *Tuyến đường Đắc Ru – Đắc Ngo (ĐH.45)*: Tuyến ĐH.45 có chiều dài 5,05 km, điểm đầu tại Km1942 QL14, điểm cuối tại cầu Đắc R’Lấp. Toàn tuyến đã được láng nhựa (3,05 km) và BTXM (2 km), có nền rộng 6,5 m; mặt 3,5 m; trên đường có hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống biển báo giao thông chưa đầy đủ, chưa có hệ thống đèn chiếu sáng.

- *Tuyến đường Liên xã Kiến Đức – Kiến Thành – Nhân Cơ (ĐH.46)*: Tuyến ĐH.46 có chiều dài 10,23 km, điểm đầu tại Km 1926+720 QL14, điểm cuối tại Km 1919 + 250 QL14, toàn tuyến hiện có 3,8 km đã láng nhựa với nền 6,5 m, mặt 3,5 m và 6,43 km cấp phối.

- *Tuyến đường Liên xã Đắc Wer – Nhân Cơ – Nhân Đạo (ĐH.47)*: Tuyến ĐH.47 có chiều dài 5,25 km, điểm đầu tại Km 1921+600 QL14, điểm cuối là đường Nhân Cơ – Đạo Nghĩa (ĐH.41). Hiện trạng toàn tuyến có 3,05 km đường láng nhựa có nền đường 6,5 m; mặt đường 3,5 m và 2,2 km đường cấp phối

- *Tuyến đường giao thông Pinao2 – Đắc Nia (ĐH.48)*: Tuyến ĐH.48 có chiều dài 12,7 km, điểm đầu tại Km 3+100 đường Nhân Cơ – Đạo Nghĩa, điểm cuối tại Pinao 2. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp GTNT.A có nền 6,5 m; mặt 3,5 m; toàn tuyến là đường đã được láng nhựa, chất lượng tốt.

- *Tuyến đường Kiến Thành – Đắc Wer (ĐH.49)*: Tuyến ĐH.49 có chiều dài 4,5 km, điểm đầu tại Km 1+060 đường Phan Chu Trinh, điểm cuối là Km 4+500 (Đắc Wer). Tuyến có nền 7,5 m; mặt 5,5 m; toàn tuyến đã được láng nhựa chất lượng tốt.

- *Tuyến đường Đắc Ru – Đắc Sin (ĐH.50)*: Tuyến ĐH.50 có chiều dài 11,8 km, điểm đầu tại Km 1937 +700 QL14, điểm cuối là thôn 11 – Đắc Sin. Tuyến có nền 5,5 - 6,5 m; mặt 3,5 m; toàn tuyến có 7,3 km đã láng nhựa còn lại 4,5 km là đường đất, chất lượng xấu.

- *Tuyến đường Quảng Lộc – Đạo Nghĩa – Đắc Sin (ĐH.51)*: Tuyến ĐH.51 có chiều dài 5 km, điểm đầu tại Km14 ĐT 685, điểm cuối là thôn 5 – Đắc Sin. Tuyến có nền 6,5 m; mặt 3,5 m; toàn tuyến đã láng nhựa chất lượng tốt.

(4) Đường xã: Huyện Đắc R’Lấp có 75,1 km đường xã với 16 tuyến phân bố trên địa bàn các xã. Chất lượng khai thác gồm: 65,11% đã được láng nhựa, 3,33% bê tông xi măng còn lại 31,56% đường đất xấu. Cụ thể một số tuyến chính như sau:

- *Tuyến đường Nhân Đạo – Nghĩa Thắng*: Tuyến có chiều dài 7,8 km, điểm đầu

tại Km 4 + 100 Đường Pi Nao 2 – Đắc Nia, điểm cuối tại đường Nhân Cơ – Đạo Nghĩa. Tuyến đường có nền đường 5 m, mặt đường 3 m đã láng nhựa toàn tuyến, chất lượng đường khai thác tốt.

- *Tuyến đường liên xã Kiến Đức – Kiến Thành – Nghĩa Thắng*: Tuyến có chiều dài 15,2 km, điểm đầu tại Km 871 + 200 QL14, điểm cuối tại Km 14 + 200 TL5. Tuyến đường có nền đường 6,5 m, mặt đường 3,5 m đã láng nhựa toàn tuyến, chất lượng đường khai thác tốt.

- *Tuyến đường Quảng Tín – Đắc Ngo*: Tuyến có chiều dài 7 km, điểm đầu tại Km 879 + 600 QL14, điểm cuối tại Cầu Đắc Nguyên. Toàn tuyến đã láng nhựa 6 km còn 1 km là bê tông xi măng, chất lượng đường khai thác trung bình.

- *Tuyến đường Nghĩa Thắng – Đạo Nghĩa*: Tuyến đường xã Nghĩa Thắng – Đạo Nghĩa có chiều dài 7,7 km, điểm đầu tại Trường Nguyễn Tất Thành, xã Nghĩa Thắng và điểm cuối tại Quảng Lộc, Đạo Nghĩa; tuyến có nền đường 6,5 m mặt đường 3,5 m; Toàn tuyến đã láng nhựa, chất lượng đường khai thác tốt.

- *Tuyến đường liên xã Quảng Tín – Kiến Thành (đường Echu Cap)*: Tuyến có chiều dài 6,7 km, điểm đầu tại QL14 và điểm cuối giáp huyện Tuy Đức; Hiện 3 km đã láng nhựa, còn lại 3,7 km là đường đất, chất lượng đường xấu.

(5) Đường thôn, bon: Toàn huyện Đắc R’Lấp hiện có 668,34 km đường thôn, bon; phân bố trên địa bàn 10 xã. Hệ thống đường thôn, bon, ngõ xóm trong huyện có nền 3 - 6,5 m; mặt 3,5 m. Trong đó, kết cấu mặt:

- Láng nhựa:	50,12 km	chiếm 7,49%
- Bê tông nhựa:	0,15 km	chiếm 0,02%
- Bê tông xi măng:	168,02 km	chiếm 25,13%
- Cấp phối:	16,78 km	chiếm 2,51%
- Đất:	433,27 km	chiếm 64,82%

(6) Đường đô thị: Trên địa bàn huyện Đắc R’Lấp hiện có 20 tuyến đường đô thị, với chiều dài 28,18 km. Trên địa bàn huyện Đắc R’Lấp hiện có 20 tuyến đường đô thị, với chiều dài 28,18 km. Đường đô thị trên địa bàn huyện Đắc R’Lấp hiện nay có chất lượng khai thác tốt, đa số đã được láng nhựa, bê tông xi măng và bê tông nhựa; chỉ còn khoảng 3,7 km là đường cấp phối và đường đất. Cụ thể một số tuyến như sau:

- *Đường Nguyễn Du*: Tuyến có chiều dài 1 km, điểm đầu tại Km0+600 đường Nơ Trang Long, điểm cuối tại đường Km867 + 300 QL14. Tuyến đường có nền 20,5

m, mặt đường 12 m đã láng nhựa toàn tuyến, chất lượng đường khai thác tốt.

- *Đường Nguyễn Huệ*: Tuyến có chiều dài 0,32 km, điểm đầu tại Km0+250 Đường Nguyễn Du, điểm cuối tại đường Km0+250 Đường Nguyễn Khuyến. Tuyến đường có nền 9 m, mặt đường 7,5 m đã láng nhựa, chất lượng đường khai thác tốt.

- *Đường Nguyễn Khuyến*: Tuyến có chiều dài 1,2 km, điểm đầu tại Km0+900 Đường Nơ Trang Long, điểm cuối tại đường Km1+200. Tuyến đường có nền 9 m, mặt đường 7,5 m đã láng nhựa 0,78 m, bê tông nhựa 0,42 m, chất lượng đường khai thác tốt.

- *Đường Trần Hưng Đạo*: Tuyến có chiều dài 1,3 km, điểm đầu tại Km1+200 Đường Nơ Trang Long, điểm cuối tại đường Km1+300. Tuyến đường có nền 10,5 m đã láng nhựa toàn tuyến, chất lượng đường khai thác tốt.

- *Đường Lê Hữu Trác*: Tuyến có chiều dài 5 km, điểm đầu tại Km 868 + 660 QL14, điểm cuối tại đường Km3+500 Nơ Trang Long. Tuyến đường có nền 6,5 m, mặt 3,5 m đã láng nhựa toàn tuyến, chất lượng đường khai thác tốt.

- *Đường Đinh Tiên Hoàng*: Tuyến có chiều dài 0,98 km, điểm đầu tại Km1+050 Đường Lê Hữu Trác, điểm cuối tại đường Bệnh viện đa khoa. Tuyến đường có nền 6,5 m, mặt 3,5 m đã láng nhựa toàn tuyến, chất lượng đường khai thác tốt.

(7) Đường chuyên dùng: Đường chuyên dùng trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp có 2 tuyến. Tuyến 1 là đường vào thủy điện Đắk R'Tih, có điểm đầu tại QL14 và điểm cuối là thủy điện Đắk R'Tih có chiều dài 2,6 km đã được láng nhựa; bề rộng nền đường 7,5 m và mặt đường là 5,5 m. Tuyến 2 là đường vào thủy điện Đồng Nai 5, có điểm đầu tại đường Nghĩa Thắng – Đạo Nghĩa và điểm cuối là thủy điện Đồng Nai 5, có chiều dài 15 km đã được láng nhựa; bề rộng nền đường 5,5 m và mặt đường là 3,5 m.

2.6.1.2. Hiện trạng sân bay

Trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp có sân bay Nhân Cơ được xây dựng từ thời chiến tranh với mục đích phục vụ quân sự (máy bay trực thăng hạ cất cánh). Sân bay Nhân Cơ nằm trên địa bàn xã Nhân Cơ, cách Quốc lộ 14 khoảng 200 m, cơ sở hạ tầng sân bay hầu như chưa có gì.

2.6.1.3. Hiện trạng các bến bãi vận chuyển

Bến xe khách huyện Đắk R'Lấp được đưa vào khai thác theo Quyết định số 2513/QĐ-SGTVT, ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Sở Giao thông Vận tải Đắk Nông. Bến xe huyện có tổng diện tích đất là 2.700 m².

- Tiêu chuẩn bến xe khách loại IV

- Địa điểm: Thị trấn Kiến Đức – huyện Đắk R’Lấp
- Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác: HTX dịch vụ vận tải Đắk R’Lấp;
- Cơ sở hạ tầng của bến xe bao gồm: hệ thống nhà chờ 100 m², hệ thống bến đỗ 2.000 m², nhà vệ sinh 30 m²

2.6.2. Thực trạng phát triển nguồn và lưới điện

2.6.2.1. Các nhà máy thủy điện trên địa bàn huyện

(1) *Thủy điện Đắk Kar* : Thủy điện Đắk Kar là thủy điện xây dựng trên dòng sông Đắk Kar tại vùng giáp ranh xã Đắk Sin huyện Đắk R’lấp và xã Thọ Sơn huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước, Việt Nam. Thủy điện Đắk Kar có công suất lắp máy 12 MW với 2 tổ máy, khởi công năm 2014, năm 2017 đã hoạt động.

(2) *Thủy điện Đắk Sin*: Thủy điện Đắk Sin là thủy điện xây dựng trên dòng *suối Đắk R’Keh* tại vùng đất xã Đắk Sin và Hưng Bình huyện Đắk R’lấp. Năm 2020 Thủy điện Đắk Sin có một bậc là Đắk Sin 1 có công suất lắp máy 28 MW với 2 tổ máy, hoàn thành tháng 10/2015

(3) *Thủy điện Đồng Nai 5*: Thủy điện Đồng Nai 5 là thủy điện xây dựng trên sông Đồng Nai, tại vùng đất xã Đắk Sin huyện Đắk R’Lấp và xã Lộc Bắc huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng. Thủy điện Đồng Nai 5 có công suất lắp máy 150 MW với 2 tổ máy, khởi công tháng 12/2012, hoàn thành tháng 12/2015 và phát điện vào thanh cái 220kV trạm 500kV Đắk Nông.

(4) *Thủy điện Quảng Tín*: Dự án thủy điện Quảng Tín có công suất 5MW, đặt tại xã Quảng Tín, huyện Đắk R’lấp, dung tích hồ chứa gần 1 triệu m³. Nhà máy thủy điện Quảng Tín do Công ty TNHH N&S đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động năm 2010,.

(5) *Thủy điện Nhân Cơ*: Đặt tại xã Nhân Cơ, huyện Đắk R’Lấp, công suất 1,6MW (2x0,8MW). Sản lượng nhà máy thủy điện cung cấp lên lưới điện năm 2015 là 5,57 triệu kWh. Thủy điện được đấu nối vào lưới 22kV, đường dây 472 – trạm 110kV Đắk Nông.

(6) *Thủy điện Đắk Ru*: Đặt tại xã Đắk Ru, huyện Đắk R’Lấp, công suất 7,5MW (3x2,5MW). Sản lượng nhà máy thủy điện cung cấp lên lưới điện năm 2015 là 24,96 triệu kWh. Thủy điện được đấu nối vào thanh cái 22kV – trạm 110kV Đắk R’Lấp (xuất tuyến 478).

2.6.2.2. Hiện trạng hệ thống lưới điện trên địa bàn

Hệ thống lưới điện trong khu vực nghiên cứu hiện nay có các cấp điện áp 500kV,

220kV, 110kV và 22kV. Cụ thể thể như sau :

(1) *Trạm và đường dây 500kV*: Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hiện có một trạm 500kV Đắk Nông, công suất 2x450MVA, đặt tại xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp. Trạm có nhiệm vụ gom công suất các thủy điện khu vực như thủy điện Đồng Nai 3,4,5 thủy điện Buôn Tua Sarh, Đắk R'Tih, Sêrêpôk 3, 4. Về đường dây 500kV, hiện trên địa bàn huyện có 2 tuyến đường dây 500kV, gồm đường dây mạch kép 500kV Pleiku – Cầu Bông dài 24.5km và đường dây mạch đơn 500kV Pleiku – Đắk Nông - Cầu Bông dài 37.7km

(2) *Trạm 220kV và lưới điện 220kV* : trên địa bàn hiện có 2 trạm 220kV, tất cả các trạm này đều là trạm biến áp phục vụ truyền tải công suất nhà máy thủy điện. Cụ thể về đường dây 220kV, hiện trên địa bàn tỉnh có 7 tuyến đường dây 220kV bao gồm:

- Tuyến đường dây mạch kép từ thanh cái 220kV trạm 500kV Đắk Nông đi trạm 220kV Bình Long: Sử dụng dây dẫn ACSR3x330, có tổng chiều dài 128,2km.
- Tuyến đường dây một mạch từ thanh cái 220kV trạm 500kV Đắk Nông đi thủy điện Buôn Kuôp: Sử dụng dây dẫn 2xACSR330, có tổng chiều dài 50km.
- Tuyến đường dây một mạch từ thanh cái 220kV trạm 500kV Đắk Nông đi thủy điện Buôn Tua Sarh: Sử dụng dây dẫn ACSR500, có tổng chiều dài 65,3km.
- Tuyến đường dây mạch kép từ thanh cái 220kV trạm 500kV Đắk Nông đi thủy điện Đồng Nai 3: Sử dụng dây dẫn ACSR500, có tổng chiều dài 30,6km.
- Tuyến đường dây mạch kép từ thanh cái 220kV trạm 500kV Đắk Nông đi thủy điện Đồng Nai 4: Sử dụng dây dẫn ACSR500, có tổng chiều dài 12km.
- Tuyến đường dây mạch đơn từ thanh cái 220kV trạm 500kV Đắk Nông đi thủy điện Đồng Nai 5: Sử dụng dây dẫn ACSR330, có tổng chiều dài 27,7km.
- Tuyến đường dây một mạch từ thanh cái 220kV trạm 500kV Đắk Nông đi thủy điện Đắk R'Tih: Sử dụng dây dẫn ACSR300, có tổng chiều dài 4,33km.
- Tuyến đường dây một mạch từ thủy điện Buôn Tausrah đi trạm 220kV Buôn Kuôp: Sử dụng dây dẫn ACSR400, có tổng chiều dài 36,12km.

(3) *Trạm và lưới điện 110KV*: hiện tại trong khu vực nghiên cứu có 3 trạm 110kV, cấp điện cho phụ tải huyện Đắk R'Lấp và một phần huyện Tuy Đức. Về đường dây , khu vực nghiên cứu hiện có 2 tuyến đường dây 110kV, ngoài nhiệm vụ cấp điện cho phụ tải trên địa bàn tỉnh còn truyền tải công suất thủy điện vào hệ thống điện 110kV miền Trung.

(4) *Lưới điện trung áp*: lưới 22kV hiện là lưới phân phối chính của tỉnh Đắk Nông. Toàn tỉnh hiện có 1.768,98 km (chiếm 94,5% khối lượng đường dây trung áp) và 1.588 trạm/ 1.641 máy / 255,897MVA (chiếm 95,8% dung lượng trạm biến áp phân phối). Nhìn chung các trạm biến áp Đắk Nông mang tải thấp (50-:60)%. Tuy nhiên, theo thống kê của Công ty điện lực Đắk Nông thì trên địa bàn tỉnh Đắk Nông vào mùa khô do phụ tải bơm tưới nên thường quá tải. Đặc biệt các trạm này tập trung chủ yếu ở huyện Krông Nô và Đắk R'Lấp, Cư Jút với 58 trạm biến áp cần san tải.

2.6.3. Thực trạng phát triển hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải, rác thải

Về cấp nước: địa bàn Huyện đang dùng nước từ Nhà máy nước Thị trấn gần bên xe huyện. Một số khu vực xa trung tâm hiện vẫn chưa được tiếp cận nước máy, vẫn sử dụng giếng khoan, giếng khơi hay bể chứa...

Về thoát nước: Nước thải hiện đang được thoát chung với hệ thống thoát nước mặt, không đi qua trạm xử lý. Do đặc điểm địa hình chung tương đối thoải và cao so với các thung thoát nước, hầu hết các công trình xây dựng hiện trạng đều có xu hướng bám sát địa hình tự nhiên trên các triền cao, chỉ san gạt cục bộ trước khi xây dựng. Hệ thống công thoát nước mặt chủ yếu chỉ mới được đầu tư đồng bộ trên các tuyến phố chính trong đô thị dọc theo các tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ. Hướng thoát nước hiện trạng chảy ra các lưu vực tự nhiên bao gồm :

- Lưu vực xung quanh hồ Đắk Blao, hồ Đắk R' Tang, hồ Đắk R' Tih: nước mặt thoát về sông Đắk R' Tih.

- Lưu vực xung quanh hồ Đắk Nhân Cơ, hồ Cầu Tư, hồ Đắk Ru2: nước mặt thoát về sông Đắk R' Keh.

- Lưu vực xung quanh hồ bến xe huyện và trạm điện Đắk R' Lấp: nước mặt thoát về sông Đắk R' Lấp.

Về xử lý rác thải: Công tác thu gom, xử lý rác thải: Đối với khu vực nông thôn tỷ lệ rác thải khu được thu gom xử lý tập trung đạt tỷ lệ 40%, do địa hình rộng, dân cư sống rải rác nên việc thu gom xử lý rác thải chủ yếu vẫn là do các hộ gia đình tự thu gom và xử lý tại chỗ bằng nhiều hình thức như chôn lấp, đốt tại vườn... Đối với thị trấn Kiến Đức và các vùng lân cận, UBND huyện đã ký kết hợp đồng với công ty Cổ phần Phát triển đô thị để thực hiện việc thu gom rác thải, khối lượng rác thải thu gom của thị trấn Kiến Đức đạt khoảng 80%. Phần lớn hình thức tiêu hủy rác thải phổ biến vẫn là đổ ở bãi rác và tiến hành chôn lấp, do điều kiện nguồn vốn đầu tư hạn chế nên

đa phần các hình thức xử lý này chưa đảm bảo về môi trường, ảnh hưởng đến môi trường cho người dân xung quanh, nước bãi rác chảy ra gây ô nhiễm, làm ô nhiễm nguồn nước ngầm, không khí, phát sinh ruồi muỗi ...gây dịch bệnh. Bãi rác thị trấn Kiến Đức đã đóng cửa nên hiện nay Công ty Cổ phần phát triển đô thị đang vận chuyển đổ ở bãi rác thành phố Gia Nghĩa dẫn đến kinh phí vận chuyển rác tăng cao. Hiện bãi rác xã Đạo Nghĩa đã được đầu tư lò đốt rác nhưng do khối lượng rác tập trung quá lớn nên không đáp ứng được nhu cầu tiêu hủy và xử lý dẫn đến tình trạng quá tải, số lượng rác tồn đọng tại bãi lớn.

2.6.4. Thực trạng phát triển cấu hạ tầng thông tin, truyền thông

Về hạ tầng thông tin và bưu điện: Trên địa bàn huyện Đăk R'lấp có 1 bưu điện Huyện đặt tại thị trấn Kiến Đức và 06 điểm phục vụ bưu chính, viễn thông và internet cho 7 xã. Còn 03 xã: Nhân Đạo, Đăk Wer, Hưng Bình đã bố trí phòng làm điểm giao dịch bưu chính, trong đó, xã Đăk Wer và Nhân Đạo đã có kế hoạch xây dựng bưu điện văn hóa xã. Các mạng vận chuyển được vận hành như sau:

- Mạng đường thư cấp I: (Tuyến đường thư liên tỉnh) từ thành phố Hồ Chí Minh đến Gia Nghĩa và ngược lại, do Bưu điện Đăk Nông quản lý, hiện có 1 tuyến tần suất 2 chuyến/ngày.

- Mạng đường thư cấp II: (Tuyến đường thư từ tỉnh xuống huyện và ngược lại) do Bưu điện huyện quản lý. Tuyến Gia Nghĩa - Đăk R'Lấp có tần suất 2 chuyến/ngày.

Về hạ tầng cung dịch vụ viễn thông: hầu hết các vùng trên địa bàn Huyện đã được phủ sóng điện thoại di động; công nghệ thông tin phát triển, 100% xã, phường đã có mạng lưới điện thoại đến các thôn, bon. Hệ thống hạ tầng mạng điện thoại và internet như sau

- Mạng điện thoại: trên địa bàn Đăk R'lấp có các trạm các trạm BTS 2G, 3G của các nhà mạng thuộc VNPT và Viettel. Các vùng sâu, vùng xa của Huyện, khả năng phủ sóng điện thoại di động còn yếu, thời gian tới cần đầu tư thêm các trạm BTS để nâng cao tỷ lệ phủ sóng di động trên địa bàn.

- Mạng Internet: Cùng với việc đầu tư cơ sở hạ tầng mạng, dịch vụ Internet được phát triển và mở rộng đến khắp các vùng trong Huyện. Hệ thống mạng truyền dẫn cáp quang đã được phủ kín trên tất cả các xã nên 100% số xã đã được đầu tư thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành. Đường truyền Internet tốc độ cao được cung cấp đến khách hàng không những là các cơ quan hành chính sự nghiệp,

doanh nghiệp, đại lý dịch vụ Internet mà còn cung cấp đến tận các hộ dân.

2.6.5. Hiện trạng nghĩa trang

Ngoài nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng khang trang tại các xã Quảng Tín, xã Đạo Nghĩa, trên địa bàn Huyện còn có nhiều nghĩa địa rải rác trên địa bàn các xã khác, về diện tích chỉ đạt loại IV (dưới 10ha). Hiện tại chưa có nghĩa trang sinh thái tập trung cho nhu cầu chôn cất của cộng đồng dân cư trên địa bàn Huyện.

2.6.6. Thực trạng phát triển hệ thống thủy lợi

Hiện tại đang thực hiện theo quy hoạch chi tiết thủy lợi huyện Đăk R'lấp giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Hệ thống thủy lợi liên xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt. Toàn huyện hiện có tổng số 40 công trình thủy lợi kiên cố, được nhà nước đầu tư. Trong đó có 30 công trình là hồ chứa, 10 công trình là đập dâng; trung bình mỗi xã có từ 2-6 công trình. Năng lực tưới đầy đủ thực tế đạt 7.867,56ha, đáp ứng 27,8% diện tích cây trồng cần tưới.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đăk Nông là tổ chức quản lý khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong đó có huyện Đăk R'lấp. Công tác quản lý và khai thác được địa phương và Công ty thực hiện khá tốt. Công trình thủy lợi liên xã được quản lý khai thác theo đúng quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng công suất và điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý trong hệ thống. Thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

2.6.7. Hiện trạng kiến trúc đô thị

Thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông là đô thị loại IV Ngày 30/6/2015 được Bộ Xây dựng công nhận tại Quyết định số 799/QĐ-BXD. Thị trấn Kiến Đức là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật của huyện Đăk R'Lấp, là trung tâm Tiểu vùng phía Nam tỉnh Đăk Nông và đầu mối giao lưu dịch vụ thương mại trên địa bàn huyện và các khu vực trong tỉnh. Hệ thống các công trình công cộng, hạ tầng xã hội trong khu vực thị trấn hiện khá đầy đủ, đáp ứng vai trò đô thị trung tâm huyện. Tuy nhiên, phân bố phân tán và quy mô chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển trong tương lai.

Về nhà ở, còn nhiều công trình còn chưa đáp ứng được yêu cầu của đô thị về tầng cao cũng như về thẩm mỹ công trình. Trong khu vực trung tâm thị trấn số nhà ở kiên cố tập trung dọc trục trung tâm thị trấn, nhất là khu vực thương mại. Đây là điều kiện

thuận lợi cho việc nâng cấp cải tạo trong quy hoạch nhằm đạt được không gian đô thị tốt tại thị trấn Kiến Đức.

Kiến trúc nhà ở trong khu vực nghiên cứu gồm 2 loại cơ bản: Nhà ở liền kề mặt phố trên trục đường quốc lộ 14, đường tỉnh lộ 681, tỉnh lộ 685, tầng cao phổ biến từ 2 đến 4 tầng, chủ yếu tập trung nhiều tại thị trấn Kiến Đức.

Công trình công cộng bao gồm: Hệ thống công trình hạ tầng xã hội (cơ quan, công trình công cộng, trường học...) được quan tâm đầu tư xây dựng cải tạo trong những năm gần đây nên chất lượng tương đối tốt. Tuy nhiên tổng quan khu vực vẫn là xây dựng thấp tầng mật độ thấp.

Cơ quan hành chính nhà nước: Các cơ quan trên địa bàn huyện với tầng cao chủ yếu từ 2-3 tầng, thời gian xây dựng cũng tương đối lâu và đã xuống cấp cần được chỉnh trang cải tạo để phát triển đồng bộ đô thị Kiến Đức là là một đô thị vệ tinh của Đắk Nông trong tương lai.

2.7. Thực trạng sử dụng đất đai

Huyện Đắk R'Lấp có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc bao gồm 1 thị trấn và 10 xã, tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện năm 2020 là 63.538, 87 ha, tăng 16,75 ha so với năm 2015. Cùng với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và quy mô dân số của huyện gia tăng, cơ cấu sử dụng đất có nhiều thay đổi trong thời gian qua để đáp ứng nhu cầu phát triển. Trong cơ cấu sử dụng đất của toàn huyện, đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng có xu hướng giảm nhẹ để chuyển đổi sang mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp, tuy nhiên đất nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu (chiếm 88,2% tổng diện tích đất tự nhiên năm 2020), cho thấy tốc độ phát triển các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp vẫn còn chậm, tiềm năng đất cho phát triển các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp còn lớn.

Bảng 2.21: Hiện trạng sử dụng đất giai đoạn 2015-2020 – Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	2015	2020	Tỷ trọng 2015 (%)	Tỷ trọng 2020 (%)
1.	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	57.335,18	56.095,38	90,20	88,22
1.1	<i>Đất sản xuất nông nghiệp</i>	<i>43.891,35</i>	<i>42.570,39</i>	<i>76,55</i>	<i>75,89</i>
	Đất trồng cây hàng năm	1.914,70	1.641,77	4,36	3,86
	Đất trồng cây lâu năm	41.976,66	40.928,62	95,64	96,14

1.2	Đất lâm nghiệp	13.161,54	13.216,01	22,96	23,56
	Đất rừng phòng hộ	12.860,07	12.469,90	97,71	94,35
	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-
	Đất rừng sản xuất	301,46	746,11	2,29	5,65
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	282,31	278,07	0,49	0,50
1.4	Đất nông nghiệp khác	-	30,90	-	0,06
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	6.029,42	7.299,53	9,49	11,48
2.1.	Đất ở	1.007,30	1.074,34	16,71	14,72
	Đất ở đô thị	119,37	128,53	11,85	11,96
	Đất ở nông thôn	887,93	945,81	88,15	88,04
2.2.	Đất chuyên dùng	2.795,68	3.881,29	46,37	53,17
	Đất trụ sở	17,15	18,60	0,61	0,48
	Đất quốc phòng, an ninh	28,07	33,29	1,00	0,86
	Đất SX - KD phi nông nghiệp	512,84	1.326,40	18,34	34,17
	Đất mục đích công cộng	2.074,07	2.359,26	74,19	60,79
2.3	Đất tín ngưỡng, tôn giáo	8,46	18,10	0,14	0,25
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	92,55	91,53	1,53	1,25
2.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	2.122,62	2.230,79	35,20	30,56
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	2,80	3,48	0,05	0,05
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	202,52	188,96	0,32	0,30
TỔNG SỐ		63567,12	63.583,86	100,0	100,0

Nguồn: Phòng TNMT huyện Đắk R'lấp

Đối với đất nông nghiệp có sự thu hẹp quy mô và tỷ lệ trong tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện do tác động của chuyển đổi sử dụng sang đất phi nông nghiệp. Đến năm 2020 tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện là 56.095,38 ha giảm 1239 ha so với năm 2015 và chiếm 88,2% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2015-2020, xu hướng chung là giảm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và tăng đất lâm nghiệp.

Đất sản xuất nông nghiệp có sự giảm nhẹ về quy mô và tỷ trọng trong tổng diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện, đến năm 2020 diện tích đất sản xuất nông nghiệp của toàn huyện là 42.570 ha, giảm 1320 ha so với năm 2015, chiếm 75,89% so với tổng diện tích đất nông nghiệp. Trong cơ cấu đất sản xuất nông nghiệp tỷ trọng đất trồng cây lâu năm chiếm tỷ trọng chủ yếu (chiếm 94,14% năm 2020) và có xu hướng

tăng, trong khi đất trồng cây hàng năm giảm về quy mô và tỷ trọng. Diện tích đất đò bazan của huyện phù hợp với tiềm năng phát triển của các cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế lớn như hồ tiêu, cà phê, chè, điều, cao su... Sự chuyển đổi về cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp sang các cây trồng lâu năm trong giai đoạn qua cho thấy huyện đã khai thác đúng hướng đi, góp phần nâng cao giá trị sử dụng đất.

Đất lâm nghiệp có sự tăng nhẹ về quy mô và cơ cấu trong giai đoạn 2015-2020, đến năm 2020 diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 13216,01 ha (chiếm 23,56% diện tích đất nông nghiệp) và tăng 54,27 ha so với năm 2015. Sự gia tăng chủ yếu là do tăng diện tích đất rừng sản xuất, trong khi diện tích đất rừng phòng hộ có sự sụt giảm nhẹ. Các chính sách về phát triển sản xuất lâm nghiệp đã khuyến khích người dân, tổ chức mở rộng diện tích đất rừng sản xuất qua đó góp phần bảo vệ môi trường, tăng tỷ lệ che phủ rừng của toàn huyện.

Đất nuôi trồng thủy sản có sụt giảm nhẹ về quy mô trong giai đoạn 2015-2020 tuy nhiên về tỷ trọng có sự tăng nhẹ trong cùng giai đoạn. Đến năm 2020 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 278,07 ha, chiếm 0,5% diện tích đất nông nghiệp cả huyện.

Đối với đất phi nông nghiệp có sự gia tăng về quy mô và tỷ trọng trong cơ cấu sử dụng đất tự nhiên. Đến năm 2020 diện tích đất phi nông nghiệp của toàn huyện là 7299,53 ha, tăng 1270 ha so với năm 2015, chiếm 11,48% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong cơ cấu đất sản xuất phi nông nghiệp đất chuyên dùng có tốc độ tăng nhanh so với các loại đất ở, đất tín ngưỡng tôn giáo, và các loại đất phi nông nghiệp khác.

Diện tích đất ở có xu hướng tăng nhẹ về quy mô nhưng giảm về tỷ trọng trong cơ cấu sử dụng đất phi nông nghiệp trong giai đoạn 2015-2020. Tổng diện tích đất ở năm 2020 là 1074 ha, tăng 67 ha so với năm 2020. Nguyên nhân dân số của huyện tăng nhẹ trong giai đoạn 2015-2016 (tăng 3266 người) so với giai đoạn 2011-2015 (tăng 5600 người). Trong cơ cấu sử dụng đất ở, đất ở nông thôn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu so với đất ở đô thị do tốc độ đô thị hoá còn chậm.

Đất chuyên dùng có xu hướng tăng mạnh về quy mô và tỷ trọng trong tổng diện tích đất phi nông nghiệp. Quy mô đất chuyên dùng đến năm 2020 là 3881 ha, tăng 1085 ha so với năm 2015, chiếm 53% tổng diện tích đất phi nông nghiệp của huyện. Đất chuyên dùng sử dụng cho các mục đích trụ sở, đất quốc phòng an ninh, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và đất mục đích công cộng đều tăng về quy mô trong giai đoạn 2015-2020. Trong đó đất sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh phi

nông nghiệp và phục vụ cho mục đích công cộng tăng nhanh nhất do sự phát triển của hoạt động sản xuất phi nông nghiệp. Tuy nhiên, trong cơ cấu đất chuyên dùng thì đất dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng thấp (chiếm 34,1% so với đất chuyên dùng, đất cho mục đích công cộng chiếm đến 60% năm 2020). Điều này cho thấy, tiềm năng đất cho sự phát triển các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp còn chưa được khai thác hết.

Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng tăng nhẹ về quy mô và giảm mạnh về tỷ trọng trong cơ cấu sử dụng đất phi nông nghiệp. Đến năm 2020 diện tích đất sông suối và mặt nước chuyên dùng là 2230 ha, tăng 108 ha so với năm 2015 và chiếm 30,5% diện tích đất phi nông nghiệp.

Các loại đất tín ngưỡng tôn giáo có xu hướng tăng nhẹ về quy mô và tỷ trọng trong khi đất nghĩa trang, nghĩa địa có xu hướng giảm nhẹ về quy mô, tỷ trọng trong tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

Đất chưa sử dụng của toàn huyện năm 2020 là 188,96 ha, giảm nhẹ so với năm 2015, đây là nguồn bổ sung để đáp ứng nhu cầu khai thác sử dụng trong các giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên quỹ đất chưa sử dụng của huyện không còn nhiều, do vậy việc nâng cao năng suất đất, sử dụng đất đúng mục đích, chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang các hoạt động có giá trị kinh tế theo quy hoạch có ý nghĩa quan trọng để khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai của huyện.

2.8. Thực trạng tổ chức không gian lãnh thổ

Thực trạng tổ chức không gian lãnh huyện Đắk R'lấp trong giai đoạn 2011 – 2020 được tổ chức như sau:

Về không gian phát triển kinh tế - xã hội: đối với trung tâm đô thị thị trấn Kiến Đức, tập trung phát triển các ngành dịch vụ, thương mại, du lịch và xây dựng và tiểu thủ công nghiệp. Tại khu vực xã Nhân Cơ phát triển công nghiệp khai thác bô xít, chế biến Alumin và luyện nhôm. Tại địa bàn các xã còn lại tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm nghiệp gắn với chế biến và dựng nông thôn mới. Tại địa bàn trung tâm các xã, đã hình thành các khu dân cư tập trung, phát triển thương mại dịch vụ phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp.

Về không gian phát triển đô thị: Quy hoạch phát triển huyện Đắk R'lấp giai đoạn 2010-2020 đã xác định thị trấn Kiến Đức sẽ phát triển thành thị xã trực thuộc tỉnh, các xã Nhân Cơ, Đạo Nghĩa, Quảng Tín sẽ phát triển lên đô thị để nâng cấp thành thị trấn

trực thuộc Huyện Đăk R'láp mới. Tuy nhiên do những điều kiện khách quan và chủ quan, quy hoạch phát triển đô thị khu vực Đăk R'láp nêu trên vẫn chưa thực hiện được. Không gian phát triển đô thị của Huyện trong giai đoạn qua tập trung ở khu vực thị trấn Kiến Đức hiện tại và dọc theo trục quốc lộ 14 đi qua địa bàn Huyện. Thực trạng bố trí không gian phát triển đô thị Kiến Đức thời gian qua mang đặc điểm sau:

- Khu đô thị Kiến Đức tập trung các cơ quan, trụ sở hành chính của Huyện, các công trình công cộng, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục, y tế, nghĩa trang, chợ cấp Huyện, dân cư tập trung đông, các hoạt động kinh tế, xã hội phát triển sầm uất nhất so với các khu vực khác trong Huyện.

- Ngoại trừ khu hành chính được xây dựng khá tập trung tại tổ dân phố 3 thị trấn Kiến Đức thì các khu chức năng khác đều được xây dựng phân tán, chưa hình thành các phân khu chức năng rõ nét về: Khu trung tâm văn hóa - công cộng; Khu trung tâm cây xanh, công viên, TDTT; Khu trung tâm dịch vụ, du lịch, thương mại; Khu trung tâm y tế, giáo dục đào tạo; Khu sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; Khu dân cư theo các mô hình phù hợp; Khu an ninh, quốc phòng; Khu vực dự trữ phát triển...

- Kiến trúc đô thị khu vực Kiến Đức chưa đáp ứng được yêu cầu của đô thị về tầng cao cũng như về thẩm mỹ công trình. Trong khu vực trung tâm thị trấn số nhà ở kiên cố tập trung dọc trục trung tâm thị trấn, các công trình cơ quan hành chính huyện Đăk R'Láp, cơ quan Thị trấn Kiến Đức, các đơn vị đóng trên địa bàn... đều là công trình kiến cố từ 1- 2 tầng. Chưa có các công trình kiến trúc tạo điểm nhấn cho đô thị.

Về không gian phát triển khu vực nông thôn: tại các xã khu vực nông thôn, bố trí phát triển sản xuất nông nghiệp trồng trọt và chăn nuôi gắn với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng thuận lợi cho các loại cây trồng, vật nuôi. Thực trạng không gian phát triển khu vực nông thôn Huyện Đăk R'láp trong thời gian qua mang những đặc điểm sau:

- Khu vực các điểm dân cư nông thôn: tập trung xung quanh khu vực chợ xã và UBND xã. Cùng với với các cơ quan hành chính cấp xã và chợ, các công trình trường học, trạm y tế, công trình thể thể thao, văn hóa cũng được bố trí tập trung ở khu vực trung tâm xã. Khu vực này thường tập trung đông dân cư, phát triển các loại hình kinh doanh, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống hằng ngày của người dân.

- Khu vực sản xuất nông nghiệp: là các địa bàn ngoài khu dân cư ở trung tâm xã. Dân cư được bố trí xen lẫn tại các diện tích đất nông nghiệp sở hữu và sản xuất nông nghiệp theo phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng đất đai. Đối với kinh tế nông nghiệp,

Huyện đã tập trung các loại cây trồng chính như cà phê, tiêu, điều, cao su và cây ăn trái. Chăn nuôi tập trung vào các nuôi bò, heo và dê. Bố trí sản xuất nông nghiệp của Huyện chủ yếu theo quy mô hộ gia đình với diện tích canh tác nhỏ trên mỗi nông hộ. Huyện đã dần xây dựng được các vùng sản xuất cà phê và hồ tiêu tập trung theo hướng liên kết các nông hộ liền kề để thống nhất về các kỹ thuật chăm sóc và mùa vụ sản xuất.

- Khu vực sản xuất công nghiệp: Phát triển khu công nghiệp Nhân cơ tại xã Nhân cơ theo quy hoạch khai thác và chế biến bô xít. Hiện tại, các hoạt động khai thác và chế biến bô xít đã được thực hiện tối đa công suất theo quy hoạch tại khu công nghiệp Nhân cơ. Nhà máy luyện nhôm cũng được xây dựng (đang tiến trình để đưa vào hoạt động). Ngoài công nghiệp khai thác bô xít và luyện nhôm được tập trung tại khu vực này theo quy hoạch thì các hoạt động sản xuất công nghiệp khác chưa được bố trí tập trung và còn nằm xem lẫn trong các vùng sản xuất nông nghiệp để gần vùng nguyên liệu chế biến.

2.9. Thực trạng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai –

2.9.1. Biến đổi khí hậu trên địa bàn

Trên địa bàn Huyện, hiếm khi xảy ra bão nhưng vào đầu mùa mưa thường xảy ra lốc, tố và lũ lụt. Để kịp thời với ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, 100% số xã có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương. Có các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh. Có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

2.9.2. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường

Trong thời gian qua, UBND huyện Đắk R'lấp đã tập trung chỉ đạo, đưa việc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất kinh doanh đi vào nề nếp, yêu cầu các dự án mới đầu tư trên địa bàn huyện phải thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật. Huyện đã giao cho các cơ quan chuyên môn thường xuyên theo dõi, kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh trong việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã cam kết, cử cán bộ đến tận cơ sở hướng dẫn thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên địa bàn huyện Đắk R'lấp có một số công trình trọng điểm của Quốc gia và của địa phương như: Khu công nghiệp Nhân Cơ, Nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ,

Nhà máy luyện nhôm Trần Hồng Quân (xã Nhân Cơ), ngoài ra còn nhiều công trình xây dựng như: các Dự án Thủy điện (Đăk Ker, Đăk Ka, Đăk R’Tih, Đăk Sin...) các khu trung tâm thương mại, bệnh viện, khu du lịch nghỉ dưỡng đã và đang được đầu tư xây dựng sẽ góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, mặt khác sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến hệ sinh thái và tác động đến môi trường của huyện Đăk R’lấp. Có nhiều nguồn tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm như:

- *Các nguồn tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm đất gồm:* Sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, chất thải sinh hoạt, trang trại chăn nuôi tập trung. Do tiếp nhận các nguồn nước thải, chất thải rắn có hàm lượng ô nhiễm cao cùng với các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của huyện, đặc biệt là khu vực sản xuất Alumin Nhân Cơ, số lượng các nguồn ô nhiễm này có xu hướng ngày càng gia tăng.

- *Các nguồn ô nhiễm môi trường nước của huyện bao gồm:* Nước thải sinh hoạt, nước thải từ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các dịch vụ sản xuất kinh doanh sử dụng nước thải, khu khai thác, sản xuất khoáng sản, từ quá trình nuôi trồng thủy sản, nước thải từ các bãi rác và các nguồn khác.

- *Về môi trường không khí:* Nhìn chung về chất lượng không khí của toàn huyện có chất lượng khá tốt. Tuy nhiên, ở các khu vực xung quanh nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ có ảnh hưởng đến chất lượng không khí, quá trình thi công của một số hạng mục của khu công nghiệp Nhân Cơ và một số công trình trên địa bàn khác gây ô nhiễm về không khí...

- *Xử lý rác thải đô thị:* xung quanh khu vực bãi xử lý rác thải Kiến Đức hiện nay đã quá tải và đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, UBND huyện đã thống nhất đóng cửa bãi rác thị trấn Kiến Đức theo Thông báo số 234/TB-UBND ngày 04/8/2020. Khối lượng rác thải thu gom của thị trấn Kiến Đức đạt khoảng 80%. Phần lớn hình thức tiêu hủy rác thải phổ biến vẫn là đổ ở bãi rác và tiến hành chôn lấp, do điều kiện nguồn vốn đầu tư hạn chế nên đa phần các hình thức xử lý này chưa đảm bảo về môi trường, ảnh hưởng đến môi trường cho người dân xung quanh, nước bãi rác chảy ra gây hôi thối, làm ô nhiễm nguồn nước ngầm, không khí, phát sinh ruồi muỗi ...gây dịch bệnh.

2.10. Phân tích những hạn chế, tồn tại cần giải quyết

Mặc dù được được sự quan tâm đặc biệt của tỉnh thông qua nhiều chính sách hỗ trợ và ưu tiên tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh trật tự. Nhưng do nguồn lực hạn chế, đặc thù về điều kiện địa hình tự

nhiên nên Đắc R'láp vẫn đang đứng trước những khó khăn, tồn tại nhất định cần được giải quyết đó là:

Thứ nhất, phân bố không gian sản xuất nông nghiệp của Huyện còn dàn trải, chưa tạo thành các tiểu vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh lớn, gắn với tổ chức không gian phát triển của Huyện. Quá trình liên kết ngành, vùng, chuỗi giá trị, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế trong sản xuất nông nghiệp. Điều này làm hạn chế đáng kể việc khai thác tiềm năng thế mạnh nông nghiệp của các địa phương trong Huyện.

Thứ hai, tăng trưởng nông nghiệp chủ yếu dựa vào tăng quy mô, mở rộng diện tích canh tác và phát triển theo chiều rộng. Sản lượng hàng hóa nông sản tăng qua các năm nhưng giá trị của các sản phẩm nông nghiệp chưa cao do chưa có các sản phẩm chế biến, đồng thời phương thức sản xuất nông nghiệp đa số nhỏ lẻ nên chưa phát huy hết giá trị của các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của Huyện.

Thứ ba, sự phát triển công nghiệp của Huyện thời gian qua ngoài dự án bê xít, tập trung chủ yếu vào phát triển công nghiệp chế biến thô và quy mô nhỏ dựa trên nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương, bên cạnh một số ít các doanh nghiệp có công nghệ, thiết bị hiện đại, nhiều doanh nghiệp công nghiệp có quy mô nhỏ, thiết bị sản xuất giản đơn, công nghệ chậm đổi mới, năng lực cạnh tranh còn hạn chế nên hiệu quả sản xuất chưa cao.

Thứ tư, với định hướng phát triển lên thị xã, thương mại dịch vụ là định hướng phát triển của Huyện nhưng quy mô phát triển vẫn còn rất nhỏ lẻ. Cơ cấu mặt hàng kinh doanh khá phong phú nhưng khối lượng lưu chuyển hàng hóa thấp do sức mua của dân cư địa phương hạn chế. Lĩnh vực du lịch những năm gần đây tuy đã có bước đầu phát triển nhưng chưa khai thác một cách có hiệu quả các tiềm năng. Các cơ sở lưu trú, hệ thống nhà hàng, khách sạn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Thứ năm, đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực cho ngành y tế, giáo dục, văn hóa còn nhiều hạn chế về nguồn vốn và cơ sở vật chất. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đạt hiệu quả chưa cao. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ chưa đi vào chiều sâu, hiệu quả còn thấp. Trình độ lao động vẫn còn thấp, tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp.

Thứ sáu, hệ thống kết cấu hạ tầng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, trung tâm thương mại dịch vụ lớn chưa hình thành, các hạ tầng

dịch vụ phục vụ du lịch chưa phát triển đáng kể, một số công trình thủy lợi trên địa bàn vẫn chưa thể triển khai hoàn chỉnh. Đặc biệt là hệ thống giao thông kết nối ngoại vùng để phát triển còn kém, gây khó khăn cho việc vận tải hành khách và hàng hóa.

Thứ bảy, quản lý đất đai còn nhiều bất cập, nhiều đơn thư khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến đất đai còn tồn đọng, kéo dài, chưa được giải quyết dứt điểm, công tác quản lý đất công còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, đất rừng chưa đảm bảo, việc thực hiện giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân quản lý, bảo vệ chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định.

Thứ tám, công tác quyết toán các công trình đầu tư xây dựng cơ bản chậm, kéo dài nhiều năm, đặc biệt là các công trình thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới. Một số công trình, dự án xây dựng triển khai trên địa bàn huyện sử dụng nguồn vốn Ngân sách trung ương chưa được bố trí vốn dẫn đến chậm tiến độ thực hiện theo kế hoạch. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới một số xã chưa tập trung chỉ đạo, tiến độ còn chậm so với yêu cầu đề ra.

Thứ chín, công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, khoáng sản chưa được chặt chẽ, tình trạng khai thác khoáng sản, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà ở, nhà xưởng trái phép còn xảy ra. Tuy nhiên, việc xử lý các trường hợp vi phạm chưa kiên quyết, triệt để; chính quyền địa phương chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản lý và xử lý vi phạm hành chính. Ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân trong công tác quản lý đất đai, đô thị, tài nguyên, khoáng sản, xây dựng còn hạn chế.

Thứ mười, mặc dù đã có những chuyển biến tích cực trong công tác cải cách hành chính, tuy nhiên việc triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chưa mang lại hiệu quả, người dân chưa quan tâm thực hiện. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại còn nhiều tồn tại chưa xử lý dứt điểm, nhiều vụ khiếu nại khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, nhất là lĩnh vực đất đai, môi trường, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư.

2.11. Phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức cho phát triển giai đoạn tới

2.11.1 Điểm mạnh

Với những điều kiện tự nhiên, nền tảng phát triển đã xây dựng, Huyện Đắk R'lấp

có những điều kiện thuận lợi và tiềm năng để phát triển kinh tế xã hội và hệ thống hạ tầng trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Huyện duy trì ở mức cao và ổn định, cao hơn mức tăng trưởng trung bình của cả tỉnh, chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện, chuyển dịch kinh tế theo hướng tích cực, quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng, có khả năng huy động được các nguồn lực và tiềm năng vào phát triển. Đây là nền tảng thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển trong thời gian tới.

Thứ hai, công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường được tăng cường và có nhiều tiến bộ. Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cải thiện về chất lượng. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, dịch vụ y tế công từng bước được nâng cao chất lượng, cơ sở hạ tầng y tế được quan tâm đầu tư. Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được quan tâm và bước đầu đạt một số kết quả nhất định, tạo nền tảng cho phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Thứ ba, vị trí địa kinh tế của Đắk R'lấp thuận lợi để phát triển thành đô thị vệ tinh phía Nam của thành phố Gia Nghĩa để phát triển mạnh thành đô thị công nghiệp, thương mại dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao. Vị trí của Đắk R'lấp thuận lợi để kết nối về phía Nam theo trục quốc lộ 14, đường cao tốc Đắk Nông – Bình Phước và đường sắt Tây Nguyên đoạn Đắk Nông – Bình Phước (theo quy hoạch).

Thứ tư, tỉnh Đắk Nông được xác định tập trung phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản với trọng tâm là phát triển công nghiệp khai thác và chế biến bô xít, luyện nhôm. Huyện Đắk R'lấp có các nền tảng về hạ tầng khai thác bô xít và chế biến Alumin tốt nhất trong tỉnh hiện nay, có trữ lượng bô xít dồi dào là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy công nghiệp khai thác và chế biến Alumin, chế biến nhôm và công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hỗ trợ cho ngành luyện nhôm và sau nhôm.

Thứ năm, điều kiện khí hậu ôn hòa, thuận lợi là thế mạnh của Huyện để phát triển kinh tế nông nghiệp, gắn với chế biến sâu. Tỉnh có diện tích đất đỏ bazan lớn, màu mỡ, điều kiện khí hậu thuận lợi phù hợp với phát triển cây công nghiệp dài ngày và chăn nuôi đại gia súc, thúc đẩy phát triển một nền nông nghiệp bền vững với nhiều sản phẩm nông lâm nghiệp, tạo ra các sản phẩm đặc thù, có sức cạnh tranh trên thị trường.

Thứ sáu, Huyện có lợi thế lớn trong việc tạo ra các quỹ đất sạch đến phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến sâu và khu công nghiệp. Hàng năm, sau khi khai thác bô xít, diện tích hoàn thổ sau khai thác khoảng 100ha/năm. Dự kiến tăng

lên 200ha/năm khi tăng trữ lượng khai thác lên gấp đôi. Đây là nguồn đất sạch mà ít có địa phương nào có được để kêu gọi các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, gắn chế biến sâu nông sản và phát triển khu công nghiệp.

2.11.2. Điểm yếu

Bên cạnh những thuận lợi, điểm mạnh có thể tập trung để khai thác và phát triển, huyện Đắk R'lấp cũng cần đẩy mạnh khắc phục những điểm yếu sau để tận dụng những cơ hội phát triển trong thời kỳ tới:

Thứ nhất, hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thương mại dịch vụ lớn chưa hình thành, các hạ tầng dịch vụ phục vụ du lịch chưa phát triển đáng kể, hệ thống giao thông kết nối ngoại vùng để phát triển còn kém, đầu tư cho ngành y tế, giáo dục, văn hóa còn nhiều hạn chế về nguồn vốn và cơ sở vật chất, một số công trình thủy lợi trên địa bàn vẫn chưa thể triển khai hoàn chỉnh.

Thứ hai, với định hướng phát triển lên thị xã, thương mại dịch vụ là định hướng phát triển của Huyện nhưng quy mô phát triển vẫn còn rất nhỏ lẻ. Cơ cấu mặt hàng kinh doanh khá phong phú nhưng khối lượng lưu chuyển hàng hóa thấp do sức mua của dân cư địa phương hạn chế. Lĩnh vực du lịch những năm gần đây tuy đã có bước đầu phát triển nhưng chưa khai thác một cách có hiệu quả các tiềm năng. Các cơ sở lưu trú, hệ thống nhà hàng, khách sạn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Thứ ba, phân bố không gian sản xuất nông nghiệp của Huyện còn dàn trải, chưa tạo thành các tiểu vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh lớn, gắn với tổ chức không gian phát triển của Huyện. Tăng trưởng nông nghiệp chủ yếu dựa vào tăng quy mô, mở rộng diện tích canh tác và phát triển theo chiều rộng. Quá trình liên kết ngành, vùng, chuỗi giá trị, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế trong sản xuất nông nghiệp.

Thứ tư, sự phát triển công nghiệp của Huyện thời gian qua ngoài dự án bột, tập trung chủ yếu vào phát triển công nghiệp chế biến thô và quy mô nhỏ dựa trên nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương, nhiều doanh nghiệp công nghiệp có quy mô nhỏ, thiết bị sản xuất giản đơn, công nghệ chậm đổi mới, năng lực cạnh tranh còn hạn chế nên hiệu quả sản xuất chưa cao.

Thứ năm, quản lý đất đai còn nhiều bất cập, nhiều đơn thư khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến đất đai còn tồn đọng, kéo dài, chưa được giải quyết dứt điểm, công tác quản lý đất công còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, đất rừng

chưa đảm bảo, việc thực hiện giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân quản lý, bảo vệ chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định.

Thứ sáu, công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, khoáng sản chưa được chặt chẽ, tình trạng khai thác khoáng sản, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà ở, nhà xưởng trái phép còn xảy ra. Tuy nhiên, việc xử lý các trường hợp vi phạm chưa kiên quyết, triệt để; chính quyền địa phương chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản lý và xử lý vi phạm hành chính. Ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân trong công tác quản lý đất đai, đô thị, tài nguyên, khoáng sản, xây dựng còn hạn chế.

2.11.3. Cơ hội

Trong giai đoạn tới, với việc mở cửa sâu rộng của đất nước và những chiến lược phát triển đột phá của tỉnh Đắk Nông, nhiều cơ hội mới được mở ra cho sự phát triển của huyện Đắk R'lấp, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Việt Nam đã hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có quan hệ ngoại giao, kinh tế với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Việc tham gia, trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế có uy tín, toàn cầu và khu vực và đã ký nhiều hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương, trong đó có những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới sẽ tiếp tục mở ra cơ hội nói chung Đắk Nông và Đắk R'lấp nói riêng tiếp tục phát triển.

Thứ hai, xu thế dịch chuyển dòng vốn FDI đã và đang diễn ra, ngày càng thể hiện rõ nét hơn từ khi có đại dịch Covid-19. Các tập đoàn đa quốc gia muốn dịch chuyển đầu tư từ Trung Quốc sang các nước châu Á khác như Indonesia, Malaysia, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Philippines... Đắk R'lấp với vị trí có khả năng kết nối cao, các điều kiện thuận lợi tự nhiên cùng các nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để đón làn sóng đầu tư mới vào Việt Nam.

Thứ ba, nằm ở khu vực miền núi Tây Nguyên, Đắk Nông nói chung và Đắk R'lấp nói riêng được hưởng nhiều chính sách ưu tiên từ trung ương, đặc biệt là các dự án tài trợ của các tổ chức phi chính phủ và viện trợ từ các nước phát triển trên thế giới để phát triển KT-XH. Dự kiến trong thời gian tới, Đắk Nông có thể tiếp nhận các nguồn ODA lớn trong các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đối phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường cũng như đầu tư cho mạng lưới kết cấu hạ tầng kỹ thuật-xã.

Thứ tư, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang nằm trong định

hướng ưu tiên phát triển của cả nước và của tỉnh. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang được Nhà nước và tỉnh quan tâm và có những chính sách đặc biệt ưu đãi. Đắk Lắk đã định hướng r các chuỗi giá trị nông sản công nghệ cao và xác định vùng trồng cho các sản phẩm chủ lực của Huyện. Điều này sẽ tạo cơ hội lớn cho việc quản lý và đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực này.

Thứ năm, huyện Đắk Lắk được tỉnh định hướng phát triển triển thành thị xã (tiêu chuẩn đô thị loại IV) trong quy hoạch của tỉnh và là đô thị vệ tinh phía Nam của thành phố Gia Nghĩa. Đây là cơ hội để Huyện có được các nguồn vốn đầu tư hoàn thiện các cơ sở hạ tầng trên địa bàn Huyện, thúc đẩy thu hút doanh nghiệp đầu tư, phát triển kinh tế xã hội của Huyện trong giai đoạn tới.

2.11.4. Thách thức

Bên cạnh những cơ hội đặt ra, Huyện cũng sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức cần phải vượt qua để phát triển, những thách thức đó xuất phát cả từ bên ngoài và bên trong nội tại của của Huyện, cụ thể như sau:

Thứ nhất, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng sẽ đặt doanh nghiệp Việt Nam trước thách thức phải cạnh tranh quyết liệt với các doanh nghiệp, các sản phẩm hàng hóa của nước ngoài. Trong khi các doanh nghiệp trên địa Huyện phổ biến là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trình độ công nghệ thấp, năng lực tài chính hạn chế phải cạnh tranh với những doanh nghiệp lớn, công nghệ cao sẽ có nguy cơ thất bại không chỉ ở thị trường xuất khẩu mà cả trên thị trường nội địa.

Thứ hai, tình hình chính trị - xã hội của thế giới và khu vực còn tiềm ẩn nhiều bất ổn, các cuộc chiến tranh thương mại ảnh hưởng tới phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, tình hình sản xuất, kinh doanh trong nước gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh trên vật nuôi, cây trồng, dịch bệnh Covid-19 phức tạp làm thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước giảm nên khó khăn trong kêu gọi đầu tư và tiêu thụ hàng hóa.

Thứ ba, đối với sản xuất nông nghiệp, tuy địa bàn Huyện không có bão nhưng vào đầu mùa mưa thường xảy ra lốc, tố, mưa đá với cường độ lớn, ảnh hưởng không nhỏ đối với sản xuất nông nghiệp, cây cối, hoa màu, nhất là cây ăn quả. Mặt khác lượng mưa lớn gây xói mòn, rửa trôi, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng ra hoa, thụ phấn, đậu quả của một số cây trồng.

Thứ tư, thách thức trong việc đổi mới tư duy phát triển, tư duy quy hoạch. Tư duy quy hoạch mới cần lựa chọn các ngành, lĩnh vực để tích hợp phát triển nhằm phát huy

được thể mạnh của Huyện, tập trung tăng trưởng theo chiều sâu, tạo ra động lực mới cho phát triển. Với thói quen và tập quán lâu đời và sự chậm trễ trong cải cách hệ thống thể chế chung hiện nay, việc đổi mới tư duy phát triển là vấn đề cấp bách để có thể thực hiện thành công quy hoạch.

Thứ năm, phát triển đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại IV để nâng cấp lên thị xã thiếu về nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn ngân sách hàng năm bố trí cho Huyện chưa đáp ứng cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nên quá trình phát triển đô thị sẽ gặp nhiều thách thức. Bên cạnh đó, đất ở mật độ thấp còn lớn (còn lẫn vườn sản xuất trong lô đất ở) ảnh hưởng đến xây dựng một đô thị tập trung, có chất lượng tốt. Địa hình phức tạp, độ dốc lớn gây khó khăn cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng nhất là san nền và giao thông, tạo thách thức trong quản lý xây dựng để phát triển đô thị mang tính đặc thù.

PHẦN III: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

3.1. Dự báo bối cảnh tác động đến phát triển kinh – xã hội Huyện

3.1.1. Bối cảnh quốc tế

Trong giai đoạn 10 năm tới, dự báo bối cảnh quốc tế tác động đến sự phát triển của tỉnh Đắk Nông nói chung và huyện Đắk R’lấp nói riêng ở những điểm sau:

Thứ nhất, toàn cầu hóa và liên kết kinh tế quốc tế ngày càng phát triển mạnh mẽ. Toàn cầu hóa đã trở thành trào lưu, thúc đẩy mạnh mẽ các luồng đầu tư, thương mại, dịch vụ tài chính liên và xuyên quốc gia. Tuy nhiên, liên kết kinh tế quốc tế cũng đang có xu hướng chững lại với xu hướng bảo hộ mậu dịch ngày càng cao. Bên cạnh đó, chủ nghĩa dân túy và dân tộc cực đoan trỗi dậy làm gia tăng áp lực thắt chặt viện trợ toàn cầu từ các nước phát triển cho các nước đang phát triển như Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Đắk R’lấp cần chủ động mở rộng các quan hệ hợp tác, liên kết, đầu tư trong nước và quốc tế, đặc biệt các nguồn vốn ODA, vốn phi chính phủ cho phát triển các vùng miền núi, khó khăn.

Thứ hai, cách mạng 4.0 và chuyển đổi số là động lực tăng trưởng trong tương lai. Trong bối cảnh mới này, Đắk R’lấp với định hướng là đô thị vệ tinh của Gia Nghĩa ở trục phát triển phía Nam có nhiều cơ hội để tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng các công nghệ 4.0 để phát triển kinh tế, xã hội trên các lĩnh vực dịch vụ, thương mại điện tử, chính quyền điện tử, hiện đại hóa hành chính và phát triển đô thị thông minh, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

Thứ ba, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu toàn cầu đã và đang tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế-xã hội và môi trường toàn cầu. Việt Nam nằm trong khu vực chịu nhiều thiên tai, đặc biệt là các tỉnh vùng Tây Nguyên chịu ảnh hưởng nặng của tình trạng hạn hán, lụt, sạt lở đất, tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất. Trước bối cảnh đó, yêu cầu Đắk R’lấp có những động thái mạnh mẽ trong việc chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với bảo vệ rừng, hạn chế thấp nhất tác động của biến đổi khí hậu do con người gây ra.

Thứ tư, dịch bệnh toàn cầu diễn biến nguy hiểm. Kinh tế toàn thế giới rơi vào tình trạng khủng hoảng do tác động của dịch bệnh. Tác động của dịch bệnh Covid – 19 đã làm suy giảm kinh tế thế giới ở tất cả các mặt từ sản xuất, đầu tư, thương mại,

dịch vụ đến tiêu dùng và làm xáo trộn chuỗi cung ứng toàn cầu. Nếu dịch bệnh kéo dài sẽ có khả năng làm suy giảm đầu tư, sản xuất và tăng trưởng kinh tế của các quốc gia và Việt Nam, trong đó, các tỉnh nghèo như Đắk Nông sẽ bị tác động nặng nề h

3.1.2. Bối cảnh trong nước

Cùng với xu hướng mới của quốc tế tác động đến kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông nói chung và Đắk R'lấp nói riêng, bối cảnh phát triển mới của quốc gia cũng có những tác động rõ nét và mạnh mẽ đến sự phát triển của Huyện trong thời gian tới. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, sự thành công của Đại hội Đảng lần thứ XIII đặt ra phương hướng phát triển phù hợp. Ba đột phá chiến lược của Đại hội Đảng lần thứ XIII là hoàn thiện thể chế pháp luật, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ về kinh tế-xã hội sẽ mở ra cơ hội cho Đắk Nông và Huyện Đắk R'lấp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư của tỉnh, xây dựng kết cấu hạ tầng đột phá và phát triển nguồn nhân lực, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ hai, động lực phát triển mới từ đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Trong thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, hoàn thiện mô hình tăng trưởng đồng bộ trên cả phương diện kinh tế - kỹ thuật, kinh tế - xã hội và kinh tế - sinh thái. Với tỉnh Đắk Nông và huyện Đắk R'lấp, do quy mô nền kinh tế còn nhỏ, tăng trưởng chưa theo chiều sâu, năng suất, năng suất sản xuất còn thấp. Bối cảnh phát triển mới đòi hỏi Đắk R'lấp đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng mới dựa trên năng suất lao động, đổi mới sáng tạo dựa trên khoa học-công nghệ, nâng cao năng lực quản trị chiến lược, và kiến tạo sức mạnh cộng hưởng cho tăng trưởng bền vững thông qua liên kết vùng.

Thứ ba, chính phủ kiến tạo - chính phủ thông minh là cơ chế điều hành mới trong phát triển. Việc thay đổi tư duy quản lý của chính phủ sẽ giúp tạo ra môi trường chính sách thuận lợi và cơ hội phát triển kinh tế hấp dẫn hơn cho các doanh nghiệp trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài. Đây là cơ hội cho sự phát triển của Đắk Nông và Đắk R'lấp theo các xu hướng trên thông qua ứng dụng công nghệ cao, các tiến bộ khoa học- kỹ thuật mới vào sản xuất và nâng cao năng lực của chính quyền điện tử, hiện đại hóa nền hành chính.

Thứ tư, hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng. Phần lớn các FTA

mà Việt Nam tham gia đang chuyển sang giai đoạn cắt giảm sâu thuế quan, mở ra cơ các sản phẩm thế mạnh của Đắk R'lấp tham gia xuất khẩu. Tuy nhiên, các hàng rào kỹ thuật là những rào cản khi thâm nhập vào thị trường các nước đối tác FTA, hàng hoá nội địa cũng sẽ đối mặt với áp lực cạnh tranh từ hàng hoá của các nước đối tác trên chính thị trường nội địa khi phân lớn doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Đắk R'lấp nói riêng đều có quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

Thứ năm, khu vực kinh tế tư nhân ngày càng phát triển và môi trường kinh doanh cải thiện. Khu vực kinh tế tư nhân đang nổi lên và là động lực chính cho tăng trưởng của Việt Nam với sự tăng nhanh về số lượng, quy mô và mạng lưới hoạt động. Với nhiều tiềm năng chưa khai thác hết, đây là điều kiện thuận lợi để Đắk R'lấp có thể cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khuyến khích mạnh mẽ đầu tư tư nhân đầu tư vào địa bàn Huyện.

Thứ sáu, tình hình dịch bệnh trên người và vật nuôi trong nước ngày diễn biến phức tạp. Tác động của dịch bệnh Covid – 19 kéo dài có nguy cơ đã làm suy giảm kinh tế đất nước ở tất cả các mặt và kéo theo các hệ lụy xã hội. Đối với Đắk Nông và Đắk R'lấp, cùng với bối cảnh chung của cả nước, các hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ bị đình trệ do áp dụng các biện pháp phòng bệnh. Bên cạnh đó, các bệnh trên vật nuôi như cúm gia cầm, dịch tả lợn luôn là mối đe dọa trong sản xuất nông nghiệp của Huyện.

3.1.3. Bối cảnh của vùng và tỉnh

Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước; có hành lang tự nhiên với Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và hệ thống giao thông kết nối với các tỉnh duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ; các cửa khẩu quốc tế trên tuyến hành lang Đông - Tây và gần các cảng biển nước sâu vùng duyên hải Trung Bộ. Nằm trong Vùng Tây Nguyên, Đắk R'lấp có những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội cùng chiến lược phát triển chung của Vùng Tây Nguyên trong mối liên kết phát triển với cả nước và với các vùng lân cận. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, Vùng Tây Nguyên và Đắk Nông được xác định khung phát triển phù hợp với điều kiện đặc thù. Đó là tập trung tâm phát triển phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản với trọng tâm là khai thác và chế biến bô xít, luyện nhôm của cả nước; nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến sâu; dịch vụ, du lịch

và nghỉ dưỡng; các khu kinh tế quốc phòng, biên giới. Đây là khung phát triển thuận lợi để Huyện Đắk R'lấp liên kết phát triển.

Thứ hai, liên kết trong tổ chức chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh của Vùng Tây Nguyên và Đắk Nông ngày càng hoàn chỉnh. Các tỉnh Tây Nguyên sự tương đồng nhất định và lợi thế về đất đai, tài nguyên khí hậu đặc thù để cùng liên kết trong phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá quy mô lớn theo chuỗi giá trị. Đồng thời, Tây Nguyên có đặc trưng, sắc thái văn hoá của nhiều dân tộc, nhiều di sản văn hóa, các loại hình sinh hoạt văn hóa phong phú, hệ thống danh lam, thắng cảnh thuận lợi để phát triển du lịch. Điều kiện này thuận lợi để Đắk R'lấp xây dựng môi liên kết các điểm, tuyến du lịch giữa các tỉnh trong Vùng.

Thứ ba, về kết nối quốc tế của Vùng Tây Nguyên ngày càng được mở rộng. Vùng Tây Nguyên đã đẩy mạnh các mối quan hệ hợp tác quốc tế quan trọng như Hợp tác giữa Tây Nguyên và các địa phương của nước bạn Lào và Campuchia trong khuôn khổ hợp tác xây dựng Tam giác phát triển Việt Nam - Lào – Campuchia; hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS); hợp tác phát triển các hành lang Đông - Tây và các hợp tác song phương. Các mối quan hệ hợp tác quốc tế trong khuôn khổ Vùng Tây Nguyên với các đối tác sẽ tạo ra vị thế mạnh hơn so từng địa phương trong Vùng. Đây là cơ hội thuận lợi để Đắk Nông và Đắk R'lấp đẩy mạnh liên kết với các đối tác quốc tế trong khuôn khổ hợp tác của toàn Vùng.

Thứ tư, chính phủ có những chính sách đặc thù cho vùng Tây Nguyên và Đắk Nông. Tây Nguyên nói chung và Đắk R'lấp nói riêng hiện nay vẫn còn là một vùng nghèo với địa hình hiểm trở, nơi tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và là cứ địa phòng thủ quốc phòng quan trọng của quốc gia, do đó, luôn được Đảng và nhà nước quan tâm đầu tư với những chính sách đặc thù. Đây là điều kiện thuận lợi để Đắk R'lấp tiếp cận các nguồn vốn từ trung ương để đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo nền tảng để kêu gọi đầu tư và phát triển trong thời gian tới.

Thứ năm, cạnh tranh trong thu hút đầu tư trong Vùng ngày càng cao. Do có sự tương đồng cao trong điều kiện tự nhiên và tiềm năng phát triển nên các tỉnh trong Vùng Tây Nguyên có sự cạnh tranh cao trong thu hút đầu tư. Trong đó, Đắk Nông là tỉnh thành lập sau, điều kiện về cơ sở hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ chưa đủ mạnh để cạnh tranh với các tỉnh trong thu hút doanh nghiệp. Đắk R'lấp với định hướng phát triển lên thị xã và phát triển mạnh thương mại, dịch vụ nhưng hệ thống hạ tầng còn

chưa hoàn thiện, dân số còn ít nên khó cạnh tranh trong kêu gọi các nhà đầu tư vào lĩnh vực thương mại dịch vụ so với đô thị trong Vùng Tây Nguyên.

3.2. Quan điểm và mục tiêu phát triển

3.2.1. Quan điểm phát triển

(1) Phát triển huyện Đăk R’lấp theo hướng đô thị công nghiệp, thương mại dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với định hướng chung của tỉnh Đăk Nông, đặt trong mối quan hệ với hệ thống đô thị vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và hội nhập quốc tế.

(2) Chủ động, tích cực phá huy lợi thế từ những dự án cấp Quốc gia, cấp tỉnh đã, đang và sẽ đầu tư trên địa bàn Huyện, trọng tâm và công nghiệp khai thác bô xít, chế biến alumin và luyện nhôm. Phát triển công nghiệp hỗ trợ xoay quanh chuỗi giá trị của công nghiệp alumin – nhôm, xem đây là trục động lực cho phát triển đô thị công nghiệp của Huyện để phát triển lên thị xã.

(3) Khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của Huyện, huy động tối đa các nguồn lực, nhất là các nguồn lực từ bên ngoài, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ tiên tiến, thành tựu của CMCN 4.0 để tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng và thương mại, dịch vụ.

(4) Phát triển kinh tế gắn với phát triển và đào tạo con người, thực hiện tốt công bằng xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, quan tâm hơn nữa đến đồng bào dân tộc thiểu số, bảo vệ môi trường sinh thái, triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm bảo đảm cho phát triển bền vững.

(5) Phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, xác định phòng thủ quốc phòng và an ninh trên địa bàn Huyện là điều kiện cho phát triển ổn định và bền vững.

3.2.2. Mục tiêu phát triển chung

Phát triển kinh tế - xã hội bền vững dựa trên các lợi thế, tiềm năng của huyện và phát huy niềm tin, khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên của nhân dân các dân tộc trong huyện, đồng thời giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đến năm 2030, phát triển huyện Đăk R’lấp trở thành thị xã (đô thị loại IV) và tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng đô thị Đăk R’Lấp là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã

hội, khoa học công nghệ của tiểu vùng phía Nam tỉnh Đắk Nông và đầu mối giao lưu dịch vụ thương mại với các tỉnh bạn phía Nam.

3.3.3. Mục tiêu phát triển cụ thể

Để đạt được mục tiêu chung đã đặt ra và dựa trên dự báo các bối cảnh phát triển, sử dụng các điểm mạnh, khắc phục các điểm yếu, tận dụng các cơ hội và vượt qua các thách thức, các mục tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội, phát triển cơ sở hạ tầng và an ninh quốc phòng được xác định như sau:

Bảng 3.1: Mục tiêu phát triển kinh tế

STT	Chỉ tiêu	2016-2020	2021-2025	2025-2030
01	Tăng thu ngân sách (%)	14%/năm	10-12%/năm	12-14%/năm
02	Tổng số DN (đến cuối thời kỳ)	266	400	600
03	Xây dựng nông thôn mới (đến cuối thời kỳ)	8/10 xã đạt NTM	10/10 xã đạt NTM 05/10 xã đạt NTM nâng cao 02/05 xã đạt NTM kiểu mẫu	05 xã còn lại đạt NTM nâng cao 02 xã đạt NTM kiểu mẫu
04	Phát triển đô thị (thành lập thêm phường)	-		6 phường
05	Tỷ lệ che phủ rừng	41,86%	41- 42% %	42– 44%

- Các phường được thành lập đến năm 2030 để thành lập thị xã Đắk R'lấp bao gồm: Kiến Đức, Quảng Tín, Đắk Wer, Nhân Cơ, Kiến Thành, và Nghĩa Thắng.

Bảng 3.2: Mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội

STT	Chỉ tiêu	2016-2020	2021-2025	2025-2030
01	Tỷ lệ hộ nghèo (đến cuối thời kỳ)	1,3%	< 1,0%	< 0,5%
02	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	1,35%	< 1,5%	< 1,5%
03	Lao động qua đào tạo	52%	60%	75%
04	Tạo việc làm mới	-	3.100	6.000
05	Tỷ lệ tham gia BHYT	90%	95%	100%
06	Số giường bệnh/vạn dân	27	29	35
07	Số bác sỹ/vạn dân	9	10	12
08	Tiêm chủng mở rộng	95%	> 95%	> 95%
09	Trường học đạt chuẩn quốc gia	47%	70%	80%
10	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn (Theo các nghị định năm 2020)	-	85%	100%
11	Tỷ lệ gia đình văn hóa	90%	92%	95%

12	Tỷ lệ thôn bon, tổ dân phố văn hóa	87%	92%	95%
13	Tỷ lệ cơ quan văn hóa	98%	100%	100%
14	Phường đạt chuẩn văn minh đô thị	-	-	4/6 phường

(3) Mục tiêu phát triển cơ sở hạ tầng

- *Giao thông*: đến năm 2030, hoàn thiện các hệ thống giao thông trên địa bàn Huyện đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV để phát triển lên thị xã. Cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ nhựa hóa đường huyện 100%; đường xã/nông thôn đạt 95%; nâng cấp, cải tạo các tuyến đường Huyện, đường đô thị từ 15-20%/năm; nâng cấp các tuyến đường xã/nông thôn từ 5-10%/năm.

+ Xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng bến xe, bãi đậu xe, mạng lưới vận tải hành khách đảm bảo nhu cầu đi lại, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và tiêu chuẩn đô thị loại IV.

+ Hoàn thiện các hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo các tuyến đường đô thị, hệ thống cây xanh, chiếu sáng, cảnh quan đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.

+ Phát triển, mở rộng các tuyến đường tỉnh lộ, đường tránh, đường cao tốc, đường sắt đi qua địa bàn Huyện theo quy hoạch giao thông Quốc gia và Quy hoạch giao thông của tỉnh Đắk Nông.

- *Thủy lợi*: Đến năm 2025, đảm bảo nguồn nước cho 90% diện tích cây trồng có nhu cầu, đến năm 2030 đảm bảo nguồn nước cho 100% diện tích cây trồng có nhu cầu.

- *Điện*: đến năm 2025, 100% số hộ được dùng điện an toàn và đáp ứng đủ nguồn điện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- *Nước*: Đến năm 2025, 98% hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và đảm bảo 80% dân số nội thị được sử dụng nước sạch; đến năm 2030 đảm bảo 100% dân số nội thị được sử dụng nước sạch.

- *Thu gom và xử lý rác thải*: Đến năm 2025, 100% rác thải được thu gom và xử lý phù hợp, trong đó có 60% được thu gom và xử lý chôn lấp tập trung. Đến năm 2030, xây dựng nhà máy xử lý rác thải trên địa bàn Huyện, xử lý rác thải của khu vực đô thị tại khu vực tập trung đạt 100%.

(4) Mục tiêu lĩnh vực an ninh quốc phòng

- Đối với quốc phòng: tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, thủ

đoạn của các thế lực thù địch và bọn tội phạm; ngăn chặn, vô hiệu hóa hoạt động móc nối, phát triển lực lượng vào bên trong của FULRO lưu vong, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, vượt biên, xâm nhập trái phép. Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc.

- Đối với an ninh: giai đoạn 2021-2025, giảm từ 3-5% số vụ phạm pháp hình sự; tỷ lệ giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 90%; tỷ lệ điều tra khám phá án hình sự đạt 75% trở lên, kiểm chế và làm giảm tai nạn giao thông từ 5-10% số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông gây ra. Giai đoạn 2026-2030, giảm từ 7-10% số vụ phạm pháp hình sự; tỷ lệ giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 95%; tỷ lệ điều tra khám phá án hình sự đạt 80% trở lên, Kiểm chế và làm giảm tai nạn giao thông từ 10-15% số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông gây ra.

(5) Các chỉ tiêu sử dụng đất và phát triển hạ tầng để xây dựng thị xã Đăk R'lấp

Các nhóm chỉ tiêu cơ bản để phát triển cấp độ thị loại IV cho huyện phát triển lên thị xã Đăk R'lấp vào năm 2030.

Bảng 3.3: Các nhóm chỉ tiêu cơ bản để phát triển cấp đô thị loại IV tại thị xã Đăk R'lấp vào năm 2030

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu	
			Năm 2025	Năm 2030
I	Chỉ tiêu diện tích sử dụng đất			
1.1	Đất xây dựng đô thị	ha	2500 - 3000	3000 -3500
	Diện tích đất XD bình quân	m2/ng	300 - 350	250 - 280
1.2	Đất các khu vực dân dụng	ha	700 - 850	1000 - 1200
	Bình quân đất dân dụng	m2/ng	85 - 100	85 - 100
1.2.1	- Đất khu ở	m2/ng	60 - 65	60 - 65
1.2.2	- Đất công trình công cộng	m2/ng	3 - 5	3 - 5
1.2.3	- Đất giao thông	m2/ng	17 - 20	17 - 20
1.2.4	- Đất cây xanh TDDT	m2/ng	5 - 7	5 - 7
1.3	Đất ngoài dân dụng	ha	1800 - 2150	2000 - 2300
	Bình quân đất ngoài dân dụng	m2/ng	215 - 250	165 - 180
II	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
2.1	Mật độ đường	Km/Km2	≥ 9	≥ 10
2.2	Tỷ lệ đất giao thông	% đất XDDT	20-25	20-25
2.3	Chỉ tiêu cấp nước sạch	Lít/người/ngđ	120	120
2.4	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	KWh/người.nă m	1000	1000
2.5	Chỉ tiêu cấp điện công cộng	w/m2 sàn	10 - 30	10 - 30

2.6	Chỉ tiêu thoát nước thải	tỷ lệ % lượng nước cấp	100	100
2.7	VSMT (lượng rác thải)	kg/ng/ngày	0,9	0,9
2.8	Đất nghĩa trang	m2/ng	4 - 6	4 - 6

3.3. Định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế

3.3.1. Phát triển lĩnh vực nông, lâm, thủy sản

3.3.1.1. Định hướng chung phát triển nông lâm thủy sản

- Phát triển lĩnh vực nông lâm thủy sản gắn liền với định hướng phát triển đô thị của Huyện, gắn các hoạt động sản xuất nông nghiệp với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, giải quyết công ăn việc làm, tạo thu nhập cho người dân tại các khu vực nông thôn và vùng ven đô thị (sau khi nâng cấp lên thị xã vào năm 2030).

- Tập trung vào việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi thế mạnh, có giá trị gia tăng cao và gắn với thị trường tiêu thụ, xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đặc trưng, làm điểm nhấn thu hút khách du lịch gắn với các thương hiệu sản phẩm OCOP của Huyện.

- Ổn định diện tích các loại cây trồng chủ lực, áp dụng công nghệ vào sản xuất để làm gia tăng lợi nhuận. Hình thành các chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao giá trị sản xuất.

- Định hướng phát triển nông nghiệp đô thị tại vùng lõi đô thị dự kiến (6 phường dự kiến của thị xã vào năm 2030) để chừa quỹ đất và không gian cho phát triển đô thị, gắn với du lịch, phát triển nông nghiệp với các mô hình sản xuất có nhu cầu đất sản xuất ít và giá trị gia tăng cao. Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ở nông thôn để đẩy mạnh liên kết sản xuất.

3.1.2. Mục tiêu phát triển nông lâm thủy sản

Mục tiêu phát triển lĩnh vực nông lâm thủy sản đến giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là xây dựng nền nông nghiệp theo chiều sâu, sản xuất hàng hóa gắn với liên kết chuỗi giá trị, phát triển nông thôn mới và ứng dụng khoa học công nghệ cao. Gắn kết phát triển nông nghiệp với thương mại dịch vụ và du lịch để nâng cao giá trị gia tăng. Các mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu giai đoạn 2021 – 2025:

- Triển khai thực hiện đề án “ Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ

cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035”.

- Phát triển 15 mô hình điểm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- Phát triển 05 trang trại sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy sản xuất lớn
- Xây dựng và phát triển 2 chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp (chuỗi giá trị cà phê và chuỗi giá trị hồ tiêu)
- Duy trì 30 HTX, tổ hợp tác nông nghiệp hoạt động hiệu quả
- Đến năm 2025, giá trị sản xuất/1ha đất trồng trọt đạt 90 triệu/ha, giá trị sản xuất/1ha đất nuôi trồng thủy sản đạt 170 triệu đồng.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt từ 41-42%

Mục tiêu giai đoạn 2026 – 2030:

- 50% diện tích canh tác nông nghiệp có ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong sản xuất
- Phát triển 10 trang trại sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy sản xuất lớn
- Xây dựng và phát triển 3 chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp (chuỗi giá trị cà phê và chuỗi giá trị hồ tiêu, chuỗi giá trị trái cây)
- Xây dựng 2 chuỗi giá trị trong chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao (Chuỗi giá trị heo và chuỗi giá trị bò)
- Phát triển mô hình nông nghiệp đô thị bền vững tại địa bàn 6 phường (sau khi thành lập thị xã Đắk R’lấp)
- Đến năm 2025, giá trị sản xuất/1ha đất trồng trọt đạt 110 triệu/ha, giá trị sản xuất/1ha đất nuôi trồng thủy sản đạt 190 triệu đồng.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt từ 42-44%

3.3.1.3. Định hướng cụ thể và bố trí không gian phát triển trồng trọt

Do nhu cầu khai thác bô xít, phát triển KCN của tỉnh trên địa bàn Huyện và phát triển hạ tầng đô thị để phát triển lên thị xã vào năm 2030 nên trong giai đoạn tới, Huyện sẽ bố trí nhiều quỹ đất để khai thác bô xít, xây dựng KCN và công trình, khu dân cư đô thị. Phần diện tích này sẽ được lấy từ phần diện tích đất nông nghiệp. Dự báo trong giai đoạn 2021 – 2025 đất nông nghiệp giảm từ 2-3% và trong giai đoạn 2026 – 2030 đất nông nghiệp giảm 3-4% để phục vụ cho các nhu cầu trên. Diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp và quỹ đất chưa sử dụng không còn nhiều nên đòi hỏi phải sử

dụng đất một cách tiết kiệm và có hiệu quả. Diện tích đất khai thác bô xít được hoàn thổ mỗi năm đưa vào Quỹ đất dự trữ phát triển.

Bảng 3.4: Dự báo nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn Huyện đến năm 2030

Loại đất	Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
Đất nông nghiệp (ha)	56.095	54.693	52.681
Đất phi nông nghiệp (ha)	7.229	8.631	10.643

Đối với việc phát triển ngành trồng trọt trên địa bàn huyện Đăk R’láp trong thời gian tới cần tiếp tục ổn định diện tích các cây trồng chính đã khẳng định lợi thế trên địa bàn là cà phê, cao su, hồ tiêu, điều và cây ăn quả phục vụ nhu cầu nội vùng và xuất khẩu. Chuyển đổi phần diện tích cây trồng hiệu quả thấp sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là các loại cây ăn trái như sầu riêng, măng cụt... Bên cạnh đó, cần tập trung nâng cao trình độ sản xuất, chú trọng mở rộng diện tích kết hợp với việc bố trí cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng địa bàn xã. Đưa các giống mới gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đặc biệt là ứng dụng chọn lọc kỹ thuật cao để tạo hiệu quả vượt trội, nâng cao chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của từng thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập. Trong thời gian tới, định hướng các cây trồng cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả và hoa màu sẽ hình thành những chuỗi giá trị nông sản chủ lực của Huyện. Định hướng phát triển và phân bố không gian sản xuất đối với nhóm các cây trồng trên địa bàn Huyện trong giai đoạn tới như sau:

(1) Định hướng và không gian phát triển cây cà phê

Thổ nhưỡng và khí hậu của huyện Đăk R’láp phù hợp cho phát triển cây cà phê với diện tích năm 2020 là 19.896 ha. Trong giai đoạn đến năm 2030, định hướng sẽ ổn định diện tích cà phê hiện có tại địa bàn trên Huyện. Đồng thời cải tạo các vườn cây già cỗi nhằm tăng năng suất và thu nhập cho người nông dân. Riêng tại thị trấn Kiến Đức, Quảng Tín, Đăk We, Nhân Cơ, Kiến Thành và Nghĩa Thắng không định hướng mở rộng diện tích trồng cà phê, sẽ giữ lại phần diện tích cà phê cho năng suất cao, diện tích cà phê già cỗi sẽ từng bước chuyển đổi để canh tác các loại cây trồng có giá trị kinh tế khác như cây ăn trái tăng giá trị. Định hướng giảm và ổn định diện tích trồng cà phê còn 19.000 ha đến năm 2025 và còn 18.000 ha vào năm 2030 để nhường quỹ đất cho khai thác bô xít, phát triển công nghiệp và xây dựng đô thị.

Bảng 3.5: Định hướng diện tích trồng cà phê và năng suất đến năm 2030

Loại đất	Năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
Diện tích trồng (ha)	19.896	19.000	18.000
Năng suất (tấn/ha)	2,69	3,0	3,5

Đẩy mạnh các hoạt động liên kết sản xuất với các nhà máy, doanh nghiệp chế biến cà phê. Trong giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đưa 3.000 ha diện tích cà phê phát triển liên kết chuỗi giá trị, gắn trực tiếp đầu ra với doanh nghiệp. Giai đoạn 2026 – 2030 có 10.000 ha cà phê của Huyện được hỗ trợ tham gia liên kết chuỗi giá trị. Khuyến khích các hộ dân áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất sạch: Utz, 4C, Rainforest Alian,... nhằm xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn quốc tế, nâng cao hiệu quả sản xuất cũng như thu nhập của người dân. Đồng thời áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm tăng năng suất, sản lượng cây trồng. Dự kiến nâng năng suất cà phê trung bình từ 2,69 tấn/ha năm 2020 tăng lên 3 tấn/ha vào năm 2025 và đạt 3,5 tấn/ha vào năm 2030.

(2) Định hướng và không gian phát triển cây hồ tiêu

Cây hồ tiêu là cây trồng phát triển nóng trên địa bàn Huyện Đắk R'lấp nói riêng và tỉnh Đắk Nông nói chung. Đến năm 2020, Huyện có 5.606 ha trồng cây hồ tiêu, đứng thứ hai toàn tỉnh. Cây hồ tiêu có tiềm năng để phát triển trên tất cả các xã của huyện Đắk R'lấp. Định hướng giai đoạn tới sẽ phát triển mạnh vùng trồng hồ tiêu tập trung theo hướng liên kết chuỗi giá trị sản xuất tại các xã Đắk Sin, Nhân Đạo, Đạo Nghĩa và Hưng Bình. Các xã còn lại ổn định diện tích cây hồ tiêu hiện tại, phần diện tích cây hồ tiêu bị chết sẽ chuyển sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao và ổn định khác như cây ăn quả. Định hướng ổn định diện tích trồng cây hồ tiêu khoảng 5.500 ha đến năm 2030.

Bảng 3.6: Định hướng diện tích trồng hồ tiêu và năng suất đến năm 2030

Loại đất	Năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
Diện tích trồng (ha)	5.606	5.500	5.500
Năng suất (tấn/ha)	1,94	2,0 - 2,5	2,5 - 3,0

Hiện tại, cây hồ tiêu đã có sự liên kết trong giữa người sản xuất và doanh nghiệp, định hướng giai đoạn 2021 – 2025 đưa 1.000 ha cây hồ tiêu phát triển theo chuỗi liên

kết, gắn đầu ra trực tiếp với doanh nghiệp. Định hướng giai đoạn 2026 – 2030 sẽ đưa 3.000 ha vào chuỗi liên kết. Hướng cho người dân sản xuất theo hướng canh tác tiêu hữu cơ, ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt và tăng cường thâm canh đưa năng suất tiêu từ 1,94 tấn/ha lên 2,0 – 2,5 tấn vào năm 2025 và 2,5 – 3,0 tấn/ha vào năm 2030.

(3) Định hướng và không gian phát triển cây ăn quả

Tổng diện tích cây ăn quả toàn Huyện năm 2020 khoảng 702 ha gồm các loại cây: Sầu riêng, bơ, chôm chôm, cây có múi. Định hướng trong giai đoạn tới, các loại cây ăn quả ngoài việc trồng xen ở các vườn cà phê, tiêu để tận dụng làm cây che bóng thì sẽ được định hướng chuyên canh ở một số vùng do chuyển đổi từ cây hồ tiêu bị chết, cà phê già cỗi, cây cao su cho giá trị thấp. Đặc biệt khuyến khích phát triển vùng trồng sầu riêng và bơ chuyên canh để tạo nguồn nguyên liệu bền vững cho xây dựng các thương hiệu sản phẩm OCOP. Định hướng phát triển diện tích trồng cây ăn quả lên 1000 ha vào năm 2025 và 1500 ha vào năm 2030, trong đó diện tích cây sầu riêng chiếm khoảng 65% và cây bơ chiếm khoảng 25%. Định hướng phát triển các khu vực liên kết sản xuất và trồng cây ăn quả chuyên canh tại các xã Đắc Sin, Nghĩa Thắng và Quảng Tín.

Bảng 3.7: Định hướng diện tích trồng cây ăn quả và năng suất đến năm 2030

Loại đất	Năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
Diện tích trồng (ha)	702	1.000	1.500
Tỷ lệ diện tích sầu riêng	60,3%	65%	65%
Tỷ lệ diện tích cây bơ	25,2%	25%	25%

(4) Định hướng và không gian phát triển cây cao su

Đến năm 2020, diện tích trồng cây cao su của Huyện là 5.617 ha. Trong giai đoạn tới, giảm dần diện tích cao su đến năm 2025 còn khoảng 5.300 ha và đến năm 2030 còn khoảng 4.500 ha. Chuyển diện tích cao su phân tán tại các địa bàn sang trồng các loại cây khác, tập trung chuyển đổi sang trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao. Tập trung phát triển cây cao su ở địa bàn các xã Đạo Nghĩa, Đắc Sin, Hưng Bình. Đây mạnh chuyển đổi cây cao su ở xã Nghĩa Thắng để hướng tới phát triển đô thị và nông nghiệp đô thị khi thị xã Đắc R'lấp được thành lập vào năm 2030.

Bảng 3.8: Định hướng diện tích trồng cây cao su và năng suất đến năm 2030

Loại đất	Năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
Diện tích trồng (ha)	5.617	5.300	4.500
Năng suất (tấn/ha)	1,81	1,9 - 2,0	1,9 - 2,0

(5) Định hướng và không gian phát triển cây điều

Đến năm 2020 diện tích cây điều của toàn Huyện là 3.925 ha. Điều là cây đem lại giá trị kinh tế thấp, trong điều kiện đất nông nghiệp dự báo ngày càng bị thu hẹp do định hướng phát triển đô thị của Huyện nên trong giai đoạn tới, định hướng chỉ giữ lại diện tích trồng điều với mục đích chắn gió cho các vùng cà phê, hồ tiêu và ở những nơi không thể trồng được các loài cây khác. Đến năm 2030, chuyển toàn bộ diện tích cây điều tại các thị trấn Kiến Đức, Quảng Tín, Đắk We, Nhân Cơ, Kiến Thành và Nghĩa Thắng sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao khác như cây ăn trái và phát triển các loại hình nông nghiệp đô thị gắn với khoa học kỹ thuật cao. Định hướng diện tích trồng điều đến năm 2025 còn khoảng 3.500 ha và đến năm 2030 còn khoảng 2.800 ha. Tập trung chủ yếu tại các xã Đắk Ru, Đắk Sin và Hưng Bình.

Bảng 3.9: Định hướng diện tích trồng cây điều quả và năng suất đến năm 2030

Loại đất	Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
Diện tích trồng (ha)	3.925	3.500	2.800
Năng suất (tấn/ha)	1,49	1,50	1,50

(6) Định hướng và không gian phát triển cây hàng năm

Đến năm 2020, diện tích trồng cây hàng năm là 437 ha. Định hướng giai đoạn tới ổn định diện tích trồng cây hàng năm khoảng 450 ha. Trong đó, từng bước chuyển đổi đất trồng lúa và trồng sắn sang trồng các loại cây hoa màu có giá trị kinh tế cao.

- *Đối với cây lúa:* đến năm 2025, diện tích trồng lúa còn khoảng 120 ha và sản xuất tập trung tại các xã Đạo Nghĩa, Đắk Sin và Nhân Đạo. Đến năm 2030, diện tích trồng lúa còn khoảng 80 ha, tập trung tại các xã Đạo Nghĩa, Đắk Sin. Diện tích trồng lúa ở Nghĩa Thắng, Nhân Đạo từng bước được chuyển đổi thành đất trồng các loại cây màu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng phát triển đô thị và cung cấp cho khu vực đô thị Gia Nghĩa. Định hướng hỗ trợ giống lúa chất lượng cao và khuyến khích sản xuất lúa gạo theo hướng VietGap cho người dân trồng để nâng cao giá trị sản phẩm lúa gạo.

- Đối với cây ngô, khoai lang, hoa màu: ổn định vùng trồng và tăng diện tích trồng từ chuyển đổi đất trồng lúa, trồng sản tùy thuộc vào thị trường tiêu thụ. Tổ chức định hướng thị trường và luân canh phù hợp với thị trường. Đặc biệt là điều kiện đất đai, khí hậu địa bàn huyện Đắk R'lấp rất phù hợp để sản xuất các loại rau, hoa màu.

Định hướng phát triển các mô hình sản xuất rau, hoa màu công nghệ cao, có giá trị kinh tế cao, phục vụ cho nhu cầu của thị xã trong tương lai, vùng đô thị Gia Nghĩa và cung ứng cho các thị trường phía Nam.

3.3.1.4. Định hướng cụ thể và bố trí không gian phát triển chăn nuôi

Trong giai 2021 – 2030, tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao, hướng sản xuất chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Xây dựng các khu chăn nuôi có hệ thống xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Sau năm 2030, không định hướng phát triển chăn nuôi trong khu vực các phường đô thị của thị xã (sau khi thành lập thị xã Đắk R'lấp). Chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ sang phát triển hệ thống chăn nuôi tập trung dưới các hình thức trang trại, gia trại và chỉ tập trung phát triển ở các xã. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến các sản phẩm chăn nuôi để nâng cao giá trị gia tăng.

Những định hướng phát triển và phân bố không gian sản xuất đối với các vật nuôi chủ lực trên địa bàn Huyện trong giai đoạn tới như sau:

(1) Định hướng và không gian phát triển đàn trâu, bò

Đến năm 2020, trên địa bàn Huyện có 126 con trâu và 2.999 con bò. Trong giai đoạn 2021-2030, định hướng không phát triển đàn trâu và phát triển đàn bò theo hướng chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm, ưu tiên phát triển loại mô hình theo hướng sản xuất hàng hóa, hướng đến 2030 toàn bộ đàn bò trên địa bàn Huyện được lai hóa hoàn toàn. Do diện tích đất nông nghiệp giảm dần trong quá trình đô thị hóa nên định hướng phát triển mạnh chăn nuôi để tiết kiệm đất đai hơn so với trồng trọt. Giai đoạn 2021-2025, định hướng phát triển đàn bò lên khoảng 4.000 con, chú trọng phát triển chăn nuôi theo quy mô lớn theo loại hình trang trại. Giai đoạn 2026-2030, địa bàn thị trấn Kiến Đức và các xã dự kiến nâng cấp lên phường sẽ giảm dần phát triển chăn nuôi tập trung và quy mô lớn. Đến năm 2030, tăng quy mô đàn bò lên khoảng khoảng 5.000 con, hạn chế chăn nuôi đại gia súc trong khu vực các phường đô thị của thị xã (sau khi thị xã Đắk R'lấp được thành lập). Định hướng phát triển quy mô và địa bàn chăn nuôi bò trong giai đoạn 2021-2030 như sau:

Bảng 3.10: Định hướng đàn bò phân theo địa bàn giai đoạn 2021-2030

TT	Địa bàn phát triển	Quy mô đến năm 2025	Quy mô đến năm 2030
1	Khu vực nông thôn: Đạo Nghĩa, Đắc Sin, Hưng Bình, Đắc Ru, Nhân Đạo (con)	2.000	4.000
2	Khu vực dự kiến phát triển đô thị vào năm 2030: Kiến Đức, Quảng Tín, Đắc Wer, Nhân Cơ, Kiến Thành, Nghĩa Thắng (con)	2.000	1.000
Tổng		4.000	5.000

(2) Định hướng và không gian phát triển đàn heo

Đến năm 2020, đàn heo trên địa bàn huyện Đắc R'lấp có 36.644 con. Trong giai đoạn tới, do diện tích đất nông nghiệp giảm dần trong quá trình khai thác bôxít, phát triển công nghiệp và đô thị hóa nên định hướng phát triển mạnh chăn nuôi để tiết kiệm đất đai hơn so với trồng trọt. Định hướng đẩy mạnh phát triển các mô hình chăn nuôi heo hướng công nghiệp, gia trại, trang trại công nghệ cao, gắn liền với tiêu thụ sản phẩm. Giai đoạn 2021-2025, định hướng phát triển đàn heo lên khoảng 40.000 con, chú trọng phát triển chăn nuôi theo quy mô lớn theo loại hình trang trại. Giai đoạn 2026-2030, ổn định đàn heo ở quy mô khoảng 40.000 con. Đến năm 2030, địa bàn thị trấn Kiến Đức và các xã dự kiến nâng cấp lên phường không sẽ giảm dần nuôi heo tập trung và quy mô lớn để tránh gây ô nhiễm môi trường. Định hướng phát triển quy mô và địa bàn nuôi heo trong giai đoạn 2021-2030 như sau:

Bảng 3.11: Định hướng đàn heo phân theo địa bàn giai đoạn 2021-2030

TT	Địa bàn phát triển	Quy mô đến năm 2025	Quy mô đến năm 2030
1	Khu vực nông thôn: Đạo Nghĩa, Đắc Sin, Hưng Bình, Đắc Ru, Nhân Đạo (con)	20.000	30.000
2	Khu vực dự kiến phát triển đô thị vào năm 2030: Kiến Đức, Quảng Tín, Đắc Wer, Nhân Cơ, Kiến Thành, Nghĩa Thắng (con)	20.000	10.000
Tổng		40.000	40.000

(3) Định hướng và không gian phát triển đàn dê

Đến năm 2020, tổng đàn dê của Huyện là 1.981 con, chủ yếu nuôi với hình thức nhỏ lẻ. Tuy nhiên, con dê với giá trị gia tăng cao, mức đầu tư thấp, phù hợp với phát triển sinh kế cho người dân. Trong giai đoạn tới, bên cạnh các giải pháp hỗ trợ chăn nuôi ở quy mô hộ gia đình, đẩy mạnh phát triển các mô hình chăn nuôi dê theo hướng gia trại, trang trại gắn liền với tiêu thụ sản phẩm. Giai đoạn 2021-2025, định hướng

phát triển đàn dê lên khoảng 3.000 con. Giai đoạn 2026-2030, phát triển đàn dê ở quy mô khoảng 4.000 con. Đến năm 2030, địa bàn thị trấn Kiến Đức và các xã dự kiến nâng cấp lên phường sẽ hạn chế phát triển chăn nuôi tập trung và quy mô lớn để tránh gây ô nhiễm môi trường. Định hướng phát triển quy mô và địa bàn nuôi dê trong giai đoạn 2021-2030 như sau:

Bảng 3.12: Định hướng đàn dê phân theo địa bàn giai đoạn 2021-2030

TT	Địa bàn phát triển	Quy mô đến năm 2025	Quy mô đến năm 2030
1	Khu vực nông thôn: Đạo Nghĩa, Đắc Sin, Hưng Bình, Đắc Ru, Nhân Đạo (con)	1.500	3.500
2	Khu vực dự kiến phát triển đô thị vào năm 2030: Kiến Đức, Quảng Tín, Đắc Wer, Nhân Cơ, Kiến Thành, Nghĩa Thắng (con)	1.500	500
Tổng		3.000	4.000

(4) Định hướng và không gian phát triển đàn gia cầm

Đến năm 2020, tổng đàn gia cầm trên địa bàn Huyện còn khoảng 126 ngàn con (những năm trước đó từ 600 – 700 ngàn con). Trong giai đoạn tới, chuyển đổi mạnh hình thức chăn nuôi phân tán, quy mô nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp. Định hướng liên kết chuỗi giá trị sản xuất giữa nông dân và các doanh nghiệp đầu tư, liên kết để cung ứng giống, thức ăn và bao tiêu đầu ra cho người chăn nuôi. Giai đoạn 2021-2025, định hướng tái đàn gia cầm lên khoảng 300 ngàn con. Giai đoạn 2026-2030, phát triển đàn gia cầm ở quy mô khoảng 500 ngàn con, chủ yếu tại địa bàn các xã Đạo Nghĩa, Đắc Sin, Hưng Bình, Đắc Ru và Nhân Đạo. Đến năm 2030, địa bàn thị trấn Kiến Đức và các xã dự kiến nâng cấp lên phường, giảm quy mô đàn gia cầm để tránh gây ô nhiễm môi trường. Định hướng phát triển quy mô và địa bàn nuôi gia cầm trong giai đoạn 2021-2030 như sau:

Bảng 3.13: Định hướng đàn gia cầm phân theo địa bàn giai đoạn 2021-2030

TT	Địa bàn phát triển	Quy mô đến năm 2025	Quy mô đến năm 2030
1	Khu vực nông thôn: Đạo Nghĩa, Đắc Sin, Hưng Bình, Đắc Ru, Nhân Đạo (con)	150.000	400.000
2	Khu vực dự kiến phát triển đô thị vào năm 2030: Kiến Đức, Quảng Tín, Đắc Wer, Nhân Cơ, Kiến Thành, Nghĩa Thắng (con)	150.000	100.000
Tổng		300.000	500.000

(5) Định hướng và không gian phát triển vật nuôi đặc sản

Định hướng phát triển mạnh các mô hình chăn nuôi các loài đặc sản sản như thỏ, chim yến, nhím, gà Đông Tảo, dúi... để cung cấp cho hệ thống nhà hàng, khách sạn trên địa bàn Huyện, tỉnh và các địa phương trong cả nước.

Định hướng tập trung phát triển các mô hình chăn nuôi các loài đặc sản tại các loài đặc tại xã Đắc Sin và xã Đắc Ru để thuận lợi cho quá trình quản lý và kiểm soát chăn nuôi của các cơ quan chức năng, tránh xảy ra các trường hợp chăn nuôi các loài thú quý, hiếm cần được bảo tồn.

3.3.1.5. Định hướng cụ thể và bố trí không gian phát triển lâm nghiệp

Đến năm 2020, diện tích đất rừng địa bàn huyện Đắc R'lấp là 13.208 ha, trong đó, đất rừng sản xuất là 746 ha, đất rừng phòng hộ là 12.462 ha. Trong giai đoạn tới, định hướng đẩy mạnh các hoạt động nâng cao năng lực quản lý bảo vệ rừng trên cơ sở bảo tồn, sử dụng, cung cấp các dịch vụ và phát triển bền vững. Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng. Định hướng giai đoạn 2021-2030, giữ vững diện tích đất rừng hiện hữu, gia tăng diện tích trồng rừng mới khoảng 100ha/năm, tỷ lệ che phủ rừng từ 42-44%.

Bảng 3.14: Định hướng phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030

TT	Hạng mục	Hiện trạng 2020 (ha)	Định hướng	
			2025 (ha)	2030 (ha)
	Tổng diện tích đất lâm nghiệp	13.216	13.716	14.216
1	Đất rừng sản xuất	746	1.246	1.746
2	Đất rừng phòng hộ	12.470	12.470	12.470

3.3.1.6. Định hướng cụ thể và bố trí không gian phát triển thủy sản

Đến năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Đắc R'lấp là 202,6 ha. Đắc R'lấp có điều kiện khí hậu và mặt nước rất thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản. Theo thống kê, trên địa bàn Huyện có khoảng 2.231 ha diện tích sông suối và mặt nước chuyên dùng. Định hướng trong giai đoạn tới sẽ phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản trên những diện tích mặt nước tự nhiên như lòng hồ thủy điện, thủy lợi thay vì diện tích các ao đào trên đất nông nghiệp. Chất lượng nước các hồ chứa, sông

suối trên địa bàn đều trong sạch, ít bị ô nhiễm. Thủy sản nuôi trồng cần tập trung vào các loại cá có giá trị cao như cá tầm, cá chép, cá trắm, cá điêu hồng. Định hướng phát triển mạnh các hình thức thâm canh và bán thâm canh và quảng canh cải tiến để tăng năng suất.

Với giá trị kinh tế cao và tận dụng các mặt nước tự nhiên hiện có, định hướng trong giai đoạn 2021-2030, Huyện sẽ phát triển nuôi trồng thủy sản tại khắp các địa bàn có điều kiện về diện tích nước mặt lớn, tập trung tại các xã Đắc Wer, Kiến Thành, Nhân Cơ và Hưng Bình.

Bảng 3.15: Quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030

TT	Địa bàn phát triển	Quy mô đến năm 2025	Quy mô đến năm 2030
1	Khu vực các xã Đắc Wer, Nhân Cơ, Kiến Thành, Hưng Bình (ha)	200	300
2	Khu vực thị trấn Kiến Đức và các xã còn lại (ha)	100	200
Tổng		300	500

3.3.2. Phát triển công nghiệp và xây dựng

3.3.2.1. Định hướng chung phát triển công nghiệp và xây dựng

- Phát triển công nghiệp – xây dựng gắn liền với định hướng phát triển công nghiệp khai thác bô xít, chế biến alumin, luyện nhôm của tỉnh và định hướng phát triển đô thị của huyện, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trong sản xuất công nghiệp với các nguồn sản xuất đầu vào để gia tăng giá trị.

- Đặt trọng tâm là phát triển công nghiệp khai thác bô xít, chế biến alumin và luyện nhôm. Hỗ trợ tinh đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu công nghiệp Nhân cơ 2 với định hướng để phát triển các dự án công nghiệp khai thác, chế biến bô xít, điện phân nhôm và các sản phẩm sau nhôm. Phát triển công nghiệp hỗ trợ xoay quanh chuỗi giá trị của công nghiệp alumin – nhôm, xem đây là trục động lực cho phát triển đô thị công nghiệp của Huyện trong giai đoạn phát triển lên thị xã.

- Thúc đẩy phát triển mạng lưới doanh nghiệp và các dự án đầu tư lớn với công nghệ tiên tiến, công nghệ sản xuất sạch, hiện đại để sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cạnh tranh trên thị trường và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Định hướng phát triển mạnh các lĩnh vực chế biến, bảo quản nông sản sau thu

hoạch gắn với công nghệ cao, sửa chữa máy móc phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp, ổn định khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng và duy trì mạng lưới tiêu thụ công nghiệp nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

3.3.2.2. Mục tiêu phát triển công nghiệp – xây dựng

Mục tiêu phát triển lĩnh vực công nghiệp xây dựng đến giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050 là: Phát triển công nghiệp khai thác bô xít, chế biến alumin, luyện nhôm, chế biến sau nhôm và công nghiệp hỗ trợ ngành nhôm thành trục động lực cho phát triển đô thị công nghiệp của Huyện trong giai đoạn phát triển lên thị xã; đồng thời phát triển công nghiệp chế biến gắn liền với kinh tế nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng hóa gắn liền với quá trình đô thị hóa, tạo nhiều việc làm cho lao động địa phương; phát triển mạnh ngành xây dựng với các doanh nghiệp xây dựng lớn và doanh nghiệp xây dựng hỗ trợ, có thể để đáp ứng nhu cầu xây dựng phát triển đô thị của Huyện. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021-2030 như sau:

- Đến năm 2025: lũy kế thành lập doanh nghiệp trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng lên 150 doanh nghiệp (chiếm khoảng 37,5% tổng số DN toàn Huyện)

- Đến năm 2030: lũy kế thành lập doanh nghiệp trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng lên 250 doanh nghiệp (chiếm khoảng 41,67% tổng số DN toàn Huyện)

- Giai đoạn 2021-2030: lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng tăng 10-15%/năm

- Giai đoạn 2021 – 2030: xây dựng và phát triển 3 chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp với công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, gắn với các cơ sở công nghiệp sản xuất vào chuỗi nông nghiệp đầu vào

- Đến năm 2030: Hình thành 2 cụm công nghiệp tập trung trung tại Quảng Tín với quy mô 30ha và Đăk Ru với quy mô khoảng 20ha.

3.3.2.3. Định hướng cụ thể và bố trí không gian phát triển công nghiệp

Đối với các loại hình sản xuất công nghiệp: trong giai đoạn tới tập trung phát triển các lĩnh vực: khai thác bô xít, chế biến alumin, luyện nhôm và công nghiệp chế biến sau nhôm; công nghiệp hỗ trợ ngành nhôm; công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch gắn với chuỗi giá trị sản xuất nông sản như chế cà phê nhân, cà phê bột; sản xuất hàng tiêu dùng; sửa chữa máy móc, các sản phẩm phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp; khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm phục vụ xây dựng. Định hướng cụ thể đối với một số ngành công nghiệp chủ lực giai đoạn 2021-2030,

tầm nhìn đến 2050 như sau:

(1) Công nghiệp khai thác bô xít, chế biến alumin, luyện nhôm: khai thác bô xít trên các địa bàn các xã Kiến Thành, Đắc Wer, Nghĩa Thắng, Đạo Nghĩa và Đắc Sin theo Quy hoạch thác mỏ bô xít Nhân Cơ 30 năm đầu. Chế biến Alumin, luyện nhôm, sau nhôm, phát triển các ngành phụ trợ luyện nhôm, sản xuất sử dụng nguyên liệu nhôm tập trung tại Khu công nghiệp Nhân Cơ và Khu công nghiệp Nhân Cơ 2 theo quy hoạch.

(2) Công nghiệp chế biến nông sản: trong giai đoạn tới, tiếp tục đẩy mạnh ngành công nghiệp chế biến cà phê, đặc biệt là phát triển các doanh nghiệp chế biến với công nghệ hiện đại và trực tiếp xuất khẩu để tăng giá trị. Định hướng đến năm 2025, nâng công suất công nghiệp chế biến cà phê sử dụng 40% sản lượng cà phê nguyên liệu trên địa bàn Huyện; đến năm 2030, công nghiệp chế biến cà phê sử dụng 70% liệu cà phê và hạt điều trên địa bàn và hướng đến sử dụng nguyên liệu từ các vùng lân cận cho công nghiệp chế biến. Đẩy mạnh các hình thức liên kết chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp chế biến và nông dân sản xuất nguyên liệu để đảm bảo nguồn đầu vào và ổn định thị trường. Định hướng phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở 2 cụm công nghiệp tại Quảng Tín và Đắc Ru nhằm gần trục giao thông chính để vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm và nhà máy chế biến nông sản khép kín gắn với nông nghiệp công nghệ cao tại Nghĩa Thắng.

(3) Công nghiệp khai thác và chế biến vật liệu xây dựng: đến năm 2020, trên địa bàn Huyện có 04 cơ sở khai thác đá với sản đạt khoảng 329 ngàn m³/năm. Định hướng trong giai đoạn tới, hạn chế công nghiệp khai thác các mỏ đá ở vùng trung tâm đô thị dự kiến và khu dân cư, ổn định sản lượng khai thác đến năm 2025 khoảng 300 ngàn m³ và ổn định đến năm 2030 tại các mỏ đá được cấp phép Nghĩa Thắng, Đắc Wer và Kiến Thành. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng không nung để bảo vệ môi trường và phục vụ cho xây dựng phát triển đô thị của Huyện.

(4) Sản xuất và phân phối điện: đến năm 2020, trên địa bàn Huyện có 6 nhà máy thủy điện với lượng điện sản xuất đạt 82 triệu Kwh. Định hướng trong giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, Huyện không phát triển thủy điện, tập trung vào hoạt động truyền tải và phân phối điện.

(5) Phát triển tiểu thủ công nghiệp, đến năm 2020, trên địa bàn huyện Đắc R'lấp hiện có 436 cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp. Trong giai

đoạn 2021-2030, định hướng quy hoạch 2 cụm công nghiệp tại Quảng Tín (30ha) và Đắc Ru (20ha) để phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gắn liền với các lĩnh vực nông nghiệp của Huyện. Giai đoạn sau năm 2026 đến 2030, định hướng phát triển mạnh các loại hình sản xuất hàng hóa để phục vụ cho nhu cầu phát triển đô thị với dân số tăng cao khi thành lập thị xã vào năm 2030. Định hướng phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp là vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn. Ở mỗi lĩnh vực đều phải có doanh nghiệp lớn và hệ thống các cơ sở công nghiệp vệ tinh. Các cơ sở sản xuất này là tiền đề quan trọng để mở rộng quy mô và phát triển thành doanh nghiệp trong tương lai.

3.3.2.4. Định hướng cụ thể phát triển ngành xây dựng

Đến năm 2020, số doanh nghiệp xây dựng chiếm 43,83% tổng số doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng. Trong giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050, lĩnh vực xây dựng của Huyện tập trung phát triển theo những hướng sau:

- Nhà thầu chính chính hoặc thầu phụ cho các công trình chỉnh trang, sửa chữa và xây dựng mới các công trình công cộng, các cơ sở công quyền, các khu thương mại – dịch vụ, công trình thủy lợi trên địa bàn Huyện. Quy mô các doanh nghiệp xây dựng tăng lên từ 10-20%/năm để đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị của Huyện.

- Nhà thầu chính cho các công trình dân dụng, xây dựng nhà ở trong dân, khu tái định cư, khu dân cư trên địa bàn Huyện. Số doanh nghiệp mới thành lập tăng từ 5-10%/năm để đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà ở trong tiến trình đô thị hóa của Huyện.

- Nhà thầu phụ cho các công trình xây dựng khu công nghiệp, hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật cấp tỉnh, quốc gia làm chủ đầu tư được thực hiện trên địa bàn Huyện.

3.3.3. Phát triển thương mại – dịch vụ - du lịch

3.3.3.1. Định hướng chung phát triển thương mại – dịch vụ - du lịch

- Phát triển thương mại – dịch vụ - du lịch gắn liền với định hướng phát triển công nghiệp và đô thị của huyện, gắn liền các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch với chuỗi sản xuất sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

- Định hướng phát triển mạnh các mạng lưới phân phối và thương mại hàng hóa, dịch vụ để tăng tính cạnh tranh và khả năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn Huyện; phát triển trung tâm thương mại để tăng khả năng cung ứng hàng hóa dịch vụ và tạo điểm nhấn cho đô thị khi phát triển lên thị xã.

- Đẩy mạnh phát triển các tuyến tour du lịch trên cơ sở khai thác hiệu quả các điểm du lịch trên địa bàn huyện, phát triển các phân khu cho lưu trú, khách sạn, nhà

hàng để thuận lợi trong công tác quản lý quy hoạch, đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách du lịch và mức sống người dân ngày càng tăng cao trong quá trình phát triển đô thị.

3.3.3.2. Mục tiêu phát triển thương mại – dịch vụ - du lịch

Mục tiêu phát triển lĩnh vực thương mại – dịch vụ - du lịch giai đoạn 2021-2030 là phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trở thành lĩnh vực kinh tế quan trọng để thúc đẩy phát triển Huyện theo hướng đô thị hiện đại, văn minh, thân thiện với môi trường vào năm 2030. Phát triển mạnh các ngành thương mại - dịch vụ, du lịch có chất lượng như: tài chính, thông tin truyền thông, khoa học công nghệ, phân phối, giao thông vận tải, dịch vụ lưu trú, du lịch. Các mục tiêu cụ thể được đặt ra như sau:

- *Đến năm 2025*: lũy kế thành lập doanh nghiệp trong các lĩnh vực thương mại – dịch vụ - du lịch lên 230 doanh nghiệp (chiếm khoảng 57,5% tổng số DN toàn thành Huyện), nâng chất các mạng lưới, chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho người dân và các cơ sở kinh doanh.

- *Đến năm 2030*: lũy kế thành lập doanh nghiệp trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch lên 320 doanh nghiệp (chiếm khoảng 53,3% tổng số DN toàn thị xã), các mạng lưới, chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho người dân và các cơ sở kinh doanh phát triển ở mức độ cạnh tranh cao.

- *Giai đoạn 2021-2030*: lao động làm việc trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch tăng từ 10-15%/năm.

3.3.3.3. Định hướng cụ thể phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Trong giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng các ngành chính trong phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn Huyện Đắk R'lấp như sau:

(1) Phát triển hệ thống phân phối, thương mại hàng hóa

Đến năm 2020, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại chiếm 68,05% tổng số doanh nghiệp toàn Huyện với 181 doanh nghiệp. Số cơ sở kinh tế hoạt động trong lĩnh vực phân phối, thương mại hàng hóa cũng chiếm phần lớn trong các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn toàn Huyện. Hệ thống phân phối, thương mại chủ yếu bao gồm hệ thống chợ, đại lý phân phối và cửa hàng bán lẻ. Trong giai đoạn tới cần rà soát, đánh giá lại tất cả các chuỗi cung ứng hàng hóa, công nhận xếp loại những cơ sở đủ điều kiện, đồng thời loại bỏ những cơ sở không đạt tiêu chuẩn nhằm tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch trong lĩnh vực thương mại. Định hướng phát

triển hệ thống phân phối, thương mại hàng hóa giai đoạn 2021-2030 như sau:

- Định hướng phát triển khu thương mại tại khu vực Chợ Kiến Đức hiện hữu. Khu vực xung quanh chợ, phát triển các hệ thống đại lý lớn chuyên doanh để làm đầu mối cung cấp sỉ các loại hàng hóa cho các đơn vị bán lẻ của Huyện, vừa đảm bảo an ninh trật tự đô thị trên địa bàn, vừa đảm bảo bình ổn thị trường.

- Phát triển hoàn thiện hệ thống chợ tại các điểm xã, đi kèm với các cửa hàng bán lẻ, siêu thị mini tại các khu vực phường đô thị khi thành lập thị xã để đáp ứng nhu cầu mua sắm và tiêu dùng của người dân và đầu vào cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu, gas: khuyến khích tư nhân mở rộng kinh doanh và đáp ứng tốt các điều kiện kinh doanh theo quy định. Phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định, cấp phép kinh doanh cho các đại lý, tổng đại lý đủ điều kiện. Định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Huyện có khoảng 50 doanh nghiệp, đại lý kinh doanh xăng dầu, gas.

- Đến năm 2030, phát triển trung tâm thương mại tại khu nội thị (tại phường Kiến Đức sau khi thị xã Đăk R'lấp được thành lập) để đáp ứng nhu cầu mua sắm các loại hàng hóa giá trị cao của người dân. Sau năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, phát triển Kiến Đức thành trung tâm thương mại, giao thông của của Huyện và khu vực (sau khi trung tâm hành chính dời về Quảng Tín).

(2) Dịch vụ vận tải, kho bãi

Đến năm 2020, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải là 10 doanh nghiệp và cơ sở vận tải kho bãi là 151 cơ sở. Dịch vụ kho bãi vận tải phải được phát triển trong định hướng chung của toàn tỉnh, đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với các địa phương khác. Huyện Đăk R'lấp với định hướng phát triển lên thị xã vào năm 2030 và là đô thị vệ tinh phía Nam của Gia Nghĩa, cần được định hướng phát triển mạnh các dịch vụ kho bãi, vận tải để kết nối trung tâm tỉnh với khu vực phía Nam. Do đó, trong giai đoạn 2021-2030, các định hướng phát triển dịch vụ kho bãi, vận tải trên địa bàn Huyện như sau:

- Định hướng phát triển hạ tầng, bến bãi vận tải quy mô cấp tỉnh để làm đầu mối tập trung luân chuyển hành khách, hàng hóa. Không phát triển các bến bãi vận chuyển, vận tải tự phát, nguy cơ cao về an ninh và an toàn giao thông, khó quản lý nhà nước. Nâng cấp bến xe Huyện hiện tại lên quy mô bến xe loại II. Khuyến khích tư nhân xây

dựng các kho hàng hóa lớn để làm đầu mối dự trữ, phân phối hàng hóa trên địa bàn Huyện và trạm trung chuyển cho thành phố Gia Nghĩa.

- Phát triển mạnh các loại hình vận tải hành khách liên tỉnh, các phương tiện vận tải công cộng (xe buýt liên huyện, liên xã), phát triển loại hình vận tải taxi phù hợp với phát triển dân số và phát triển đô thị trên địa bàn Huyện, gắn với các bến bãi neo đậu, tránh gây ách tắc giao thông.

- Nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa vận chuyển ở nông thôn, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải, định hướng trong giai đoạn 2021 – 2030, tăng trưởng khối lượng vận chuyển hàng hóa và hành khách từ 10-15%/năm.

- Sau năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng khu vực Kiến Đức – Đăk Wer là trung tâm dịch vụ thương mại tiếp cận nút giao đường tránh Kiến Đức và quốc lộ 14, tiếp cận điểm đầu nối quốc lộ 14 với đường cao tốc, gắn với phát triển nhà ở xã hội, khu dân cư cho các khu công nghiệp ở Nhân Cơ.

(3) Dịch vụ tài chính ngân hàng, bảo hiểm

Đến năm 2020, trên địa bàn Huyện có 5 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Với định hướng phát triển Đăk R'lấp thành đô thị công nghiệp - thương mại dịch vụ - nông nghiệp, trong giai đoạn 2021-2030, định hướng phát triển dịch vụ tài chính ngân hàng, bảo hiểm đóng trên địa bàn Huyện như sau:

- Mở rộng cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng mới tham gia vào thị trường để tăng tính cạnh tranh và gia tăng cung ứng dịch vụ cho thị trường. Tạo thuận lợi cho các ngân hàng và tổ chức tín dụng hoạt động trên địa bàn phát triển mạng lưới, đa dạng hóa các dịch vụ ngân hàng, tín dụng.

- Phát triển mạng lưới đại lý bảo hiểm chuyên nghiệp, các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, các kênh phân phối sản phẩm bảo hiểm, đặc biệt là các văn phòng đại diện chính thức của các công ty bảo hiểm để tăng cường các thông tin chính thức về bảo hiểm, để đáp ứng và mở rộng nhu cầu tham gia các loại hình bảo hiểm của người dân.

- Tập trung các mạng lưới dịch vụ ngân hàng bảo hiểm ở các khu vực đông dân cư và định hướng phát triển mạnh thương mại dịch vụ ở khu vực Kiến Đức – Đăk Wer.

(4) Dịch vụ thông tin truyền thông

Đến năm 2020, hệ thống bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin đã được đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn Huyện. Trong giai đoạn đến năm 2030, định hướng tập trung:

- Hoàn thiện, hiện đại mạng lưới bưu chính trên địa bàn đô thị Đắk R'lấp, bán kính phục vụ bình quân dưới 4,8 km. Phát triển theo các hình thức bưu cục, đại lý, điểm bưu điện văn hoá xã, kiốt. Nâng cao chất lượng phục vụ, kết hợp cung cấp dịch vụ công ích với dịch vụ thương mại.

- Đến năm 2025, hoàn thành đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hệ thống đài truyền thanh cơ sở thông minh hiện đại ứng dụng CNTT- VT (theo Quyết định 135-QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 394/Kh- UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh.

- Nâng cấp các đường truyền cáp quang từ trung tâm đô thị đến xã và thôn, buôn là cơ sở để cung cấp internet với đường truyền tốc độ cao trên toàn địa bàn Đắk R'lấp. Định hướng đến năm 2030, phủ sóng di động đạt 100% địa bàn thị xã (sau khi thị xã Đắk R'lấp được thành lập), đường truyền Internet tốc độ cao, truyền hình cáp cung cấp đến 100% trung tâm các phường, xã.

(5) Dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng

Huyện Đắk R'lấp và một số vùng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là điểm đến hấp dẫn đối với du lịch, với nhiều thắng cảnh, đồi núi trùng điệp, khí hậu mát mẻ, các thác nước hoang sơ kỳ vĩ. Trong giai đoạn 2021 – 2030, loại hình du lịch và dịch vụ hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn Huyện cần được định hướng phát triển trong mối quan hệ tổng hòa với cả tỉnh và Vùng Tây Nguyên, cụ thể như sau:

- Tập trung kêu gọi đầu tư phát triển khu du lịch sinh thái tại Thác 5 tầng trên địa bàn Đắk Sin và Hưng Bình, định hướng sau năm 2035, phát triển thêm khu du lịch sinh thái gắn với đô thị mới Quảng Tín.

- Phát triển các tuyến tour du lịch kết nối các điểm du lịch trên địa bàn Huyện với tuyến tour của công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông và khu vực Tây Nguyên, định hướng phát triển du lịch gắn liền với tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, giữ chân du khách dài ngày tại địa bàn Huyện.

- Quy hoạch phân khu phát triển các hệ thống khách sạn, nhà hàng tập và cung ứng đầy đủ các dịch vụ đi kèm cho du khách tập trung tại các khu vực hồ nước tại trung tâm thị trấn Kiến Đức để tạo điểm nhấn du lịch cho Huyện và mỹ quan đô thị thị xã trong tương lai.

- Định hướng phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch canh nông, tham quan các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như vườn

cây ăn trái, trang trại, các vùng sản xuất rau an toàn, trải nghiệm nông nghiệp ngay trên địa bàn Huyện.

3.4. Định hướng phát triển lĩnh vực xã hội

3.4.1. Giáo dục và đào tạo

Dự báo trong giai đoạn 2021-2030, dân số ở độ tuổi đi học dự kiến sẽ tăng do dân số tăng cơ học và do triển khai nhiều dự án phát triển đô thị trên địa bàn huyện để hướng đến thành lập thị xã Đăk R'lấp vào năm 2030. Dự báo nhu cầu tăng dân số và số lượng học sinh các cấp trên địa bàn Đăk R'lấp đến năm 2030 như sau:

Bảng 3.16: Dự báo dân số và số lượng học sinh các cấp đến năm 2030

Chỉ tiêu	2020	2025	2030
Dân số (người)	85.879	90.707	102.627
Số học sinh mầm non (học sinh)	3.398	3.589	4.061
Số học sinh TH (học sinh)	8.910	9.411	10.648
Số học sinh THCS (học sinh)	6.919	7.308	8.268
Số học sinh THPT (học sinh)	4.037	4.264	4.824

Với số lượng học sinh dự báo nêu trên, giai đoạn 2021-2030, xác định thực hiện ba vấn đề trọng tâm để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo là xây dựng cơ sở trường lớp đạt chuẩn, giáo viên đạt chuẩn, đổi mới phương pháp dạy và học. Cụ thể như sau:

(1) Cơ sở vật chất trường học: xây dựng các trường học mới theo quy hoạch, đầu tư nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất, phòng học tại các điểm trường hiện có, kêu gọi đầu tư và xã hội hóa giáo dục để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập đạt tiêu chuẩn. Định hướng phát triển hệ thống cơ sở vật chất cho giáo dục, đào tạo như sau:

- Đến năm 2025 có khoảng 70% trường công lập đạt chuẩn quốc gia cấp độ I, trong đó có 20% đạt chuẩn quốc gia cấp độ II; đến năm 2030, 80% các trường học đạt chuẩn quốc gia cấp độ I (30% đạt chuẩn cấp độ II). Định hướng sau năm 2030 đến 2050, các trường học trên địa bàn Huyện đều đạt chuẩn quốc gia cấp độ I (50% đạt chuẩn cấp độ II).

- Định hướng đến năm 2025, có 80% số lượng phòng học được kiên cố hóa và đến năm 2030 không còn các phòng học cấp 4 trên địa bàn thị xã (sau khi thị xã Đăk

R'lấp được thành lập). Phát triển thêm 02 trường mầm non ngoài công lập tại các phường nội thành đông dân cư.

- Từ sau năm 2030, tầm nhìn đến 2050, định hướng mỗi trường mầm non, tiểu học có đầy đủ từ 3-4 phòng học chức năng (phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng âm nhạc, phòng nghe nhìn, phòng truyền thống). Mỗi trường THCS, THPT có từ 5-6 phòng bộ môn (các phòng thí nghiệm Lý-Hóa-Sinh, phòng học ngoại ngữ, phòng vi tính, phòng thư viện, phòng truyền thống). Các trường nhất thiết phải có đủ công trình vệ sinh, nước sạch học đường, căn teen đáp ứng các tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh.

(2) Đội ngũ giáo viên

- Đảm bảo công tác tuyển dụng đủ số giáo viên theo định biên chế quy định.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, người lao động phục vụ các hoạt động đào tạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, không vi phạm pháp luật, sắp xếp lộ trình cho các giáo viên chưa đủ chuẩn được nghỉ hưu theo quy định.

- Đến năm 2025, có 90% giáo viên từ bậc mầm non, TH, THCS đạt ít nhất chuẩn giáo viên hạng III theo thông tư năm 2021 của Bộ GD&ĐT về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường mầm non (thông tư 03/2021/TT-BGDĐT), tiểu học (thông tư 03/2021/TT-BGDĐT), trung học cơ sở (thông tư 03/2021/TT-BGDĐT). Giai đoạn 2025 – 2030 mỗi năm có 10% giáo viên được nâng chuẩn giáo viên lên hạng cao hơn. Đến năm 2030, 100% giáo viên mầm non, TH, THCS đạt ít nhất chuẩn giáo viên hạng III.

- Đến năm 2025, 100% giáo viên bậc THPT đạt ít nhất chuẩn giáo viên hạng III theo thông tư năm 2021 của Bộ GD&ĐT về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông (thông tư 04/2021/TT-BGDĐT). Giai đoạn 2025-2030, mỗi năm có 10% giáo viên được nâng chuẩn giáo viên lên hạng cao hơn.

(3) Đổi mới phương pháp dạy và nâng cao hiệu quả đào tạo

- Giai đoạn 2021-2030, định hướng xây dựng và thực hiện ít nhất 03 đề án về đổi mới, nâng cao hiệu quả dạy và học tại tất cả các cấp học trên địa bàn Huyện.

- Duy trì phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trên địa bàn tất cả các xã, thị trấn của Huyện.

- Đến năm 2025, phổ cập trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt mức độ đạt

mức độ 2 trên địa bàn toàn Huyện.

- Đến năm 2030, phổ cập trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt mức độ đạt mức độ 3 trên địa bàn toàn Huyện.

3.4.2 Y tế và chăm sóc sức khỏe

Trên địa bàn Huyện hiện nay có 1 bệnh viện đa khoa với quy mô gần 200 giường bệnh và có 11 trạm y tế xã phủ khắp 11/11 xã, thị trấn, đủ để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho người dân. Định hướng phát triển lĩnh vực y tế trong giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 như sau:

- Phát triển mạng lưới y tế dự phòng, tăng cường củng cố và xây dựng hoàn thiện hệ thống y tế từ trung tâm tới cơ sở xã, phường (sau khi thị xã Đắk R'lấp được thành lập), đảm bảo cho việc thực hiện đầy đủ các chương trình, chính sách y tế, chăm sóc sức khỏe của nhà nước đối với nhân dân. Phối hợp chặt chẽ với tỉnh trong xây dựng các phương án phòng chống, điều trị các dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao trên người.

- Đến năm 2025: có 100% các xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; 95% dân số tham gia BHYT; trên 95% trẻ em dưới 01 tuổi tiêm chuẩn mở rộng; tỷ lệ giường bệnh đạt 29 giường bệnh/vạn dân; 10 bác sỹ/vạn dân.

- Tăng cường bác sỹ và giường bệnh ở y tế tuyến xã để đảm bảo và tăng cường công tác sơ cứu và khám chữa bệnh ban đầu cho người dân. Đến năm 2030, tối thiểu mỗi trạm y tế cấp xã, phường (sau khi thành lập thị xã Đắk R'lấp) có từ 2 bác sỹ trở lên.

- Đến năm 2030: có 100% dân số tham gia BHYT; duy trì trên 95% trẻ em dưới 01 tuổi tiêm chuẩn mở rộng; tỷ lệ giường bệnh đạt 35 giường bệnh/vạn dân; 12 bác sỹ/vạn dân.

- Sau năm 2030, đến 2050 dự báo quy mô dân số tăng nhanh sau khi phát triển lên thị xã, định hướng khuyến khích phát triển các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân chất lượng cao. Tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng bệnh viện mới tại khu đô thị mới Quảng Tín, đảm bảo tổng quy mô có thể đạt đến đến 600 giường (quy mô phục vụ 20 vạn dân)

3.4.3. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao

Trong giai đoạn 2021 – 2030, Huyện cần đẩy mạnh phát triển văn hóa thông tin, thể dục thể thao, nâng cao chất lượng xã hội hóa văn hóa thông tin, thể dục thể thao

nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống về tinh thần và vật chất cho nhân dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể các định hướng phát triển như sau:

(1) Văn hóa thông tin

- Đầu tư nâng cấp các nhà văn hóa thôn bon, khôi phục và đa dạng các loại hình nghệ thuật truyền thống, tăng cường các hình thức tuyên truyền thông tin đến người dân, đặc biệt là định hướng người dân tìm hiểu các thông tin chính thống trên các trang mạng xã hội, sống và làm việc theo pháp luật, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, thân thiện, nghĩa tình.

- Xây dựng chương trình truyền thanh địa phương có nội dung thật sự phong phú và chất lượng cao, tăng cường đưa các tin bài, các điển hình trong mọi lĩnh vực, hướng dẫn thực hiện chính sách pháp luật, xây dựng đời sống mới, nếp sống mới, văn minh, lịch sự, thân thiện, nghĩa tình nhằm tạo môi trường lành mạnh để thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội.

- Đầu tư trang thiết bị cho hạ tầng phát thanh truyền hình Huyện phù hợp với lộ trình số hóa theo kế hoạch số 346/KH-UBND ngày 05/07/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về triển khai thực hiện Quyết định 308/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án “Quản lý hoạt động truyền thanh truyền hình cấp Huyện” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Đến năm 2030, xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thị xã (khi thị xã Đắk R’lấp được thành lập) tại khu vực Kiến Thành (phía Đông Bắc Kiến Đức) với đầy đủ các thiết chế: nhà văn hóa trung tâm, nhà văn hóa thiếu nhi, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu, sân tập...(tối thiểu 5ha); hệ thống công viên gồm 3 công viên chính tại Kiến Đức, Kiến Thành và Quảng Tín kết hợp với hành lang cây xanh nhằm tạo môi trường cho người dân sinh hoạt văn hóa, luyện tập thể dục thể thao.

- Đến năm 2025, có khoảng 92% gia đình, tổ dân phố, thôn, bon và 100% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa. Đến năm 2030, có khoảng 95% gia đình, tổ dân phố, thôn, bon và 4/6 phường (sau khi thị xã Đắk R’lấp thành lập) đạt chuẩn văn minh đô thị.

(2) Thể dục thể thao

- Đẩy mạnh các phong trào, thể dục, thể thao toàn dân, phát triển mạnh phong trào luyện tập thể dục thể thao thường xuyên trong nhân dân, câu lạc bộ thể thao quần

chúng tăng cường sức khỏe cộng đồng. Thường xuyên tổ chức thi đấu thể thao các cấp để kích thích phong trào thể thao trong toàn dân, qua đó phát hiện và bồi dưỡng vận động viên tham gia thi đấu ở các giải cấp trên.

- Định hướng đẩy mạnh tư nhân hóa các loại hình cung cấp dịch vụ thể dục thể thao để tạo sự đa dạng trong lựa chọn của người dân như: sân bóng mini, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân tennis, phòng tập gym, phòng tập Yoga.

- Đến năm 2025: tạo bước phát triển mới về phong trào TDTT quần chúng ở tất cả các độ tuổi, 100% các trường phổ thông có hoạt động TDTT ngoại khóa, khoảng 20% dân số tham gia TDTT thường xuyên; đến năm 2030 có khoảng 30% dân số tham gia thể dục thường xuyên.

- Đến năm 2030, định hướng xây dựng các đội tuyển thể thao và tiêu chuẩn hóa đội ngũ hướng dẫn, huấn luyện viên đạt tiêu chuẩn với các bộ môn: bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, võ thuật, điền kinh theo hướng nâng cao chất lượng, thành tích cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành TDTT của Huyện và của cả tỉnh.

- Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thị xã (sau khi thị xã Đắc R'láp được thành lập) tại khu vực Kiến Thành (phía Đông Bắc Kiến Đức) với đầy đủ các thiết chế: nhà văn hóa trung tâm, nhà văn hóa thiếu nhi, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu, sân tập...(tối thiểu 5ha).

3.4.4. Lao động, việc làm, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội

Với định hướng phát triển Huyện theo hướng công nghiệp và đô thị trong giai đoạn 2021-2030, nhu cầu việc làm mới dự báo tăng lên khoảng 1.000 việc làm/năm. Định hướng phát triển việc làm, an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo trong giai đoạn 2021-2030 cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Định hướng đào tạo nghề phải gắn với đầu ra và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động để tăng tính thực hành trong đào tạo. Rà soát, sắp xếp lại các ngành nghề đào tạo, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%, đến năm 2030 là 75%, tầm nhìn đến năm 2050 là lao động trong các ngành nghề đều phải qua các khóa đào tạo/huấn luyện.

- Đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu lao động để tăng thu nhập cho người lao động, đồng thời cũng là giải pháp để người lao động đi học tập, tiếp thu các kỹ năng, và nâng cao tay nghề với môi trường làm việc tiên tiến tại nước ngoài. Có những chính sách đặc biệt để thu hút lực lượng lao động này trở về sau để tham gia phát triển kinh

tế địa phương. Giai đoạn 2021-2030, định hướng xuất khẩu từ 100 đến 150 lao động mỗi năm.

- Kết hợp tốt giữa công tác đào tạo nghề với giải quyết việc làm. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp giúp cho lao động lựa chọn nghề nghiệp, việc làm phù hợp với khả năng của bản thân cũng như nhu cầu việc làm của thị trường. Giai đoạn 2021-2030, trung bình tạo ra 1.000 việc làm mới mỗi năm.

- Định hướng công tác xóa đói giảm nghèo bền vững thông thực hiện các giải pháp hỗ trợ vốn, kỹ thuật, đào tạo, việc làm để người nghèo phát triển kinh tế, làm nên tảng để thoát nghèo bền vững bên cạnh các biện pháp trợ giúp xã hội bằng vật chất. Giai đoạn 2021-2025, duy trì tỷ lệ nghèo dưới mức 1,0% qua các năm, đến năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo dưới mức 0,5%.

- Tăng cường xã hội hóa các hoạt động bảo đảm an sinh xã hội, huy động mạnh mẽ các nguồn lực trong cộng đồng để làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo và cứu trợ xã hội. Tập trung giải quyết đầy đủ các chính sách đối với người có công với nước, người khuyết tật hòa nhập cộng đồng, thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế học đường và bảo hiểm y tế nông thôn, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2030.

3.4.5. An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội

Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là tiền đề đảm bảo sự ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và của Huyện nói riêng. Hệ thống và hoạt động đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn Huyện thực hiện theo *Phương án tăng cường hợp tác QPAN, KTXH, đối ngoại giữa tỉnh Đắk Nông và tỉnh Mondulakiri/Vương quốc Campuchia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050* (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050). Các định hướng cụ thể cho Huyện như sau:

- Bố trí hệ thống phòng thủ theo thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng quân đội, công an vững mạnh, toàn diện theo hướng chính quy, hiện đại; bảo đảm an ninh quốc phòng trên địa bàn, sẵn sàng phối hợp tác chiến cùng với các đơn vị trong và ngoài Huyện, ngoài tỉnh trong mọi tình huống.

- Định hướng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng các thao trường huấn luyện, các trận địa, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương trên địa bàn

Huyện theo Quy hoạch để đảm bảo phòng thủ quốc phòng.

- Tăng cường đấu tranh, phối hợp với các đơn vị bạn nhằm phòng ngừa và xử lý các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phát triển mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng và phát triển tổ an ninh tự quản, toàn dân tố giác tội phạm; tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc và tôn giáo trên địa bàn để bảo đảm ổn định cùng phát triển.

3.5. Xây dựng nông thôn mới và phát triển đô thị

3.5.1. Định hướng xây dựng nông thôn mới

Đến năm 2020, toàn Huyện có 8/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Dự kiến các xã còn lại được công nhận trong năm 2021. Định hướng giai đoạn 2021-2030, xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu tại các xã trên địa bàn Huyện. Cụ thể như sau:

- Đến năm 2025: đạt chuẩn Huyện nông thôn mới (trước năm 2022), hoàn thành xây dựng nông thôn mới nâng cao tại 05 xã Quảng Tín, Đắc Wer, Nhân Cơ, Kiến Thành, và Nghĩa Thắng, trong đó 02 xã Đắc Wer và Kiến Thành đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Đến năm 2030: cùng với phát triển các xã lên phường để thành lập thị xã, hoàn thành xây dựng nông thôn mới nâng cao tại các xã Đắc Sin, Hưng Bình, Đắc Ru, Đạo Nghĩa và Nhân Đạo, trong đó 02 xã Đắc Ru và Đắc Sin đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Bên cạnh phát triển các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng các tiêu chí của nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thì phát triển kinh tế nông thôn là nền tảng để xây dựng nông thôn mới nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Theo đó, định hướng tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế trên địa bàn các xã đến năm 2030 cần tập trung vào chuỗi giá trị sản xuất nông sản chủ lực trên địa bàn, bao gồm: chuỗi giá trị cà phê, hồ tiêu, cây ăn trái và chăn nuôi.

3.5.2. Định hướng phát triển đô thị

Đến năm 2030, thành lập 06 phường Kiến Đức, Quảng Tín, Đắc Wer, Nhân Cơ, Kiến Thành và Nghĩa Thắng để thành lập thị xã Đắc R'lấp theo tiêu chuẩn đô thị loại IV. Các phường đô thị của thị xã chiếm 39,6% tổng diện tích thị xã, với dân số chiếm khoảng 66% dân số toàn thị xã. Giai đoạn 2030 - 2035, nâng cấp thêm xã Đắc Ru lên phường, nâng diện tích vùng đô thị chiếm 51,14% tổng diện tích thị xã, với dân số chiếm khoảng 77% dân số toàn thị xã. Định hướng phát triển đô thị thị xã Đắc R'lấp

giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng sau:

- Phát triển đô thị theo định hướng đô thị công nghiệp - thương mại dịch vụ - nông nghiệp. Trong đó định hướng công nghiệp nền tảng là thác bô xít, công nghiệp chế biến nhôm, sau nhôm và công nghiệp phụ trợ cho ngành nhôm.

- Phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ gắn liền với tiến trình đô thị hóa, đặc biệt là các khu nhà ở công nhân, khu dân cư tập trung, trung tâm văn hóa, thể dục thể thao phục vụ cho người dân, công nhân và quy mô dân số tăng cao.

- Phát triển nông nghiệp đô thị gắn với nông nghiệp công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị và gắn liền với các nhà máy chế biến để tăng giá trị sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm đất đai cho phát triển đô thị.

- Định hướng đến năm 2050, xây dựng hoàn chỉnh khu đô thị mới tại khu vực phường Quảng Tín theo hình thức đô thị sinh thái với trọng tâm là trung tâm hành chính - chính trị thị xã, gắn liền với phát triển du lịch, y tế, văn hóa, xã hội và trung tâm giao thương phía Nam đô thị thị xã.

- Định hướng sau năm 2030 đến năm 2050, mở rộng không gian phát triển đô thị về phía Nam đối với địa bàn các xã Đắc Ru, Đạo Nghĩa và Đắc Sin khi các phường Đắc Wer, phường Nhân Cơ và Nhân Đạo được sát nhập vào thành phố Gia Nghĩa theo Quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa.

3.6. Định hướng tổ chức không gian và kết nối lãnh thổ

3.6.1. Định hướng khung phát triển không gian và kết nối lãnh thổ

Giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng khung phát triển không gian và kết nối lãnh thổ tại huyện Đắc R'lấp như sau:

(1) Định hướng các trục phát triển chính

Trục động lực: trục động lực phát triển đô thị là Quốc lộ 14, có ý nghĩa kết nối hầu hết các trung tâm đô thị và công nghiệp trọng điểm của Huyện và thị xã trong tương lai: gồm trung tâm các xã (phường) Quảng Tín, Kiến Thành, Kiến Đức, Đắc Wer, Nhân Cơ, KCN Nhân Cơ và các cụm công nghiệp. Để tăng cường năng lực giao thương cho trục động lực, sẽ bổ sung thêm các trục phụ trợ phía Đông Quốc lộ 14 và Tây Quốc lộ 14, là các hành lang giới hạn phát triển không gian đô thị chủ yếu.

- Đường phía Tây quốc lộ 14 đóng vai trò vành đai phía tây Huyện và thị xã trong tương lai, kết nối từ đô Đông Bắc Kiến Đức (dự kiến phát triển khu đô thị mới) đến trung tâm Quảng Tín (dự kiến phát triển khu đô thị mới), về dài hạn, trục này được kéo

dài xuống Đắc Ru, là bổ sung kết nối quan trọng cho các khu vực dân dụng phía Tây thị xã. Tuyến đường này có vai trò quan trọng trong việc tăng cường sức hút phát triển và tạo thị trường cho khu vực phía Tây quốc lộ 14.

- Đường phía Đông quốc lộ 14 đóng vai trò đường tránh, giai đoạn đầu từ Đắc Wer đến Quảng Tín (phù hợp với quy hoạch giao thông huyện), giai đoạn sau sẽ được kéo dài từ Quảng Tín đến Đắc Wer. Đường phía Đông có vai trò kết nối trung tâm Đắc Wer, Kiến Thành với cụm công nghiệp Quảng Tín.

Trục phát triển nông thôn: là tuyến đường từ Đắc Wer- Nhân Cơ- Nhân Đạo- Nghĩa Thắng- Đạo Nghĩa- Đắc Sin- Hưng Bình- Đắc Ru. Tuyến đường này có vai trò kết nối các không gian dân dụng quan trọng nằm ngoài trục động lực (quốc lộ 14), gồm các trung tâm phường Nhân Cơ, trung tâm xã Nhân Đạo, trung tâm phường Nghĩa Thắng, trung tâm xã Đắc Sin, trung tâm xã Hưng Bình, trung tâm xã Đắc Ru, và cũng là đầu mối kết nối giao thông quan trọng đến CCN Quảng Tín- chủ yếu phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp. Tuyến đường này chủ yếu được nâng cấp trên nền các đường huyện 41-43 và đường tỉnh 685.

(2) Định hướng các vành đai và hướng xuyên tâm

Vành đai 1: là đường vành đai phát triển khu vực xây dựng trung tâm đô thị, bao trùm lên trung tâm các(xã) phường Kiến Đức, Kiến Thành, Đắc Wer và Quảng Tín. Vành đai 1 được xây dựng trên cơ sở các tuyến đường sau:

- Đường huyện 49 (Kiến Đức- Đắc Wer), là đường phía Bắc thị trấn Kiến Đức.
- Đường tránh Kiến Đức (Đắc Wer- Kiến Thành), được kéo dài tới Quảng Tín. Đây cũng là đường phía Đông quốc lộ 14;
- Đường phía Tây quốc lộ 14 (Kiến Đức- Quảng Tín);
- Đường nối Đông Tây quốc lộ 14 đi qua trung tâm Quảng Tín, được quy hoạch trên nền ĐH51 kéo dài về phía Tây.

Vành đai 2: là trục phát triển nông thôn kéo dài thêm các đoạn Đắc Wer- Kiến Đức và Đắc Ru- Quảng Tín. Các tuyến vành đai 1 và 2 bị chia cắt mạnh bởi yếu tố địa hình sẽ được kết nối bằng hệ thống các đường xuyên tâm. Với các hướng xuyên tâm như sau:

- ĐT681 Kiến Đức đi huyện Tuy Đức, là tuyến giao thông liên huyện quan trọng;
- Kiến Đức đi Quảng Trục: quy hoạch trên nền ĐH42, là tuyến liên huyện quan trọng;

- Đường Kiến Đức- Gia Nghĩa: quy hoạch từ đô thị mới Kiến Thành về phía Đông trên cơ sở xây dựng mới một phần và nâng cấp một phần các tuyến hiện trạng, đấu nối với đường Cai Chanh- Quảng Hòa, là đường liên huyện quan trọng;

- Đường Kiến Thành- Gia Nghĩa: nâng cấp ĐT685 đấu nối với đường Cai Chanh- Quảng Hòa;

- ĐH44 Quảng Tín- Đăk Sin, là tuyến liên xã quan trọng;

- ĐH51(một phần là tuyến mới) Quảng Tín- Đăk Ru- Hưng Bình, là tuyến liên xã quan trọng, kết nối trung tâm xã Quảng Tín- CCN Quảng Tín- trung tâm xã Hưng Bình và nút giao khác mức (quy hoạch) kết nối ĐT685 với đường cao tốc;

- ĐH51 kéo dài Quảng Tín- Đăk Ngo, là đường liên huyện quan trọng

- Các hướng xuyên tâm thứ yếu khác: ĐH43, ĐH45 và ĐH44 nối dài (về phía Tây).

3.6.2. Định hướng bố trí không gian phát triển khu vực đô thị

Với định hướng phát triển đô thị đề lên thị xã vào năm 2030, định hướng bố trí không gian phát triển đô thị của Đăk R'lấp đến năm 2030 như sau:

(1) *Phường Kiến Đức*: Hình thành trên cơ sở dự kiến mở rộng địa giới hành chính thị trấn Kiến Đức hiện tại sang xã Kiến Thành với diện tích 1536.1 ha tại khu vực thôn 4; trong phạm vi giới hạn bởi ranh giới hành chính các xã Quảng Tín, thị trấn Kiến Đức và Quốc lộ 14. Đến năm 2035, Phường Kiến Đức là trung tâm hành chính chính trị và thương mại dịch vụ của đô thị. Sau năm 2035 phát triển Kiến Đức thành trung tâm thương mại, giao thông của của Huyện và khu vực (khi trung tâm hành chính dời về Quảng Tín).

(2) *Phường Kiến Thành*: Hình thành trên cơ sở địa giới hành chính xã Kiến Thành, sau khi đã đưa thôn 4 về phường Kiến Đức. Phường Kiến Thành là trung tâm văn hóa thể thao đô thị, là không gian dự trữ phát triển đô thị (về phía Đông Nam) trong tương lai đến năm 2050.

(3) *Phường Quảng Tín*: Hình thành trên cơ sở địa giới hành chính xã Quảng Tín. Đến năm 2035, định hướng Phân khu B đô thị mới Quảng Tín giáp suối Đăk R'Lấp là đô thị sinh thái, với các quỹ đất đề xuất cho phát triển du lịch, phát triển y tế, xã hội hóa đào tạo và Phân khu A đô thị mới Quảng Tín tại đồi 687 với trọng tâm là trung tâm Hành chính - Chính trị thị xã và khối cơ quan trong tương lai. Sau năm 2035, Phường Quảng Tín là đô thị sinh thái và trung tâm giao thương phía Nam đô thị, gắn

với trung tâm hành chính mới của đô thị.

(4) *Phường Đắc Wer*: Hình thành trên cơ sở địa giới hành chính xã Đắc Wer. Phát triển theo định hướng không gian theo Quy hoạch thành phố Gia Nghĩa có liên quan đến xã Đắc Wer. Đến năm 2035, định hướng là trung tâm dịch vụ thương mại tiếp cận nút giao đường tránh Kiên Đức và quốc lộ 14, tiếp cận điểm đầu nối quốc lộ 14 với đường cao tốc, gắn với phát triển nhà ở xã hội.

(5) *Phường Nhân Cơ*: Hình thành trên cơ sở địa giới hành chính xã Nhân Cơ. Phát triển theo định hướng không gian theo Quy hoạch thành phố Gia Nghĩa có liên quan đến xã Nhân Cơ. Định hướng đến năm 2035, phường Nhân Cơ là phường công nghiệp của đô thị với định hướng phát triển mạnh khai thác bô xít, công nghiệp chế biến nhôm, sau nhôm và phụ trợ, khu nhà ở công nhân và nhà ở xã hội

(6) *Phường Nghĩa Thắng*: Hình thành trên cơ sở địa giới hành chính xã Nghĩa Thắng. Đến năm 2035, định hướng Phường Nghĩa Thắng là trung tâm công cộng cho vùng nông nghiệp- nông thôn phía Đông Nam huyện với khu vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại thôn Quảng Sơn và nhà máy chế biến nông sản. Đồng thời là là không gian dự trữ phát triển đô thị sinh thái trong tương lai (gắn với hồ Cầu Tư).

Giai đoạn 2030-2035, thành lập phường Đắc Ru trên cơ sở địa giới hành chính xã Đắc Ru. Với định hướng phát triển là cửa ngõ phía Nam đô thị trên đường quốc lộ 14, có sức hút lớn về thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp chất lượng cao. Định hướng sau năm 2035 đến năm 2050, tiếp tục mở rộng không gian phát triển đô thị về phía Nam đối với địa bàn các xã Đạo Nghĩa và Đắc Sin khi các phường Đắc Wer, phường Nhân Cơ và Nhân Đạo được sát nhập vào thành phố Gia Nghĩa theo Quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa.

3.6.3. Định hướng bố trí không gian phát triển khu vực nông thôn

Với các xã còn lại trên địa bàn Huyện, cập nhật quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã, điều chỉnh cục bộ khi gắn kết với hạ tầng đối ngoại và hạ tầng khu vực nội thị. Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự và căn cứ chiến đấu. Cụ thể như sau:

(1) *Xã Đắc Ru*: Là cửa ngõ phía Nam đô thị trên đường quốc lộ 14, có sức hút lớn về thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp chất lượng cao. Định hướng phát triển chợ, đầu mối logistics và giao thương tại khu vực tiếp cận nút giao đường cao tốc và đường tỉnh 685. Phát triển nhà máy chế biến nông sản, hoa quả tại thôn Châu Thành.

Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.

(2) *Xã Hưng Bình*: Là vùng nguyên liệu nông nghiệp quan trọng của huyện. Định hướng phát triển khu du lịch tại khu vực thác 5 tầng, vùng nguyên liệu tập trung và nhà máy chế biến nông sản. Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.

(3) *Xã Đăk Sin*: Là vùng nguyên liệu nông nghiệp quan trọng của huyện, là trung tâm thủy điện. Định hướng phát triển khu du lịch tại khu vực thác 5 tầng, mở rộng chợ. Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự

(4) *Xã Đạo Nghĩa*: Là vùng nguyên liệu nông nghiệp quan trọng của huyện. Định hướng xây dựng khu xử lý chất thải rắn của huyện tại thôn Quảng Phước. Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.

(5) *Xã Nhân Đạo*: Là vùng nông nghiệp hậu cần của KCN Nhân Cơ. Đẩy mạnh chỉnh trang hệ thống đường giao thông và hạ tầng xã hội trên cơ sở cập nhật các định hướng phát triển KCN tại Nhân Cơ. Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự và căn cứ hậu phương.

3.7. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng gắn với bố trí không gian

3.7.1. Giao thông

Đối với hệ thống hạ tầng nói chung và hạ tầng giao thông nói riêng, mục tiêu đến năm 2030 là phát triển hạ tầng giao thông hoàn chỉnh đối với huyện Đăk R'lấp đáp ứng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật để đủ điều kiện trở thành đô thị loại IV xếp hạng theo TCVN. Định hướng phát triển giao thông trên địa bàn Huyện Đăk R'lấp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

a) Định hướng trục giao thông

- Trục dọc: phát triển theo trục dọc 2 và trục dọc 4 của định hướng phát triển giao thông tỉnh Đăk Nông đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

+ Theo trục dọc 2 của tỉnh: là tuyến đi trùng với đường QL14 từ cầu 14 (Km1793+00 đường HCM) đến Cai Chanh, Đăk Rlấp (Km1946 đường HCM), dài toàn tuyến 154km, đoạn qua Đăk R'lấp dài 35km, đã hoàn thiện xây dựng theo Quy hoạch.

+ Theo trục dọc 4 của tỉnh: là tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02), dài 110km. Đoạn qua Đăk Nông từ ranh giới giữa Đăk Lắc và Đăk Nông đến ranh giới giữa Đăk Nông và Bình Phước, dài 110km. Đoạn giáp Bình Phước sẽ đi qua địa bàn Huyện Đăk R'lấp.

- Trục ngang: phát triển theo các trục ngang 5,6,7 của định hướng phát triển giao thông tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Cụ thể như sau:

+ Trục Cai Chanh - Quảng Hòa (trục ngang 5 của tỉnh): dài toàn tuyến khoảng 118km. Trục này có 3 đoạn, trong đó đoạn 1 và đoạn 2 đi qua địa bàn Huyện Đắk R'lấp. Hướng tuyến đoạn 1 đi trùng ĐT685 từ điểm đầu giao với QL14 tại Cai Chanh, đi theo Tỉnh lộ 5 qua Đắk Sin, Đạo Nghĩa tới trung tâm xã Nghĩa Thắng. Đoạn 2 đi theo đường xã Đạo Nghĩa, Nhân Đạo và đi mới đến Gia Nghĩa, bám dọc sông Đòng Nai đến giao với QL28 tại xã Quảng Khê. Đoạn 3 đi tiếp theo đường huyện Quảng Khê - Đắk R'Măng và tiếp tục đi đến xã Quảng Hòa tới điểm cuối giáp ranh giới với tỉnh Lâm Đồng, từ đây tuyến đấu nối với đường địa phương thuộc huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng thông qua cầu Thác 12. Giai đoạn 2021-2030, cải tạo nâng cấp, xây dựng mới đoạn từ xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp đến xã Đắk Nia, TP. Gia Nghĩa (trùng dự án đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê giai đoạn 2) dài khoảng 24 Km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV.MN có nền rộng 7,5m, mặt láng nhựa rộng 5,5m; công trình trên tuyến vĩnh cửu đạt tải trọng HL-93. Giai đoạn 2031 – 2050, cải tạo nâng cấp đoạn từ phường Nghĩa Thắng, thị xã Đắk R'lấp (sau khi thành lập thị xã từ năm 2030) đến xã Đắk Nia, TP. Gia Nghĩa và cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới đoạn từ Quảng Khê đến xã Quảng Hòa đạt tiêu chuẩn cấp III.MN có nền rộng 9m, mặt rộng 6m; công trình trên tuyến vĩnh cửu đạt tải trọng HL-93. Sau khi được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh sẽ xem xét, nâng trục ngang 5 lên thành đường tỉnh.

- Trục Nghĩa Thắng - Quảng Trục (trục ngang 6 của tỉnh): Dài toàn tuyến khoảng 79km. Trục này có 2 đoạn, hướng tuyến của đoạn 1 là đi trùng ĐT685 đoạn từ Nghĩa Thắng đi Kiến Đức (dài 16Km), đoạn 2 đi trùng ĐT681 và Quốc lộ 14C từ Đắk Buk So đi Quảng Trục (Km139-Km150, QL14C) với chiều dài khoảng 63Km. Có điểm đầu tại xã Nghĩa Thắng (Km16 đường tỉnh 685 hiện hữu), điểm cuối tại xã Quảng Trục (Km150, Quốc lộ 14C hiện hữu). Được quy hoạch theo quy hoạch đường ĐT681, ĐT685 và QL14C. Sau khi được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh sẽ xem xét, nâng toàn bộ trục ngang 6 lên thành Tỉnh lộ.

- Trục Buk Prăng - Quảng Trục - Quảng Tín (trục ngang 7 của tỉnh): Dài toàn tuyến khoảng 50km. Hướng tuyến có điểm đầu giao Quốc lộ 14C, tuyến được mở mới qua địa bàn xã Quảng Trục huyện Tuy Đức tới trung tâm xã Đắk Ngo, tuyến đi theo các đoạn đường huyện của huyện Tuy Đức và Đắk RLấp đến điểm cuối giao với Quốc

lộ 14 tại trung tâm xã Quảng Tín huyện Đăk RLấp. Giai đoạn 2021- 2030, xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các đoạn hiện có cho toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV.MN có nền rộng 7,5m, mặt trải nhựa rộng 5,5m. công trình trên tuyến đạt tiêu chuẩn HL93. Giai đoạn 2031 – 2050, nâng cấp toàn đoạn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III.MN có nền rộng 9m, mặt rộng 6m. Sau khi được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh sẽ xem xét, nâng toàn bộ trục ngang 7 lên thành Tỉnh lộ.

b) Hệ thống đường phát triển theo các trục

(1) *Đường cao tốc*: Theo Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 15/2/2012 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh; quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và Quyết định số: 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 09 năm 2021 về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua địa bàn tỉnh Đăk Nông có tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02).

Hướng tuyến cơ bản tuân thủ quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh được phê duyệt tại Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 15/2/2012. Đoạn qua Đăk Nông từ ranh giới giữa Đăk Lăk và Đăk Nông đến ranh giới giữa Đăk Nông và Bình Phước, dài 110km. Đoạn giáp Bình Phước sẽ đi qua địa bàn Huyện Đăk R'lấp. Quy hoạch đến năm 2030 là hoàn thành xây dựng toàn đoạn tuyến với quy mô 6 làn xe.

(2) *Đường quốc lộ*: trên địa bàn tỉnh Đăk Nông có các tuyến quốc lộ 14, quốc lộ 14C và quốc lộ 28. Trong đó chỉ có quốc lộ 14 qua địa bàn Huyện Đăk R'lấp. Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 09 năm 2021 về việc: "Phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050". Đoạn tuyến Đường Hồ Chí Minh (QL14) qua địa bàn tỉnh Đăk Nông có chiều dài 154km; điểm đầu tại km1793+00 cầu 14 qua sông SêrêPôk, giáp ranh giới với tỉnh Đăk Lăk; điểm cuối tại km1947+00 Cai Chanh huyện Đăk R'Lấp (giáp ranh giới với tỉnh Bình Phước). Hiện tại đoạn tuyến qua địa bàn tỉnh Đăk Nông đã đạt tiêu chuẩn đường cấp III.MN, nền 12m, mặt 11m, như vậy đã đạt mục tiêu quy hoạch đề ra. Duy tu bảo dưỡng thường xuyên phục vụ khai thác.

(3) *Đường tỉnh lộ*: Các đường tỉnh lộ hiện tại qua địa bàn Huyện Đăk R'lấp bao gồm tỉnh lộ 681, tỉnh lộ 685; các đường mở mới theo định hướng phát triển giao thông tỉnh Đăk Nông đến năm 2030, tầm nhìn 2050 cấp tỉnh lộ bao gồm Đường Đăk Wer -

Đăk Tik - Quảng Trục.

- Tỉnh lộ 681: Tuyến đường tỉnh ĐT681 có điểm đầu giao QL14 tại Thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp; điểm cuối giao QL14C tại Đăk Buk So, huyện Tuy Đức; tuyến nối QL14 với QL14C, đồng thời kết nối trung tâm của 2 huyện Đăk R'Lấp và Tuy Đức; Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV,V.MN có nền rộng 6,5 -7,5 m; mặt rộng 3,5 - 5,5m. Toàn tuyến được láng nhựa, đoạn qua trung tâm các huyện thảm bê tông nhựa, chất lượng tốt. Giai đoạn đến năm 2030, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III, nền đường rộng 9 m, mặt nhựa rộng 6 m; công trình trên tuyến đạt tiêu chuẩn HL-93. Giai đoạn 2031 – 2050, duy tu bảo dưỡng thường xuyên phục vụ khai thác.

- Tỉnh lộ 685: Điểm đầu giao Km1928- Đường Hồ Chí Minh (QL14) tại TT. Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp; điểm cuối giao km1945+00 – Đường Hồ Chí Minh (QL14) tại Cai Chanh. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, V.MN có nền rộng 6,5m-7,5; mặt rộng 3,5-5,5m; kết cấu mặt: 8km mặt đường BTN, 03km mặt đường BTXM, 32km mặt đường láng nhựa, chất lượng tốt và trung bình. Giai đoạn đến năm 2030, cải tạo, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV.MN nền rộng 7,5m, mặt nhựa rộng 5,5m. Công trình trên tuyến vĩnh cửu đạt tải trọng HL-93. Giai đoạn 2031 – 2050, cải tạo, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III.MN nền rộng 9m, mặt nhựa rộng 6m. Công trình trên tuyến vĩnh cửu đạt tải trọng HL-93. Duy tu bảo dưỡng thường xuyên phục vụ khai thác.

- Đường Đăk Wer - Đăk Tik - Quảng Trục: Dài khoảng 55km, có điểm đầu giao Đường Hồ Chí Minh (QL14), tuyến được mở mới qua địa bàn xã Quảng Trục huyện Tuy Đức tới trung tâm xã Đăk Ngo, nối tuyến đi theo các đoạn đường huyện của huyện Tuy Đức và Đăk RLấp qua trung tâm xã Quảng Tín đến điểm cuối giao với Tỉnh lộ 5 tại trung tâm xã Đăk Sin huyện Đăk RLấp. Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các đoạn hiện có trên toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV.MN có nền rộng 7,5m, mặt trải nhựa rộng 5,5m, công trình trên tuyến đạt tiêu chuẩn HL93. Giai đoạn 2031 – 2050, nâng cấp toàn đoạn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III.MN có nền rộng 9m, mặt rộng 6m. Sau khi được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh sẽ xem xét, nâng toàn bộ tuyến lên thành Tỉnh lộ.

(4) *Đường Huyện:* đến năm 2030, 100% tuyến đường Huyện được nhựa hóa. Cụ thể các tuyến đường cần đường xây dựng mới và cải tạo nâng cấp như sau:

- Đường Nhân Cơ - Đạo Nghĩa (ĐH 41): Dài 12 Km, hiện trạng là đường cấp V

miền núi. Giai đoạn 2026 - 2035 nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

- Đường QL14 - Trung tâm cụm xã Đắc Tih (ĐH 42): Dài 9,9 Km, hiện trạng là đường cấp V miền núi. Giai đoạn đến năm 2025 nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

- Đường Châu Giang - Quảng Tân (ĐH 43): Dài 1,55 Km, hiện trạng là đường GTNT loại A. Giai đoạn 2026 - 2035 nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Đường QL14 - Đắc Sin (ĐH 44): Dài 20,8 Km, hiện trạng là đường cấp V miền núi. Giai đoạn đến năm 2025 chỉ tiến hành duy tu, bảo dưỡng; giai đoạn 2026 - 2035, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

- Đường Đắc Ru - Đắc Ngo (ĐH 45): Dài 5,05 Km, hiện trạng là đường GTNT loại A. Giai đoạn 2026 - 2035 nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Đường liên xã Kiến Đức - Kiến Thành - Nhân Cơ (ĐH 46): Dài 10,23 Km, hiện trạng là đường cấp V miền núi. Giai đoạn 2026 - 2030 nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

- Đường liên xã Đắc Wer - Nhân Cơ - Nhân Đạo (ĐH 47): Dài 5,25 Km, hiện trạng là đường cấp V miền núi. Định hướng giai đoạn 2021 - 2025 nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

- Đường GT Pinao2 - Đắc Nia (ĐH 48): Dài 12,7 Km, hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại A. Giai đoạn đến năm 2035 nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V miền núi.

- Đường Kiến Thành - Đắc Wer (ĐH 49): Dài 4,5 Km, hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại A. Giai đoạn đến năm 2035, nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp V miền núi.

- Đường Quảng Lộc - Đạo Nghĩa - Đắc Sin (ĐH 51): Dài 5 Km, hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại A. Định hướng giai đoạn 2026 - 2030 nâng cấp toàn bộ tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Đường Đắc Ru - Đắc Sin (ĐH 52): Dài 11,8 Km, hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại A. Giai đoạn đến năm 2025, xây dựng mới 4,5 km đường láng nhựa đạt tiêu chuẩn cấp VI miền núi; giai đoạn 2026 - 2035 nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

(5) *Đường xã*: gồm 16 tuyến đường xã, với tổng chiều dài 75 Km, được quy

hoạch như sau: Đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn cấp V, cấp VI, tỷ lệ rải nhựa, bê tông xi măng đạt 95% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030. Riêng 05 tuyến dưới đây được đầu tư theo tiêu chuẩn cấp VI, V mặt rải nhựa hoặc bê tông xi măng và được nâng lên thành đường huyện sau khi đầu tư hoàn thành:

- Đường Nhân Đạo - Nghĩa Thắng: Dài 7,8 Km, hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại B. Giai đoạn đến năm 2020 đầu tư toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi; giai đoạn đến năm 2030 nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Đường liên xã Kiến Đức - Kiến Thành - Nghĩa Thắng: Dài 15,2 Km, hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại A. Giai đoạn đến năm 2030 nâng cấp toàn bộ tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Đường Quảng Tín - Đắc Ngo: Dài 7 Km, hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại B. Giai đoạn đến năm 2030 nâng cấp toàn bộ tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Đường Nghĩa Thắng - Đạo Nghĩa: Dài 7,7 Km, hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại A. Giai đoạn đến năm 2030 nâng cấp toàn bộ tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Đường liên xã Quảng Tín - Kiến Thành: Dài 6,7 Km, hiện trạng là đường giao thông nông thôn loại B. Giai đoạn đến năm 2020, xây dựng 3,7 km đường đất còn lại thành mặt đường láng nhựa; giai đoạn đến năm 2030 đầu tư nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

(6) *Đường thôn, bon*: giai đoạn đến năm 2025 đầu tư đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A, B, tỷ lệ rải nhựa hóa, bê tông xi măng đạt 85%; đến năm 2030 tỷ lệ nhựa hóa, bê tông xi măng đạt 90%. Trong đó, dự kiến có 12 tuyến đường sau khi đầu tư hoàn thành sẽ đề nghị nâng lên đường xã, gồm: Đường thôn Tân Phú, xã Đắc Ru; đường thôn 8 xã Đắc Ru; đường BonOlBuTung đi thôn Sadaco xã Quảng Tín; đường thôn 9 xã Kiến Thành; đường BonBuzarah xã Nghĩa Thắng; đường Đắc Wer đi Kiến Thành; đường Bon BuN'Doh đi thôn 15, xã Đắc Wer; đường thôn 16 xã Đắc Wer; đường thôn 2 đi thôn 6, xã Nhân Đạo; đường thôn 1 đi thôn 4, xã Nhân Đạo; đường thôn 3 đi thôn 10, xã Đắc Sin; Đường Quảng Lộc đi Quảng An, xã Đạo Nghĩa.

c) *Bến xe, bãi đậu xe*

Bến xe phải gần với đường giao thông công cộng, thuận tiện cho hành khách đi xe, gần khu dân cư hoặc trung tâm thương mại. Trong trường hợp vị trí bến không gần

với đường giao thông công cộng thì không được cách xa đường giao thông công cộng quá 200 m và phải có đường nối với đường giao thông công cộng. Bến xe được xây dựng gần nơi chuyển tiếp các phương thức vận tải khác hoặc nơi chuyển tiếp giáp các tuyến vận tải hành khách bằng đường bộ và vận tải xe buýt đô thị. Bến xe phải được nhìn thấy từ đường giao thông công cộng hoặc phải có biển báo, biển chỉ dẫn rõ ràng.

Thực hiện theo Quy hoạch phát triển vận tải tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 21/12/2016: Đến năm 2025 xây dựng bến xe tại xã Nhân Cơ và xã Nghĩa Thắng đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV; giai đoạn đến năm 2030 nâng cấp bến xe tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn bến xe loại II.

3.7.2. Thủy lợi

Hiện tại, trên địa bàn huyện Đắk R'lấp có các công trình hồ thủy lợi, thủy điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên vẫn còn thiếu nước tưới nghiêm trọng vào mùa khô. Trong giai đoạn 2021-2030, tập trung vào các công trình thủy lợi sau:

- Cải tạo, nạo vét các tuyến suối bồi lấp qua các năm để dẫn nước tưới cho các khu vực sản xuất nông nghiệp tại các địa bàn trong Huyện.

- Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hiện có, bê tông hóa hệ thống kênh, mương, hoàn thiện cụm công trình thủy lợi, kiên cố hóa 100% hệ thống kênh mương, đến năm 2025, đảm bảo nguồn nước cho 90% diện tích cây trồng có nhu cầu, đến năm 2030 đảm bảo nguồn nước cho 100% diện tích cây trồng có nhu cầu.

3.7.3. Phát triển nguồn và lưới điện

Đến năm 2020, hệ thống nguồn và lưới điện đảm bảo cấp điện cho Huyện hiện tại, có vị trí hợp lý và có thể sử dụng làm nguồn cấp điện chính trong tương lai. Tuy nhiên, với định nhu cầu phát triển trong giai đoạn tới, tiếp tục phát triển hệ thống nguồn và lưới điện trên địa bàn Huyện theo *Phương án phát triển ngành kết cấu hạ tầng năng lượng, điện lực, dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)* để đảm bảo tính đồng bộ. Trong đó, định hướng phát triển trên địa bàn Huyện, cần lưu ý các điểm sau đây:

- Không phát triển và mở rộng phát triển thủy điện trên địa bàn Huyện Đắk R'lấp giai đoạn 2021-2030 và thị xã Đắk R'lấp thành lập sau năm 2030 đến năm 2050, định hướng mở rộng phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời áp mái).

- Điện: đến năm 2025, 100% số hộ được dùng điện an toàn và đáp ứng đủ nguồn

điện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Định hướng sau năm 2030 đến năm 2050, ngầm hóa đường dây điện tại các khu dân cư và khu hành chính, các khu đô thị mới để đảm bảo cảnh quan, mỹ quan đô thị. Định hướng đến 2050, ngầm hóa toàn bộ hạ tầng kỹ thuật và lưới điện trên các tuyến đường khu nội thành thị xã Đăk R'lấp.

3.7.4. Cấp, thoát nước

Hiện tại, một số khu vực xa trung tâm Huyện hiện vẫn chưa được tiếp cận nước máy, vẫn sử dụng giếng khoan, giếng khơi hay bể chứa. Trong giai tới định hướng phát triển nguồn và hệ thống cấp nước theo *Phương án phát triển kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước (Quy hoạch tỉnh Đăk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)* để đảm bảo tính đồng bộ. Cụ thể tại địa bàn Đăk R'lấp như sau:

(1) *Cấp nước*: Với định hướng phát triển lên thị xã, phát triển đô thị và công nghiệp, dự báo nhu cầu cấp nước của Đăk R'lấp sẽ tăng cao trong giai đoạn tới.

Bảng 3.17: Dự báo nhu cầu sử dụng nước giai đoạn 2021-2030

STT	Loại hình dùng nước	Đơn vị tính	Quy mô		Tổng nhu cầu dùng nước	
			2025	2030	2025	2030
1	Nước cấp sinh hoạt ngày trung bình	l/người.ngđ	142600	199000	14260000	23880000
	Tỷ lệ cấp nước	%			11408000	21492000
2	Nước sinh hoạt ngày max(k=1.2)	l/người.ngđ			13689600	25790400
3	Công cộng, dịch vụ	%QSHmax			1368960	2579040
4	Tưới cây, rửa đường	%QSHmax			1368960	2579040
5	Công nghiệp	m ³ /ha	232.98	909.31	5824.5	27279.3
6	ΣQ1	m ³ /ngđ			22252	58228
7	Chữa cháy Q _{cc} =10.8*q _{cc} *n*k	m ³ /ngđ			270	270
8	ΣQ	m ³ /ngđ			22522	58498
9	Rò rỉ + dự phòng	%ΣQ1			3338	11646
10	Nước dùng cho bán thân trạm cấp nước	%ΣQ1			1113	2911
11	Tổng	m³/ngđ			26972	73055
12	Tổng (làm tròn)	m ³ /ngđ			26975	73055

Hiện nay, Huyện đang dùng nước từ Nhà máy nước Thị trấn Kiến Đức gần bên xe huyện. Công suất dự kiến cấp nước giai đoạn 1 đến 2025 đạt 11.000m³/ngđ, giai đoạn 2 đạt 23.703m³/ngđ. Nhà máy nước Thị trấn Kiến Đức chủ yếu cấp nước cho thị trấn Kiến Đức và các khu dân cư của xã Kiến Thành, xã Nhân Cơ dọc trên QL14 và một phần ít dân cư của xã Nghĩa Thắng. Với dự báo nhu cầu sử dụng nước tăng lên trong tương lai và đảm bảo các chỉ tiêu phát triển về tỷ lệ sử dụng nước sạch ở các khu vực đô thị khi thành lập thị xã Đăk R'láp vào năm 2030, cần phát triển thêm các trạm cấp nước trên địa bàn Huyện.

Về nguồn cấp nước, nhu cầu dùng nước tăng lên, nguồn khai thác chính sẽ là nước mặt hồ Đăk Blao, hồ Đăk R'Tih và sông Đăk R' Láp. Tuy nhiên, nguồn nước ngầm vẫn có thể đáp ứng cho một phần nhu cầu sử dụng vì vậy có thể tiếp tục khai thác nước ngầm hỗ trợ cho nguồn nước mặt.

Về vị trí nguồn cấp nước, với hiện trạng cung cấp nước sạch hiện nay và định hướng phát triển trong tương lai, Dự kiến bổ sung thêm 2 trạm cấp nước để cung cấp nước sạch cho các vùng còn thiếu nước sạch :

- Trạm cấp nước số 1: Vị trí ở xã Nhân Cơ. Nguồn cấp là hồ từ dòng Đăk R'Tih (không lấy nguồn nước ngầm do khu vực này gần khu công nghiệp nên chất lượng nước ngầm không được tốt). Trạm cấp nước này sẽ cung cấp nước sạch cho xã Nhân Đạo, xã Đăk Wer và xã Nhân Cơ. Công suất dự kiến cấp nước giai đoạn 1 đến 2025 đạt 8.500m³/ngđ, giai đoạn 2 đạt 25.703m³/ngđ.

- Trạm cấp nước số 2: Vị trí ở xã Quảng Tín, gần sông Đăk R' Láp. Nguồn cấp là hồ nước từ dòng Đăk R'Láp. Trạm cấp nước này sẽ cung cấp nước sạch cho xã Quảng Tín và một phần khu dân cư xã Đăk Ru và xã Kiến Thành. Công suất dự kiến cấp nước giai đoạn 1 đến 2025 đạt 7.500m³/ngđ, giai đoạn 2 đạt 23.703m³/ngđ.

- Bên cạnh đó, bố trí các trạm bơm tăng áp ở các khu vực có địa hình phức tạp để đảm bảo đủ áp lực cần thiết cấp nước cho các đối tượng dùng nước ở xa.

(2) *Thoát nước*: Hệ thống thoát nước là hệ thống riêng hoàn toàn nước mưa và nước thải.

- Đối với thoát nước mặt: đến năm 2030, 100% các đường giao thông nội thị có bố trí cống thoát nước mặt. Cống thoát nước mưa được bố trí 1 bên đường hoặc giữa đường. Hướng thoát nước trong cống mặt tận dụng các hướng thoát nước mặt tự chảy theo quy hoạch san nền đảm bảo thoát nước nhanh và triệt để.

- Đối với thoát nước thải: Các chỉ tiêu tính toán áp dụng theo tiêu chuẩn đô thị loại IV là xử lý đến 80% nhu cầu dùng nước. Trong khi đó, tổng nhu cầu xử lý nước thải đến 2025 là khoảng 21600 m³/ngđ và đến năm 2035 là khoảng 58400 m³/ngđ. Do đó, đối với các khu vực quy hoạch chỉnh trang thì thoát nước nửa riêng đến 2025 và có trạm xử lý nước thải cuối dòng trước khi xả ra môi trường, vận hành chủ yếu trong các ngày không có mưa, đến năm 2030 xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, tách biệt khỏi hệ thống thoát nước mặt. Đối với các khu vực quy hoạch mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn ngay từ đầu. Nước thải sinh hoạt trước khi chảy vào hệ thống cống phải được xử lý qua bể tự hoại đúng quy cách. Nước thải y tế độc hại phải được xử lý riêng trước khi chảy ra hệ thống cống chung. Định hướng bố trí trạm xử lý nước thải riêng các khu trung tâm của huyện và cho từng xã như sau:

Bảng 3.18: Định hướng bố trí các trạm xử lý nước thải đến 2030

STT	Loại	Đến 2025	Đến 2030	Cộng	Đơn vị
1	Trạm xử lý nước thải Kiến Đức	2,786	5,114	7,900	m ³ /ngđ
2	Trạm xử lý nước thải Đắc Wer 1	1,244	1,134	2,378	m ³ /ngđ
3	Trạm xử lý nước thải Đắc Wer 2	2,574	990	3,564	m ³ /ngđ
4	Trạm xử lý nước thải Nhân Cơ	566	6,509	7,075	m ³ /ngđ
5	Trạm xử lý nước thải Nhân Đạo	136	1,300	1,436	m ³ /ngđ
6	Trạm xử lý nước thải Nghĩa Thắng	4,385	1,073	5,458	m ³ /ngđ
7	Trạm xử lý nước thải Đạo Nghĩa	-	1,369	1,369	m ³ /ngđ
8	Trạm xử lý nước thải Đắc Sin	-	1,633	1,633	m ³ /ngđ
9	Trạm xử lý nước thải Hưng Bình	-	1,000	1,000	m ³ /ngđ
10	Trạm xử lý nước thải Đắc Ru	-	3,766	3,766	m ³ /ngđ
11	Trạm xử lý nước thải Quảng Tín	-	7,952	7,952	m ³ /ngđ
12	Trạm xử lý nước thải Kiến Thành	649	513	1,162	m ³ /ngđ
13	Trạm xử lý nước thải công nghiệp 1	7,547	5,000	12,547	m ³ /ngđ
14	Trạm xử lý nước thải công nghiệp 2	900	5,000	5,900	m ³ /ngđ

15	Trạm xử lý nước thải công nghiệp 3	5,000	6,000	11,000	m ³ /ngđ
16	Trạm xử lý nước thải công nghiệp 4	1,255	5,500	6,755	m ³ /ngđ
17	Trạm xử lý nước thải công nghiệp 5	563	4,000	4,563	m ³ /ngđ
18	Trạm xử lý nước thải công nghiệp 6	733	1,100	1,833	m ³ /ngđ

3.7.5. Thu gom và xử lý rác thải

Với mức định hướng đô thị hóa và đảm bảo các tiêu chí về thu gom và xử lý rác thải của đô thị loại IV, dự báo khối lượng rác thải trên địa bàn Huyện sẽ tăng lên đáng kể. Hiện tại rác thải thu gom của địa bàn Huyện được xử lý tại bãi rác của thành phố Gia Nghĩa và tỷ lệ thu gom rác khu vực đô thị là 80%. Định hướng thu gom và xử lý rác thải của Huyện trong thời kỳ tới như sau:

- *Về thu gom và công nghệ xử lý rác thải:* định hướng đến năm 2025, 100% rác thải tại đô thị được thu gom và xử lý phù hợp, trong đó có 60% được thu gom và xử lý chôn lấp tập trung, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường. Đến năm 2030, xây dựng nhà máy xử lý rác thải, xử lý rác thải của khu vực đô thị tại khu vực tập trung đạt 100%, định hướng đến năm 2050, có trên 50% rác thải được xử lý không qua chôn lấp.

Về địa điểm xử lý rác thải: Quy hoạch bãi rác chôn lấp tại xã Đạo Nghĩa đáp ứng nhu cầu đến năm 2025; Quy hoạch bãi rác tại xã Hưng Bình đáp ứng nhu cầu đến năm 2030; từ năm 2030, tập trung kêu gọi đầu tư nhà máy xử lý rác thải áp dụng công nghệ cao, không chôn lấp tại khu vực xã Đạo Nghĩa.

3.7.6. Xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin, truyền thông

Với định hướng phát triển đô thị, dự kiến tốc độ tăng nhu cầu thuê bao cố định và thuê bao di động của Huyện đến năm 2030 tăng từ 10-15%/năm. Trong giai đoạn tới, tiếp tục tập trung phát triển kết cấu hạ tầng thông tin, truyền thông theo *Phương án phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, mạng lưới bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)*. Trong đó, định hướng phát triển trên địa bàn huyện Đắk R'lấp như sau:

(1) *Độ phủ của internet:* đến năm 2030, ngầm hóa 100% hạ tầng mạng cáp quang đến trung tâm khu vực dân cư đô thị, cụm tiểu thủ công nghiệp. Thuê bao internet và thuê bao băng rộng phải phủ sóng 100% khu dân cư, đáp ứng về nhu cầu về các dịch

vụ viễn thông của người dân.

(2) *Truyền dẫn và mạng di động*: các tuyến truyền dẫn và chuyển mạch đi qua đô thị sẽ tiếp tục được sử dụng là VNPT, Mobifone và Viettel. Về mạng di động, bên cạnh các trạm BTS 2G, 3G hiện có, xây dựng thêm các trạm BTS 4G, 5G theo quy hoạch chung của tỉnh phục vụ nhu cầu viễn thông tin liên lạc.

(3) *Mạng lưới bưu chính*: đến năm 2025, hoàn thiện, hiện đại mạng lưới bưu chính trên địa bàn đô thị Đắk R'lấp, bán kính phục vụ bình quân dưới 4,8 km. Phát triển theo các hình thức bưu cục, đại lý, điểm bưu điện văn hoá xã, kiốt. Đến năm 2030, kết hợp cung cấp dịch vụ công ích với dịch vụ thương mại; đa dạng hóa các loại hình dịch vụ; phát triển nhiều dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đưa bưu chính trở thành ngành kinh tế hoạt động độc lập có hiệu quả

(4) *Truyền thanh - Truyền hình*: đến năm 2025, đáp ứng cơ bản nhu cầu nghe nhìn trong nhân dân huyện. Mạng lưới phát thanh truyền hình tiếp tục mở rộng diện phủ sóng, nâng cao chất lượng trong phát thanh, truyền hình. Nâng cấp thiết bị đài hiện có đến các thôn, bon, bản, từng bước nâng cao chất lượng và số lượng phát thanh chương trình địa phương. Đến năm 2025, đầu tư, sửa chữa, nâng cấp 100% hệ thống đài truyền thanh cơ sở thông minh hiện đại ứng dụng CNTT- VT (theo Quyết định 135-QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 394/Kh- UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh.

3.7.7. Nghĩa trang

Ngoài nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn Huyện còn có nhiều nghĩa địa rải rác trên địa bàn các xã. Hiện tại chưa có nghĩa trang sinh thái tập trung cho nhu cầu chôn cất của cộng đồng dân cư trên địa bàn Huyện. Định hướng nghĩa địa trong nội thị các xã không mở rộng, trong tương lai sẽ xanh hóa. Sau năm 2030, đến năm 2050, di dời toàn bộ các nghĩa địa phân tán trong khu vực nghĩa địa phân tán tại các phường nội thị thị xã sang nghĩa trang tập trung. Quy hoạch công viên nghĩa trang của đô thị nằm phía Tây thị trấn Kiến Đức.

3.8. Phương hướng quy hoạch sử dụng đất đai gắn với bố trí không gian

Với định hướng phát triển thành thị xã vào năm 2030 và hình thành một khu đô thị mới làm đô thị vệ tinh phía Nam Gia Nghĩa và kết nối giao thương với các tỉnh phía Nam theo trục giao thông quốc lộ 14 và đường cao tốc, việc sử dụng đất đai ở Huyện Đắk R'lấp dự kiến sẽ có nhiều biến động do chuyển đổi đất nông

nghiệp thành đất ở. Định hướng sử dụng đất ở địa bàn các xã được xác định gắn với công trình xây dựng mới như sau:

(1) Thị trấn Kiến Đức: đến năm 2030, thành lập phường Kiến Đức (sáp nhập thêm thôn 4 xã Kiến Thành). Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Kiến Đức được định hướng như sau:

- Quy hoạch trung tâm hành chính chính trị trên mặt đường quốc lộ 14 theo dự kiến đã có.

- Điều chỉnh cục bộ quy hoạch tuyến đường vành đai phía Bắc thị trấn Kiến Đức để có sự gắn kết tốt hơn với đường phía Đông và phía Tây quốc lộ 14 nhằm hình thành vành đai 1 đô thị.

- Bổ sung các tuyến giao thông kết nối sang đô thị mới Đông Bắc Kiến Đức.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang đô thị về phía Đông.

- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự và vị trí phòng thủ.

(2) Xã Kiến Thành: đến năm 2030, thành lập phường Kiến Thành (sau khi đã đưa thôn 4 về phường Kiến Đức). Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Kiến Thành được định hướng như sau:

- Quy hoạch đô thị mới Đông Bắc Kiến Đức, với động lực là trung tâm văn hóa thể thao thị xã.

- Quy hoạch đường tránh Đông Nam thị trấn Kiến Đức.

- Khoanh vùng đất sau khai thác bôxít là quỹ đất dự trữ phát triển

- Xây dựng trụ sở cơ quan mới của phường Kiến Thành.

- Quy hoạch khu logistics của huyện tại thôn 6.

- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.

(3) Xã Quảng Tín: đến năm 2030, thành lập phường Quảng Tín. Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quảng Tín được định hướng như sau:

- Quy hoạch Phân khu A đô thị mới Quảng Tín tại đèo 687 với trọng tâm là trung tâm Hành chính chính trị và khối cơ quan thị xã trong tương lai (sau năm 2035)

- Quy hoạch Phân khu B đô thị mới Quảng Tín giáp suối Đắc R' Lấp là đô thị sinh thái, với các quỹ đất đề xuất cho phát triển du lịch, y tế và xã hội hóa đào tạo.

- Quy hoạch đường phía Đông và Tây quốc lộ 14..

- Quy hoạch bến xe và trung tâm thương mại đầu mối phía Nam.

- Quy hoạch Cụm công nghiệp Đắc Tín.
- Bố trí vị trí cơ sở giết mổ tập trung
- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.

(4) Xã Đắc Wer: đến năm 2030, thành lập phường Đắc Wer. Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quảng Tín được định hướng như sau:

- Quy hoạch đô thị mới Đông Bắc Kiến Đức.
- Quy hoạch đường tránh Đông Nam thị trấn Kiến Đức.
- Khoanh vùng đất sau khai thác boxit là quỹ đất dự trữ phát triển
- Cập nhật định hướng không gian theo quy hoạch mở rộng thành phố Gia Nghĩa có liên quan đến xã Đắc Wer.
- Quy hoạch trung tâm dịch vụ thương mại tiếp cận nút giao đường tránh Kiến Đức và quốc lộ 14, tiếp cận điểm đầu nối quốc lộ 14 với đường cao tốc, gắn với phát triển nhà ở xã hội.
- Quy hoạch quỹ đất dự trữ phát triển cho sân bay Nhân Cơ.
- Xây dựng cơ sở chế biến các loại cây dược liệu và trường đào tạo sản xuất trồng trọt dược liệu
- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự và vị trí phòng thủ.

(5) Xã Nhân Cơ: đến năm 2030, thành lập phường Nhân Cơ. Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nhân Cơ được định hướng như sau:

- Quy hoạch các khu vực nhà ở công nhân và nhà ở xã hội.
- Khoanh vùng đất sau khai thác boxit là quỹ đất dự trữ phát triển
- Cập nhật quy hoạch sử dụng đất cho phát triển khu công nghiệp Nhân Cơ 2 và các cụm công nghiệp
- Quy hoạch quỹ đất dự trữ phát triển cho sân bay Nhân Cơ.
- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.
- Quy hoạch các khu dân cư, đất ở đô thị mới trên nền đất khai thác boxit (sau năm 2035)
- Quy hoạch các trung tâm thương mại dịch vụ.

(6) Xã Nghĩa Thắng: đến năm 2030, thành lập phường Nghĩa Thắng. Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghĩa Thắng được

định hướng như sau:

- Quy hoạch trung tâm xã Nghĩa Thắng trở thành khu vực đô thị hóa.
- Khoanh vùng đất sau khai thác boxit là quỹ đất dự trữ phát triển.
- Quy hoạch khu vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại thôn Quảng Sơn.
- Quy hoạch vùng đất nông nghiệp công nghệ cao và nhà máy chế biến nông sản.
- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.

(7) Xã Đăk Ru: đến năm 2030, là cửa ngõ phía Nam đô thị trên đường quốc lộ 14, có sức hút lớn về thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp chất lượng cao. Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Đăk Ru được định hướng như sau:

- Quy hoạch mới: UBND xã, chợ, đầu mối logistics và giao thương tại khu vực tiếp cận nút giao đường cao tốc và đường tỉnh 685.
- Quy hoạch nhà máy chế biến nông sản, hoa quả tại thôn Châu Thành.
- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.

(8) Xã Hưng Bình: đến năm 2030, là vùng nguyên liệu nông nghiệp quan trọng của huyện. Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Hưng Bình được định hướng như sau:

- Quy hoạch mới: khu du lịch tại thác 5 tầng.
- Quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu nông nghiệp tập trung và nhà máy chế biến nông sản.
- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.

(9) Xã Đăk Sin: đến năm 2030, là vùng nguyên liệu nông nghiệp quan trọng của huyện Là vùng nguyên liệu nông nghiệp quan trọng của huyện, là trung tâm thủy điện. Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Đăk Sin được định hướng như sau:

- Quy hoạch mới: khu du lịch tại thác 5 tầng,
- UBND mới, quy hoạch mở rộng chợ.
- Quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu nông nghiệp tập trung và nhà máy chế biến nông sản.
- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự

(10) Xã Đạo Nghĩa: đến năm 2030, là vùng nguyên liệu nông nghiệp quan trọng của huyện. Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

tại Đạo Nghĩa được định hướng như sau:

- Quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu nông nghiệp tập trung và nhà máy chế biến nông sản.

- Quy hoạch khu xử lý CTR của huyện tại thôn Quảng Phước.

- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự.

(11) Xã Nhân Đạo: Đến năm 2030, là vùng nông nghiệp hậu cần của KCN Nhân Cơ. Quy hoạch xây dựng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nhân Đạo được định hướng như sau:

- Quy hoạch mới: chỉnh trang hệ thống đường giao thông và hạ tầng xã hội trên cơ sở cập nhật các định hướng phát triển KCN tại Nhân Cơ.

- Quy hoạch vị trí Thao trường quân sự và căn cứ hậu phương.

3.9. Phương hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Với định hướng phát triển thành đô thị công nghiệp, nhất là công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, vấn đề bảo vệ môi trường và khai thác tài nguyên bền vững cần được đặt lên hàng đầu. Trong giai đoạn tới, công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường và phòng chống thiên tai trên địa bàn Huyện thực hiện theo sát *Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Phương án thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên tỉnh Đắk Nông; Phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi tỉnh (Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050)*. Cụ thể đối với Huyện Đắk R'lấp như sau:

- *Bảo vệ môi trường và tài nguyên đất:* tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ, các chế phẩm vi sinh trong sản xuất nông nghiệp, trồng những loại cây phù hợp với chất đất, độ dốc, nhằm phòng tránh xói mòn rửa trôi. Quản lý các khu vực chăn nuôi theo đúng định hướng quy hoạch và đảm bảo các biện pháp kỹ thuật trong chăn nuôi để đảm bảo xả thải ra môi trường đạt đúng tiêu chuẩn. Sử dụng hiệu quả, đúng mục đích diện tích quy hoạch đất xây dựng đô thị.

- *Bảo vệ môi trường và tài nguyên nước:* khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm nguồn nước thủy lợi và nước ngầm. Không phát triển thủy điện trên diện bàn Huyện. Bảo vệ tối đa các nguồn nước ngầm. Các nguồn nước thải phải được quản lý và xử lý làm sạch trước khi cho ra môi trường theo định hướng xử lý các nguồn nước thải đã xác định.

- *Bảo vệ tài nguyên khoáng sản:* khai thác tài nguyên khoáng sản một cách hợp

lý, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh, tới sự phát triển các ngành kinh tế khác, làm ảnh hưởng đời sống, sức khỏe dân cư, môi trường cảnh quan đô thị và du lịch. Đảm bảo diện tích phủ rừng 100% tại các khu vực khai thác boxit theo quy định.

- *Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng*: khai thác hợp lý, tăng cường bảo vệ và trồng rừng mới, đặc biệt đối với rừng phòng hộ, môi trường trên các khu vực đầu nguồn các con suối, khu vực khai thác boxit. Giai đoạn 2021-2030, giữ nguyên diện tích rừng hiện tại, trồng thêm rừng mới khoảng 100ha/năm, tỷ lệ che phủ rừng từ 42-44%.

- *Đảm bảo vệ sinh môi trường sống khu đô thị, dân cư tập trung hiện hữu và dự kiến quy hoạch*: xây dựng hệ thống cấp, thoát và xử lý nước thải hoàn chỉnh theo định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đã xác định. Xây dựng bãi chứa rác, nhà máy xử lý rác thải theo đúng định hướng phát triển đã xác định để đảm bảo vệ sinh môi trường sống khu vực đô thị và dân cư tập trung, kể cả các khu vực dân cư nông thôn.

- *Phòng chống thiên tai*: chủ động phòng tránh thiên tai bằng các biện pháp căn nền tảng là trồng rừng phòng hộ, xây dựng các công trình điều tiết (hồ, đập) và phối hợp quản lý chặt chẽ việc xả lũ của các công trình thủy điện ảnh hưởng đến địa bàn Huyện. Song song đó, triển khai các biện pháp cụ thể để ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai (cháy rừng, hạn hán, lũ quét), phòng chống sạt lở đất (đặt biệt là các khu vực trọng yếu dân cư và khu du lịch)

3.10. Danh mục dự án đầu tư và các lựa chọn ưu tiên

Với các định hướng phát triển nêu trên, giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050, Huyện cần tập trung các nguồn lực từ ngân sách, các nguồn xã hội hóa, kêu gọi đầu tư để thực hiện các dự án trên lĩnh vực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng (Danh mục dự án tại Phụ lục 1).

3.11. Các giải pháp thực hiện

3.11.1. Giải pháp về thu hút nguồn vốn

(1) *Huy động nguồn vốn ngân sách nhà nước*

- Đề nghị Trung ương, Tỉnh ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư trung hạn từ ngân sách trung ương và có cơ chế chính sách đặc thù với địa phương để ưu tiên thực hiện các dự án nhằm mục tiêu đột phá, tạo ra “chuỗi giá trị tổ hợp Alumin – Nhôm”

- Tận dụng những ưu đãi chính sách của chính phủ trong phân bổ vốn đầu tư công

cho các chương trình trọng điểm đối với các tỉnh miền núi để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và kết cấu hạ tầng xã hội khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nói chung và huyện Đắk R'lấp nói riêng. Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành ngay từ khâu xây dựng kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư của Bộ ngành, nhằm đảo bảo vốn cho đầu tư phát triển.

- Công tác kế hoạch huy động vốn đầu tư từ ngân sách cần phải được xây dựng một cách phù hợp, hợp lý, hiệu quả, không bị động, khai thác tối đa các nguồn vốn có thể huy động, đảm bảo đủ vốn để phục vụ các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản kinh tế - xã hội, từ đó nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện cần tập trung đầu tư các công trình lớn, quan trọng; không đầu tư dàn trải, phân tán, thiếu đồng bộ.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và Tỉnh, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để triển khai xây dựng các dự án có quy mô lớn, nhất là các dự án liên quan đến Tổ hợp Alumin – Nhôm và các dự án trọng điểm về giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; các dự án phát triển nông thôn bền vững...

- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước. Tiếp tục cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Đơn vị tư vấn phải được tổ chức lại theo hướng chuyên môn hoá, chuyên nghiệp hoá, nâng cao trình độ chuyên môn, trau dồi kinh nghiệm đội ngũ cán bộ tư vấn, giám sát, thẩm định dự án. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các tổ chức tư vấn, đặc biệt là tư vấn xây dựng thiết kế và có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

(2) Tăng cường huy động nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước

- Phối hợp với tỉnh xây dựng danh mục các nhóm dự án, lĩnh vực ưu tiên để kêu gọi vốn đầu tư tư nhân. Trong đó xác định nhóm các lĩnh vực ưu tiên 1 là các dự án phát triển Alumin – Nhôm và công nghiệp hỗ trợ liên quan. Lĩnh vực ưu tiên 2 là đầu

tư vốn vào các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao. Lĩnh vực ưu tiên 3 là đầu tư vốn vào các lĩnh vực thương mại, dịch vụ (đặc biệt là logistic, ngân hàng – tài chính; khoa học - công nghệ, du lịch...)

- Phối hợp với tỉnh xây dựng chi tiết nội dung các dự án kêu gọi vốn đầu tư tư nhân. Trong đó phải thể hiện đầy đủ các thông tin về nguồn cung nguyên liệu; giá đất; điều kiện tự nhiên; cơ sở hạ tầng; nguồn nhân lực; chính sách hỗ trợ, pháp luật; quy trình thủ tục đầu tư... của dự án để làm cơ sở cho nhà đầu tư tính toán chi phí, xem xét tính khả thi của dự án.

- Rà soát lại tổng thể quy hoạch đất đai và thực tế sử dụng đất trên địa bàn huyện. Trên cơ sở đó bổ sung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cho phù hợp với thực tế phát triển KT-XH của huyện nói chung và phát triển ngành nông nghiệp nói riêng. Xây dựng quỹ đất sạch để kêu gọi các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Phối hợp với tỉnh để xây dựng các kênh xúc tiến đầu tư hiệu quả. Sử dụng kênh internet để quảng bá các dự án kêu gọi đầu tư. Các cơ chế chính sách, thủ tục, ưu đãi đầu tư... cụ thể đối với từng dự án cần được công bố rộng rãi trên internet để giúp nhà đầu tư thuận tiện khi tìm kiếm thông tin đầu tư tại huyện. Bên cạnh đó, tận dụng tốt các kênh ngoại giao để kêu gọi nhà đầu tư nước ngoài. Để tạo lòng tin cho các nhà đầu tư nước ngoài, huyện nên tận dụng các kênh ngoại giao, các chương trình viếng thăm cấp cao của lãnh đạo để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Tranh thủ thời cơ và cơ hội để tạo và tối ưu hoá nguồn vốn từ quỹ đất công để tái đầu tư phát triển trong quá trình thực hiện quy hoạch theo phương châm “quy hoạch đến đâu, đầu tư đến đó”.

- Kiến tạo quỹ đất thương mại ngay trong quá trình xây dựng, quy hoạch phát triển đô thị. Tận dụng tối đa quỹ đất công chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả, vận dụng sáng tạo cơ chế, chính sách hợp tác công tư (PPP) để thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để thành phần kinh tế tư nhân phát triển. Tập trung đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để huy động nguồn lực trong dân chúng.

(3) Huy động nguồn vốn khác

- Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ...

- Để đẩy nhanh tốc độ xây dựng các trường học trên địa bàn huyện, cần thiết phải huy động vốn từ hai nguồn: vốn ngân sách và vốn ngoài ngân sách. Trong đó vốn ngân sách chiếm tỷ trọng chủ yếu. Để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước, đồng thời đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước ta, UBND huyện cần giao Phòng Tài chính - Kế hoạch lập một số dự án gọi vốn đầu tư xây dựng trường học tại các địa điểm theo quy hoạch, có nhu cầu học cao. Huyện kiến nghị với Tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển các trường ngoài công lập theo hướng miễn, giảm tiền thuê đất, không phân biệt các hình thức tư thục hay công lập.

- Nguồn vốn để xây dựng hệ thống cơ sở y tế cũng cần được đa dạng hoá mạnh mẽ. UBND huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với ngành y tế và các ngành có liên quan lập dự án gọi vốn đầu tư phát triển một số cơ sở khám chữa bệnh, dịch vụ y tế ngoài công lập trên địa bàn. Cũng như trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, các nhà đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập sẽ được hưởng các chính sách khuyến khích về giảm hoặc miễn tiền thuê đất.

- Đồng thời, thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại để huy động vốn đầu tư tại chỗ để đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của huyện.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ trên tất cả các khâu của đầu tư xây dựng, gắn công tác thanh tra, kiểm tra với đánh giá giám sát đầu tư. Đầu tư phải trọng tâm, trọng điểm, theo đúng quy hoạch, xác định thứ tự ưu tiên đầu tư. Nâng cao chất lượng lập chủ trương, dự án đầu tư, trong đó lấy hiệu quả đầu tư là điều kiện tiên quyết, quyết định đến việc lựa chọn dự án đầu tư.

- Nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quy trình đầu tư, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn.

3.11.2. Giải pháp cho phát triển các ngành kinh tế

(1) Giải pháp phát triển nông nghiệp

- Tăng cường phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách phát luật của nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các Chương

trình của Chính phủ về xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp dựa trên lợi thế so sánh, nhu cầu thị trường và hướng đến nền kinh tế nông nghiệp. Ưu tiên thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao để thay đổi phương thức sản xuất truyền thống và ứng dụng thành quả của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thay đổi phương thức quản lý nông nghiệp gắn kết với công nghiệp chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường liên kết giữa 6 nhà (nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà bank, nhà phân phối) tạo liên kết trong chuỗi giá trị từ khâu tổ chức sản xuất, chế biến, phân phối đến tiêu thụ nông sản được thực hiện một cách hiệu quả. Trong đó, nâng cao vai trò của nhà khoa học trong việc hỗ trợ nhà nông, nhà doanh nghiệp kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm quản lý tiên tiến nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng các nguồn lực hướng vào xuất khẩu.

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị với hạt nhân cơ bản là Tổ hợp tác sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp đầu tàu, đầu chuỗi đối với một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực hoặc sản phẩm mới có lợi thế cạnh tranh và phát triển nhanh trên địa bàn huyện.

- Xây dựng kế hoạch, quy hoạch và đề xuất chủ trương kêu gọi các nhà đầu tư tận dụng quỹ đất hoàn thổ sau khi khai thác bô xít phát triển nông nghiệp công nghệ cao, mở rộng không gian phát triển đô thị.

- Tập trung nâng cao năng suất các loại cây trồng, chất lượng hàng hoá nông lâm thủy sản, đảm bảo an toàn thực phẩm. Hỗ trợ xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Ổn định diện tích cây trồng hiện có, nhất là cây cà phê, khuyến cáo nông dân không phát triển diện tích cà phê ở những vùng sinh thái không phù hợp với điều kiện canh tác. Khuyến khích người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng góp phần đa dạng hóa cây trồng, sản phẩm, phù hợp với định hướng chung của huyện. Thực hiện chương trình tái canh cây cà phê.

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn Huyện nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp tại địa phương thông qua việc đổi mới cách thức tổ chức sản xuất; đẩy mạnh liên kết giữa sản xuất theo nhu cầu của thị trường, tăng cường ứng dụng

khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn; nâng cao thu nhập, đời sống của Nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Chuyển đổi một số cây có hiệu quả kinh tế thấp sang hiệu quả kinh tế cao. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu; quản lý dịch hại tổng hợp “IPM”; nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sinh vật gây hại cây trồng, chủ động phòng ngừa đối với loại sâu bệnh mới...

- Áp dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn đáp ứng các nhu cầu của thị trường và phù hợp với điều kiện của huyện; đồng thời áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, tăng sức cạnh tranh và giảm giá thành sản phẩm.

- Ứng dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (Global Gap, Viet Gap, Organic...) và công nghệ tưới tiết kiệm nhằm giảm chi phí, tiết kiệm được phân bón, thuốc trừ sâu, từ đó, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng cho sản phẩm, từng bước xây dựng thương hiệu cho các nông sản chủ lực trên địa bàn huyện.

- Tăng cường đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp. Đồng thời ứng dụng công nghệ sinh học vào trồng trọt, công nghệ sản xuất rau sạch. Tăng cường truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm sơ chế, chế biến như cà phê, tiêu, bơ, mắc ka... Khuyến khích các hộ, trang trại phát triển các loại cây đặc sản, các vật nuôi đặc sản có giá trị kinh tế cao, kết hợp với dịch vụ du lịch. Nâng cao năng lực của hệ thống khuyến nông, thú y tại cơ sở; xây dựng các vùng sản xuất nông sản an toàn ứng dụng công nghệ cao; đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản chủ lực của huyện.

- Từng bước xây dựng thương hiệu và chuỗi liên kết các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện như: cà phê, hồ tiêu, cây ăn trái..., đảm bảo chất lượng hàng hóa nông sản đạt tiêu chuẩn an toàn, và truy xuất được nguồn gốc sản phẩm; nâng cao năng lực cạnh tranh và ổn định đầu ra cho các mặt hàng nông sản. Ứng dụng công nghệ sau thu hoạch và bảo quản, chế biến sâu các sản phẩm nông sản nhằm nâng cao giá trị các mặt hàng và lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp tại địa phương.

- Tăng cường công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng kinh tế, chế biến lâm sản, nhất là hàng lâm sản xuất khẩu. Phát triển mạnh trồng rừng kinh tế chất

lượng và hiệu quả cao. Hạn chế tình trạng xâm canh, chặt phá, khai thác gỗ trái phép; khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Khuyến khích phát triển chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm hướng hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, gắn với chế biến sản phẩm và xử lý chất thải. Duy trì đàn gia súc gia cầm, không để dịch bệnh, xảy ra, lây lan trên địa bàn. Ưu tiên phát triển đàn gia súc ăn cỏ, khai thác có hiệu quả các diện tích chuyển sang chăn nuôi, thủy sản và trồng cỏ phục vụ cho chăn nuôi. Định hướng phát triển chăn nuôi quy mô theo hướng tập trung trang trại lớn kết hợp với trang trại vừa và nhỏ tùy theo điều kiện từng địa phương. Tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản trong cơ cấu nông nghiệp. Quản lý vận chuyển, giết mổ động vật đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước ngọt cùng với chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp, cần khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cải tạo ao hồ, diện tích mặt nước sông suối chưa sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để hình thành và phát triển mạnh các doanh nghiệp nông thôn, nhất là các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sử dụng nguyên liệu và thu hút nhiều lao động nông nghiệp tại chỗ, doanh nghiệp dịch vụ cung cấp vật tư, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản cho nông dân. Khuyến khích việc ký kết các hợp đồng liên kết trong sản xuất giữa doanh nghiệp và người dân để người dân yên tâm sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Thực hiện chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo các mô hình trang trại sản xuất hàng hoá lớn. Khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế hộ và kinh tế trang trại phát triển. Các biện pháp khuyến khích cần tập trung hỗ trợ về vốn, về chuyển đổi và tích tụ đất đai, về đào tạo bồi dưỡng và chuyển giao những kiến thức và kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác

- Tăng cường nguồn vốn tín dụng, sử dụng tốt các quỹ tín dụng và quỹ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, mở rộng mạng lưới hợp tác xã tín dụng nhằm tạo điều kiện để các hộ nông dân vay vốn thuận lợi. Tăng cường chính sách cho vay vốn trung và dài hạn cho hộ và trang trại để họ có điều kiện đầu tư phát triển hàng hoá.

- Cần tiếp tục và mở nhiều lớp tập huấn về chuyển đổi số trong nông nghiệp,

xây dựng thương hiệu một số sản phẩm có lợi thế mạnh của địa phương, tìm kiếm thị trường, góp phần giải quyết việc làm, tạo chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Chuyển giao các kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi những giống cây, con có giá trị kinh tế cao. Hỗ trợ kinh phí để xây dựng các mô hình trình diễn tiên bộ kỹ thuật mới trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn trong việc thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác để hỗ trợ nhau trong quá trình sản xuất và tiêu thụ nông sản; đồng thời xây dựng các mô hình điểm, mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả để phổ biến và nhân rộng trong Nhân dân; đồng thời nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, quản lý và tổ chức sản xuất cho cán bộ nòng cốt của các hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn thông qua các lớp đào tạo, tập huấn.

- Tạo điều kiện và hỗ trợ nông dân giao lưu và trao đổi hàng hoá bằng việc hướng dẫn chuyển đổi số, công tác tiếp thị, quảng cáo các sản phẩm hàng hoá tập trung, có quy mô lớn. Xúc tiến các chương trình hợp tác trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, phát triển và mở rộng các loại dịch vụ của các HTX nông nghiệp nhằm nâng cao chuỗi giá trị của sản phẩm nông nghiệp hàng hoá.

- Đẩy mạnh việc thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn thông qua việc thực hiện Đề án cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước đưa kinh tế hộ nông dân và kinh tế trang trại dần trở thành tế bào của kinh tế thị trường, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người nông dân; đồng thời hỗ trợ Nhân dân trên địa bàn từng bước tiếp cận với bảo hiểm nông nghiệp.

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn bao gồm: hệ thống thủy lợi để đảm bảo nguồn nước tưới chủ động cho diện tích cây công nghiệp; hệ thống giao thông nông thôn; điện sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

- Xử lý kiên quyết, triệt để các vi phạm pháp luật về đất đai; giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, bức xúc của người dân về đất đai nhằm hạn chế tình trạng khiếu kiện vượt cấp, kéo dài, đông người gây mất trật tự, an toàn xã hội.

(2) Giải pháp phát triển công nghiệp

- Chủ động, tích cực đồng hành, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị Tổ hợp

Alumin – Nhôm theo chương trình của tỉnh và kế hoạch của nhà đầu tư để tạo bước đột phá trong phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện. Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng để đáp ứng tốt nhu cầu phát triển Tổ hợp Alumin – Nhôm

- Rà soát, bổ sung quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất gắn với quy hoạch kinh tế - xã hội hướng đến tầm nhìn để Đắc R' Lấp thành đô thị Trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, phụ trợ Alumin – Nhôm và dịch vụ chuyên sâu phục vụ cho nhu cầu phát triển chuỗi giá trị Tổ hợp Alumin – Nhôm (logistic, ngân hàng – tài chính; khoa học - công nghệ- thương mại – dịch vụ...) kết nối với vùng kinh tế động lực phía Nam.

- Tập trung phát triển công nghiệp khai khoáng, trọng tâm là vật liệu xây dựng với các nhà máy sản xuất: vật liệu không nung, công nghiệp chế biến cà phê, cao su, điều, gỗ tinh chế. Chú trọng kêu gọi đầu tư phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, nhất là sản xuất nguyên, phụ liệu phục vụ ngành công nghiệp khai khoáng bô xít, thủy điện.

- Tăng cường triển khai và thực hiện có hiệu quả các chương trình khuyến công quốc gia và địa phương nhằm thúc đẩy công nghiệp nông thôn phát triển, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống xã hội ở nông thôn.

- Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương về vai trò và nội dung của chính sách phát triển công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc lãnh đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp trên địa bàn huyện là một trong những nội dung quan trọng của các cấp ủy đảng, chính quyền.

- Để thúc đẩy phát triển công nghiệp, huyện cần triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương, địa phương nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng tích cực, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo với hàm lượng khoa học công nghệ cao trong giá trị sản phẩm; tăng cường ứng dụng máy móc, thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào trong sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tạo nhiều sản phẩm có thương hiệu cạnh tranh tham gia chuỗi giá trị ở thị trường trong nước và thế giới.

- Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ các số cơ sở sản xuất, kinh doanh công nghiệp trên địa bàn huyện trong việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các cơ sở sản

xuất này là tiền đề quan trọng để mở rộng quy mô và phát triển thành doanh nghiệp trong tương lai.

- Tăng cường phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông để hỗ trợ các doanh nghiệp trong ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến để tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ưu tiên, khuyến khích các dự án sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường của các cơ sở công nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

- Tăng cường các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ nhằm phát huy năng lực sản xuất của các Nhà máy sơ chế biến xuất khẩu trên địa bàn. Triển khai Kế hoạch hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm, tem truy suất nguồn gốc, vật tư cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên địa bàn Huyện.

- Huyện cần vận dụng linh hoạt các chính sách của tỉnh và Trung ương trong kêu gọi đầu tư mọi thành phần kinh tế vào đầu tư phát triển công nghiệp, đồng thời tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các cơ sở, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tích cực quảng bá, kêu gọi đầu tư và giới thiệu tiềm năng, lợi thế của huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng, như: Trang thông tin điện tử huyện, Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh... song song đó, cần tập trung các giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng và thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn, thực hiện các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn, đặc biệt là đầu tư vào ngành công nghiệp Alumin – Nhôm – công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến sâu nông sản và nông nghiệp công nghệ cao.

- Chủ động triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi hiện có. Rà soát, nghiên cứu đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách ưu đãi của tỉnh và huyện cho phù hợp với từng thời kỳ nhằm thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Xây dựng và công khai danh mục dự án thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng vào đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp. Tổ chức, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp, cơ sở kinh doanh công nghiệp tham gia hội chợ, xúc tiến tìm kiếm, phát

triển thị trường tiêu thụ...

- Triển khai thực hiện tốt công tác cải cách hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuận lợi trong việc giao dịch, đăng ký các thủ tục hành chính. Góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để thúc đẩy công nghiệp phát triển.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đăng ký sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ phát triển và chuyển đổi thành các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc tham gia hợp tác xã. Tạo môi trường bình đẳng cho hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp như cho thuê đất, vay vốn tín dụng, xuất khẩu, hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ, dịch vụ và kỹ thuật...

(3) Giải pháp phát triển các ngành thương mại - dịch vụ, du lịch

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trong môi trường kinh doanh hội nhập và cạnh tranh đến các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền sâu rộng tới mọi tầng lớp Nhân dân về chủ trương, chính sách thu hút đầu tư, các quy định có liên quan để các đơn vị, tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ được biết có kế hoạch đầu tư phát triển bảo đảm đúng định hướng của tỉnh và thành huyện.

- Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ, thương mại góp phần đẩy nhanh tốc độ lưu thông hàng hóa trên địa bàn huyện. Huy động mọi nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển thương mại, dịch vụ. Có các chính sách hỗ trợ trực tiếp trong quá trình phát triển cơ sở vật chất thương mại như xây dựng chợ và siêu thị.

- Tìm nguồn vốn đầu tư để hoàn thiện san ủi khu đồi rạp hát, tìm kiếm nhà đầu tư để xây dựng khu trung tâm thương mại. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn huyện, để đảm bảo cung ứng hàng hóa, phục vụ nhân dân trên địa bàn huyện.

- Đổi mới phương thức kinh doanh theo hướng văn minh, hiện đại từng bước phát triển phù hợp với xu thế chung của tỉnh và cả nước. Tăng cường phối hợp để nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng, củng cố thị trường, đẩy mạnh sản xuất. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương

mại tiêu thụ nông sản thực phẩm vào các kênh phân phối hiện đại như: Trung tâm thương mại, siêu thị, các chợ.

- Cần rà soát, đánh giá lại hệ thống các đại lý, tổng đại lý phân phối, siêu thị nhỏ, cửa hàng bán lẻ hiện có theo các điều kiện quy định của Bộ Công thương, công nhận xếp loại những cơ sở đủ điều kiện, đồng thời loại bỏ những cơ sở không đạt tiêu chuẩn nhằm tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch trong lĩnh vực thương mại.

- Phối hợp các đơn vị tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn kinh nghiệm xây dựng, phát triển hệ thống phân phối, kỹ năng bán hàng, văn hóa kinh doanh; gặp gỡ, liên kết các nhà cung cấp, nhà phân phối và nhà bán lẻ nhằm phát triển các kênh phân phối lâu dài, chú trọng thị trường nông thôn; đồng thời hỗ trợ nông dân liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vào hệ thống phân phối trên địa bàn và các tỉnh bạn như: Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ...

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh. Xây dựng các chính sách bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các đơn vị kinh doanh, khai thác ổn định và nâng cấp, cải tạo các loại hình vận tải hiện có trên địa bàn như: loại hình vận tải liên tỉnh, taxi, xe buýt...; phát triển cơ sở hạ tầng giao thông theo Đề án nông thôn mới và theo định hướng quy hoạch đô thị. Tăng cường dịch vụ vận chuyển về địa bàn vùng nông thôn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Tạo thuận lợi cho các ngân hàng và tổ chức tín dụng hoạt động trên địa bàn phát triển mạng lưới, đa dạng hóa các dịch vụ ngân hàng, tín dụng; ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động nghiệp vụ; xây dựng văn hóa kinh doanh ngân hàng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính viễn thông trong phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ. Tổ chức thực hiện phát triển bưu chính viễn thông về nông thôn theo tiêu chí quốc gia về nông thôn mới tại Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập trung nguồn vốn ngân sách và thu hút nguồn vốn xã hội hóa hoàn thiện các tuyến đường giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà đầu tư và du khách tiếp cận các vùng quy hoạch du lịch và điểm du lịch của huyện; hình thành và phối hợp mở các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng, qua đó quảng bá hình ảnh huyện nói riêng, tỉnh

Đăk Nông nói chung

- Xúc tiến công tác quảng bá tiềm năng du lịch và có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư khai thác các tiềm năng du lịch của huyện. Kêu gọi đầu tư khai thác điểm du lịch thác 5 tầng, khu du lịch sinh thái Phước Sơn, du lịch cộng đồng.....tạo sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với tham quan các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có hiệu quả, như vườn cây ăn trái, trang trại trên địa bàn huyện để thu hút du khách. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư các khu, điểm du lịch gắn với phát triển các dịch vụ lưu trú, ẩm thực, lễ hành, vui chơi giải trí...

3.11.3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

(1) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để đảm bảo đủ về số lượng, mạnh về chất lượng

- Huyện cần thực hiện công tác rà soát lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến các lĩnh vực hiện có để xác định cụ thể số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Từ đó có quy hoạch, kế hoạch tuyển dụng, bố trí sử dụng cán bộ, công chức phù hợp, không để tình trạng thừa về số lượng, thiếu về chất lượng. Việc rà soát phải được tiến hành đồng loạt và triệt để từ cấp huyện đến cấp cơ sở. Những cán bộ công chức, đặc biệt là cán bộ, công chức đứng đầu các cấp, các bộ phận nếu chưa đạt chuẩn về trình độ học vấn, năng lực quản lý để điều hành công việc thì phải có cơ chế luân chuyển sang công việc khác phù hợp với trình độ, năng lực.

- Xác định nhu cầu và lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ, công chức. Đối với cán bộ, công chức có trình độ, năng lực còn hạn chế, chưa phù hợp với yêu cầu công việc, cần xây dựng những khoá đào tạo ngắn hạn phù hợp với nghiệp vụ chuyên môn. Khâu tổ chức đào tạo phải nghiêm túc, tránh tình trạng việc đăng ký mở lớp chưa thực hiện đúng quy định; chất lượng giảng dạy kém hiệu quả. Tổ chức đào tạo phải gắn với nhu cầu thực tế, tránh tình trạng chạy theo số lượng làm giảm tính hiệu quả của chương trình đào tạo, gây lãng phí nguồn lực. Nếu nguồn lực của địa phương chưa thể tự mở lớp đào tạo, có thể cử cán bộ đi học hoặc mời giảng viên từ các trường có uy tín, có tính chuyên nghiệp. Tập trung đào tạo cán bộ, công chức vào những lĩnh vực ngành nghề phù hợp với công tác chuyên môn của cán bộ công chức, đặc biệt cần tập trung vào lĩnh vực đầu tư, quản lý công, luật, quản lý hành chính, quản lý doanh nghiệp...

- Huyện cần xây dựng ngân sách hàng năm để hỗ trợ cho cán bộ công chức đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, có chính sách trợ cấp cho cán bộ, công chức, đi học tập, bồi dưỡng phù hợp để tăng tính trách nhiệm của cán bộ, công chức. Đặc biệt, có chính sách khuyến khích đối với cán bộ tự nguyện đi học bằng kinh phí cá nhân, cán bộ có nguyện vọng đi học bậc sau đại học và phải có cơ chế kiểm tra, giám sát chất lượng người học.

- Minh bạch hoá quy trình tuyển dụng, quy định chuẩn trình độ cho cán bộ công chức để ngay khi tuyển dụng đã chọn được người có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu công việc. Coi trọng phương pháp tuyển dụng nhân sự đáp ứng tất cả các tiêu chí cần thiết của vị trí công việc; đánh giá đúng năng lực thực hiện công việc thực tế của cán bộ, công chức; tạo động lực làm việc đúng đắn cho cán bộ, công chức.

- Nâng cao nhận thức, đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức. Thường xuyên tuyên truyền đến từng cơ quan đơn vị để nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, tác phong làm việc khoa học, nề nếp kỷ cương, thực hiện có hiệu quả quỹ thời gian làm việc nơi công sở. Để làm được điều này, cần phải:

+ Xây dựng quy định đánh giá cán bộ, công chức để có cơ chế thưởng phạt nghiêm minh nhằm động viên khuyến khích cán bộ, công chức. Quy trình đánh giá phải được thực hiện nghiêm túc, xác định rõ cán bộ công chức hoàn thành nhiệm vụ; cán bộ, công chức không làm tròn công vụ, có biểu hiện những thiếu, vói vĩnh, tham ô, tham nhũng và bị nhân dân và nhà đầu tư than phiền. Từ đó có cơ chế khen thưởng những người có thành tích tốt và xử lý nghiêm minh những cá nhân vi phạm đạo đức công vụ.

+ Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức liên quan tới doanh nghiệp hay công tác đầu tư để kịp thời xử lý và khen thưởng đúng theo quy định nhằm xiết chặt kỷ cương, lề lối làm việc, chấn chỉnh và nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước liên quan đến đầu tư.

+ Phải có cơ chế thực hiện luân chuyển công việc để rèn luyện cán bộ, công chức trong thực tiễn.

(2) Nâng cao chất lượng nguồn lao động, chú trọng nguồn lao động có tay nghề cao, có tác phong chuyên nghiệp

Một là, đối với lao động phổ thông

- Lực lượng lao động phổ thông cơ bản có trình độ nhận thức và kiến thức hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, phải có chính sách hỗ trợ, có các chương trình kế hoạch tuyên truyền, giáo dục nhận thức, kiến thức về pháp luật cho người lao động. Đồng thời có biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao tay nghề phù hợp với ngành nghề người lao động đang có lợi thế. Thông qua đó, giáo dục kỹ năng, tác phong chuyên nghiệp trong lao động nhằm nâng cao ý thức kỷ luật của người lao động.

- Phối hợp cùng với các DN, nhà đầu tư, người sử dụng lao động, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, có mức thu nhập bảo đảm cuộc sống gia đình họ nhằm hạn chế tình trạng người lao động “chạy xô” theo mùa vụ, theo công việc và theo mức thu nhập.

Hai là, đối với lao động có chuyên môn tay nghề

- Rà soát lại các chương trình đào tạo tại trung tâm dạy nghề, có kế hoạch đào tạo nghề theo hướng đơn đặt hàng và đón đầu xu hướng đầu tư mới. Có định hướng các ngành nghề và lĩnh vực đầu tư vào huyện; từ đó quy hoạch cụ thể, xác định nhu cầu đối với lao động chuyên môn có tay nghề để đào tạo những ngành nghề phù hợp đáp ứng nhu cầu về lao động cả số lượng và chất lượng; tránh đào tạo tràn lan, người lao động học nghề nhưng không có việc để làm, những ngành nghề cần lao động thì lại thiếu, trong khi thuê lao động ngoài tỉnh thì chi phí cao, không hấp dẫn được các nhà đầu tư vì không tạo ra lợi nhuận cao.

- Phát triển hệ thống đào tạo nghề đi đôi với việc chuẩn hóa chương trình đào tạo. Đào tạo nghề gắn với yêu cầu phát triển của huyện, thực hiện xã hội hóa đào tạo nghề, trước mắt cần thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thanh niên và người dân tộc thiểu số.

- Có chính sách tạo điều kiện cho người lao động đã qua đào tạo có việc làm ổn định; sử dụng có hiệu quả nguồn lao động này đồng thời tạo điều kiện cho người lao động phát huy khả năng tay nghề trong lao động sản xuất.

- Thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề để tạo cơ hội cho người lao động nâng cao trình độ tay nghề nhằm đóng góp tốt hơn cho lao động sản xuất và nâng cao thu nhập.

- Bên cạnh phát triển hệ thống đào tạo nghề thì việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên cũng là việc làm cần ưu tiên vì có Thầy giỏi mới có những người thợ giỏi. Do vậy, cần xây dựng tiêu chuẩn giáo viên, xây dựng tiêu chí đánh giá và thực hiện việc đánh giá thành tích của từng giáo viên nhằm tạo động lực, kích thích sự học hỏi và phấn đấu trong tập thể giáo viên. Thu hút và đãi ngộ xứng đáng đối với những giáo viên giỏi nghiệp vụ và giàu kinh nghiệm thực tế, nhằm thúc đẩy sự cống hiến của họ trong sự nghiệp giáo dục đào tạo nghề của huyện.

Ba là, đối với lao động có trình độ kỹ thuật cao

- Để đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư vào các lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, nhất là các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế tạo, chế biến, khai khoáng; ngoài nguồn lao động phổ thông và lao động tay nghề cần thiết, đòi hỏi có nguồn lao động có trình độ kỹ thuật cao, đáp ứng nhu cầu lao động, sản xuất của nhà đầu tư. Muốn giải quyết được vấn đề này, đòi hỏi huyện cần chú trọng công tác đào tạo và sử dụng cho người lao động có trình độ kỹ thuật cao. Trong đó:

- Ưu tiên đào tạo những ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chế biến, chế tạo và khai khoáng phù hợp với các lĩnh vực đang là lợi thế của huyện; gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ sự phát triển của Huyện.

- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các công ty liên doanh, các DN 100% vốn nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề, nhất là quá trình chuyển giao công nghệ, cải thiện các yếu tố về mặt pháp lý... Điều này cho phép tận dụng được các ưu thế công nghệ, kinh nghiệm đào tạo nhân lực có chất lượng cao của các đối tác nước ngoài, giúp người lao động Huyện có điều kiện tiếp cận với kỹ thuật tiên tiến và hiện đại.

- Tăng cường các hình thức hợp tác quốc tế về dạy nghề như trao đổi kinh nghiệm, hội thảo, tập huấn, liên kết đào tạo nước ngoài với những nghề mà trong nước, trong tỉnh và huyện chưa đủ điều kiện đào tạo, nhằm cung cấp nguồn lao động có trình độ kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ DN trong việc cạnh tranh, thu hút lao động có trình độ cao từ nơi khác về cống hiến cho địa phương như các kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao, thợ giỏi, các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ; có chế độ đãi ngộ thích đáng, phối hợp cùng với nhà đầu tư quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho

người lao động để họ yên tâm lao động gắn bó với DN và địa phương.

- Hằng năm, huyện phối hợp cùng các nhà đầu tư tổ chức các hội thi, hội thao kỹ thuật nghề; qua đó phát hiện kịp thời, có chính sách bồi dưỡng và đào tạo nâng cao đối với người lao động có trình độ năng lực và kiến thức giỏi để họ có điều kiện phát huy khả năng của mình trong lao động và cống hiến, đặc biệt trong ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ vào lao động sản xuất.

- Ngoài ra, phải có cơ chế quản lý đối với việc xây dựng chế độ trả lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ của các DN cho người lao động một cách công bằng, hợp lý và có tính động viên khuyến khích cao. Đảm bảo mức lương cho người lao động phải ngang bằng hoặc cao hơn mức lương chung của các DN cùng ngành nghề trong khu vực; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động trên địa bàn Huyện về các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

(3) Đẩy mạnh các hoạt động nâng cao trình độ dân trí

Nhìn chung trình độ dân trí của tỉnh nói chung và huyện nói riêng còn thấp so với các địa phương khác trong cả nước, huyện tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, còn tồn tại nhiều phong tục tập quán lạc hậu; dân di cư vào Huyện cũng tương đối lớn. Trình độ dân trí thấp kéo theo nhiều hệ lụy khác ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư. Vì vậy, cần phải nâng cao trình độ dân trí là nhiệm vụ hết sức quan trọng để hạn chế tình trạng trên, trong đó tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

- Tuyên truyền giáo dục nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là chính sách dân tộc – tôn giáo giúp người dân nhận thức rõ âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch.

- Có chính sách ưu đãi, ưu tiên, khuyến khích, tạo điều kiện cho mọi người dân được tham gia học tập, sinh hoạt đặc biệt là người dân tộc thiểu số nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức, giúp họ hăng say lao động sản xuất, ổn định cuộc sống.

- Ưu tiên mở trường, lớp, nhà trẻ, mẫu giáo công lập ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện việc cử tuyển đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học là người dân tộc thiểu số được hưởng lương trong biên chế, số giáo viên này sau khi học ra trường sẽ bố trí về phục vụ các buôn làng xa xôi hẻo lánh, phù hợp với điều kiện công tác và cuộc sống gia đình họ.

- Ưu tiên phân công giáo viên có trình độ năng lực chuyên môn cho các trường

phổ thông dân tộc nội trú, đồng thời thực hiện tốt các chế độ chính sách để đội ngũ này yên tâm công tác, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục, phát triển của Huyện.

- Ưu tiên các nguồn vốn tài trợ, các dự án, các chương trình mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ công tác giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

- Hỗ trợ kinh phí của địa phương để thu hút ngày càng nhiều học sinh dân tộc thiểu số đến trường như: miễn học phí cho con em người dân tộc thiểu số, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ cấp phát sách, vở và đồ dùng miễn phí; vận động xã hội quyên góp hỗ trợ giúp con em đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện đến trường.

- Mở các lớp tập huấn, giáo dục cho người dân về kiến thức lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống, biết cách làm ăn thoát nghèo, xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, có ý thức cộng đồng.

- Bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất (trường học, đội ngũ giáo viên, nguồn kinh phí, chế độ đãi ngộ...) để thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phấn đấu đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong toàn Huyện; mở các lớp xoá mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số.

(4) Các giải pháp phát triển nhân lực trong dài hạn

- Có chính sách đào tạo cán bộ là các em học sinh, sinh viên; thông qua các cuộc thi học sinh, sinh viên giỏi; cấp học bổng toàn phần cho các em học tập trong và ngoài nước; tạo điều kiện cho các em học tập nghiên cứu và trở về cống hiến cho địa phương.

- Đối với người dân tộc thiểu số nên đào tạo các lớp thiếu sinh quân, sau đó đào tạo cử tuyển, phải định hướng ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng cán bộ, công chức của huyện.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục, đào tạo; coi đây là nhiệm vụ xuyên suốt trong xây dựng và phát triển KT-XH của huyện; toàn dân có nghĩa vụ chăm lo phát triển giáo dục, muốn vậy huyện cần phải:

+ Huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành có liên quan đến giáo dục vào việc phát triển sự nghiệp giáo dục. Sự tham gia của các lực lượng này sẽ làm cho giáo dục gắn bó với cộng đồng, do cộng đồng thực hiện và vì lợi ích của cộng đồng.

+ Đa dạng hóa các hình thức giáo dục và các loại hình nhà trường. Việc mở rộng các hình thức giáo dục phi chính quy bên cạnh các hình thức giáo dục chính quy sẽ mở

ra khả năng huy động nhiều lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục, tạo điều kiện cho công tác giáo dục phát triển mạnh mẽ hơn, thực hiện hiệu quả hơn nhiệm vụ: “Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”.

+ Tìm kiếm các nguồn lực đầu tư cho công tác giáo dục nhằm khai thác tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài lực trong xã hội, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nhân dân, tạo điều kiện cho giáo dục phát triển. Các nguồn lực có thể thu hút từ các cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ, tổ chức hội, đoàn thể, cá nhân có lòng hảo tâm... tự nguyện đóng góp để phát triển giáo dục.

3.11.4. Giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ

- Tiếp tục thực hiện Kết luận 50/KL-TW NGÀY 30/5/2019 của Ban Bí thư tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 6 khoá XI về phát triển khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xác định khoa học công nghệ là yếu tố cốt lõi trong việc xây dựng và thẩm định các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Huyện cần chủ động phối hợp với các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ quan quản lý ở Trung ương và Tỉnh để nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, tập trung trước hết vào một số lĩnh vực như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các loại giống mới, nông nghiệp công nghệ cao, hình thành các vùng chuyên canh tập trung lớn, phát triển du lịch sinh thái...

- Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thông tin KH&CN. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức KH&CN, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN, các tổ chức ứng dụng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của huyện. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản của Huyện.

- Đưa khoa học - công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap để hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Nghiên cứu công nghệ bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch, từng bước nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm chế biến phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Từng bước ứng dụng

công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao, chất lượng tốt; ứng dụng công nghệ tự động hóa vào sản xuất.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện dự án đổi mới khoa học công nghệ. Tăng cường hiệu quả quản lý, năng lực kỹ thuật của hoạt động đo lường thử nghiệm về năng suất, chất lượng của các sản phẩm hàng hóa chủ lực tại địa phương; đánh giá trình độ, chất lượng của sản phẩm hàng hóa.

- Có chính sách ưu tiên cho các cơ sở và hộ nông dân tiếp thu các thành tựu khoa học, công nghệ mới trong việc phát triển kinh tế trang trại và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các cơ sở chuyển đổi phương hướng sản xuất kinh doanh. Các giải pháp ưu tiên bao gồm: cho vay vốn ưu đãi, miễn giảm thuế, ưu tiên xét duyệt đầu tư v.v...

- Tăng cường ứng dụng công nghệ mới, nhất là thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số vào công tác quản lý trên địa bàn. Để thực hiện được yêu cầu này, cần có một chương trình về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào trong công tác quản lý. Trong đó, vấn đề đầu tư trang thiết bị và đào tạo nguồn nhân lực để khai thác và vận hành có hiệu quả công nghệ thông tin cần đi trước một bước.

- Khuyến khích người lao động thuộc các thành phần kinh tế tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và quản lý sản xuất kinh doanh. Có biện pháp cụ thể khuyến khích cán bộ khoa học và công nghệ nâng cao trình độ chuyên môn.

3.11.5. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Nghiên cứu những chính sách ưu của chính phủ trong phân bổ vốn đầu tư công cho các chương trình trọng điểm đối với các tỉnh miền núi để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh nói chung và huyện nói riêng.

- Rà soát lại các chính sách ưu đãi hiện hành và những khó khăn trong cơ chế thực thi các chính sách ưu đãi để làm cơ sở cho việc hoàn thiện chính sách. Nghiên cứu kinh nghiệm về chính sách ưu đãi của các địa phương lân cận và các địa phương có tính tương đồng để đề xuất xây dựng chính sách ưu đãi của tỉnh và huyện mang tính cạnh tranh.

- Xây dựng lại chính sách ưu đãi trong thu hút đầu tư, trong đó tập trung vào ba nhóm ngành được ưu tiên, trên nguyên tắc đảm bảo các nguồn lực để thực thi các ưu đãi. Hoàn thiện cơ chế thực thi chính sách ưu đãi để đảm bảo khả năng thực hiện trong thực tế.

- Có chính sách ưu tiên cho các cơ sở và hộ nông dân tiếp thu các thành tựu khoa học, công nghệ mới trong việc phát triển kinh tế trang trại và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các cơ sở chuyển đổi phương hướng sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ các số cơ sở sản xuất, kinh doanh công nghiệp trên địa bàn Huyện trong việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Rà soát, nghiên cứu để đề xuất những điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách ưu đãi của tỉnh và huyện cho phù hợp với từng thời kỳ nhằm thu hút đầu tư, phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa. Bước đầu hình thành và phát triển hệ thống các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp.

- Xây dựng chính sách thu hút cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn cao, năng lực quản lý điều hành giỏi; tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp từ những trường đại học công lập làm cán bộ cấp cơ sở, có chính sách hỗ trợ về nhà ở, lương bổng để thu hút nguồn nhân lực. Ngoài ra, cần xây dựng chính sách ưu tiên cho những trí thức trẻ là người địa phương, đặc biệt ưu tiên cho cán bộ nữ và cán bộ là người dân tộc thiểu số tại chỗ. Bởi họ là người hiểu rõ và nắm bắt được những tâm tư, nguyện vọng, phong tục, tập quán của đồng bào địa phương nên dễ dàng giải quyết những vấn đề phức tạp có thể phát sinh.

Phụ lục: Danh mục các dự án cần đầu tư/kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2030

STT	Lĩnh vực	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
I	Lĩnh vực nông nghiệp		
01	Hạ tầng kỹ thuật khu chăn nuôi tập trung sinh học (các xã phía nam không định hướng phát triển lên phường)	2021-2025	Ngân sách
02	Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Đăk Wer và Kiến Thành	2021-2025	Ngân sách
03	Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Đăk Ru và Đăk Sin	2026-2030	Ngân sách
04	Thực hiện đề án tái cơ cấu nền nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	2021-2030	Ngân sách
05	Xây dựng và triển khai đề án phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn Huyện Đăk R'láp	2021-2030	Ngân sách
06	Xây dựng và triển khai đề án phát triển chuỗi giá trị các nông sản chủ lực trên địa bàn Huyện	2021-2030	Ngân sách
II	Lĩnh vực công nghiệp		
01	Nhà máy chế biến nông sản (cà phê, tiêu, điều, trái cây đóng hộp, nước trái cây, trái cây sấy...)	2021-2030	Kêu gọi đầu tư
02	Nhà máy sản xuất các sản phẩm hỗ trợ công nghiệp luyện nhôm, chế biến các sản phẩm sau nhôm	2026-2030	Kêu gọi đầu tư
03	Nhà máy chế biến sản phẩm hàng hóa tiêu dùng	2021-2030	Kêu gọi đầu tư
04	Xây dựng hạ tầng cho 02 cụm công nghiệp tại Quảng Tín và Đăk Ru	2026-2030	Ngân sách
III	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch		
01	Khu thương mại tại khu vực Chợ Kiến Đức hiện hữu	2021-2030	Ngân sách, Kêu gọi đầu tư
02	Xây dựng hệ thống chợ tại các điểm phường (khi thành lập thị xã Đăk R'láp) và xã	2026-2030	Ngân sách
03	Xây dựng các trung tâm thương mại, kho hàng hóa lớn, đi kèm với các cửa hàng bán lẻ, siêu thị mini	2026-2030	Kêu gọi đầu tư
04	Phát triển khu du lịch sinh thái tại Thác 5 tầng trên địa bàn Đăk Sin và Hưng Bình	2021-2030	Kêu gọi đầu tư

IV	Lĩnh vực giáo dục		
01	Các công trình xây mới, nâng cấp trường học theo kế hoạch nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Huyện đã được phê duyệt	2021-2025	Ngân sách
02	Nâng cấp, sửa chữa nhà 3 tầng trung tâm giáo dục thường xuyên cũ	2021-2025	Ngân sách
03	Đầu tư các phòng chức năng (phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng âm nhạc, phòng nghe nhìn, phòng truyền thông) và phòng thí nghiệm (Lý - hóa - sinh), phòng ngoại ngữ tại các trường học	2026-2030	Ngân sách
04	Thực hiện các đề án 03 về đổi mới, nâng cao hiệu quả dạy và học tại tất cả các cấp học trên địa bàn Huyện	2021-2030	Ngân sách
V	Lĩnh vực y tế		
01	Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở y tế xã, phường đã xây dựng nhưng đã xuống cấp.	2021-2030	Ngân sách
02	Các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân chất lượng cao	2026-2030	Kêu gọi đầu tư
VI	Lĩnh vực Văn hoá thông tin, thể dục thể thao		
01	Trung tâm văn hóa thể thao Huyện (hoàn thiện)	2021-2025	Ngân sách
02	Trung tâm văn hóa thể thao đa chức năng thị xã tại khu vực Kiến Thành, phía Đông Bắc Kiến Đức (khi thành lập thị xã)	2026-2030	Ngân sách
03	Nhà văn hóa xã Đắc Sin	2021-2025	Ngân sách
04	Trung tâm văn hóa thể thao xã Nghĩa Thắng	2021-2025	Ngân sách
05	Đầu tư trang thiết bị cho hạ tầng phát thanh truyền hình Huyện phù hợp với lộ trình số hóa theo kế hoạch số 346/KH-UBND ngày 05/07/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông	2021-2030	Ngân sách
06	Các công trình thể thao tư nhân (sân bóng mini, sân bóng chuyên, sân cầu lông, sân tennis, phòng tập gym, phòng tập Yoga)	2021-2030	Kêu gọi đầu tư
VII	Lao động, việc làm, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội		
01	Các đề án đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động hằng năm	2021-2030	Ngân sách
02	Các đề án xóa đói giảm nghèo trên địa bàn thành phố	2021-2030	Ngân sách

VIII	An ninh quốc phòng, trụ sở cơ quan		
01	Xây dựng các thao trường huấn luyện, các trận địa, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương trên địa bàn Huyện theo Quy hoạch	2021-2030	Ngân sách
02	Trụ sở công an thị trấn Kiến Đức	2021-2025	Ngân sách
03	Nhà làm việc công an xã Đắc Ru, Đắc Wer, Đạo Nghĩa, Hưng Bình, Nhân Đạo, Quảng Tín, Nghĩa Thắng, nhà một cửa xã Nhân Đạo	2021-2025	Ngân sách
04	Nhà làm việc công an xã Đắc Ru, Đắc Wer, Đạo Nghĩa, Hưng Bình, Nhân Đạo, Quảng Tín, Nghĩa Thắng, nhà một cửa xã Nhân Đạo	2021-2025	Ngân sách
IX	Hạ tầng giao thông		
01	Các công trình xây mới, nâng cấp các tuyến đường giao thông theo kế hoạch nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Huyện Đắc R'lap đã được phê duyệt	2021-2025	Ngân sách
02	Xây dựng bến xe tại xã Nhân Cơ và xã Nghĩa Thắng đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV	2021-2025	Ngân sách
03	Nâng cấp bến xe tại trung tâm huyện tại Kiến Đức đạt tiêu chuẩn bến xe liên tỉnh loại II	2026-2030	Ngân sách
04	Xây dựng bãi đỗ xe tập trung tại trung tâm phường Kiến Đức (khi thành lập thị xã Đắc R'lap)	2026-2030	Ngân sách, Kêu gọi đầu tư
05	Nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn, được nhựa hóa/bê tông hóa 90%, nâng cấp các tuyến đường xã theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi, cấp VI miền núi	2026-2030	Ngân sách
06	Xây dựng các tuyến đường tránh đô thị, nút giao đường tránh Kiến Đức và quốc lộ 14, đường đấu nối quốc lộ 14 với đường cao tốc,	2026-2030	Ngân sách
X	Hạ tầng thủy lợi		
02	Cải tạo, nạo vét các tuyến suối bồi lấp qua các năm để dẫn nước tưới cho các khu vực sản xuất nông nghiệp	2021-2030	Ngân sách
03	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hiện có, hoàn thiện cụm công trình thủy lợi, kiên cố hóa 100% hệ thống kênh mương	2021-2030	Ngân sách
XI	Hạ tầng cung cấp điện		
02	Ngầm hóa đường dây điện tại các khu dân cư và khu hành chính, một số vùng lõi đô thị tại Kiến Đức	2026-2030	Ngân sách

03	Phát triển các dự án năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời áp mái)	2026-2030	Kêu gọi đầu tư
XII	Hạ tầng cấp nước		
01	Trạm cấp nước số 1 (xã Nhân Cơ). Công suất dự kiến cấp nước giai đoạn 1 đến 2025 đạt 8.500m ³ /ngđ, giai đoạn 2 đạt 25.703m ³ /ngđ.	2021-2025	Ngân sách, kêu gọi đầu tư
02	Trạm cấp nước số 2 (xã Quảng Tín). Công suất dự kiến cấp nước giai đoạn 1 đến 2025 đạt 7.500m ³ /ngđ, giai đoạn 2 đạt 23.703m ³ /ngđ.	2021-2030	Ngân sách, kêu gọi đầu tư
03	Trạm bơm tăng áp ở các khu vực có địa hình phức tạp để đảm bảo đủ áp lực cần thiết cấp nước ở xa	2021-2030	Ngân sách, kêu gọi đầu tư
XIII	Hạ tầng thoát nước, thu gom và xử lý rác thải		
01	Đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng bãi rác chôn lấp tại xã Đạo Nghĩa	2021-2025	Ngân sách, kêu gọi đầu tư
02	Đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng bãi rác chôn lấp tại xã Hưng Bình	2026-2030	Ngân sách, kêu gọi đầu tư
03	Xây dựng 18 trạm xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp	2021-2030	Ngân sách
XIV	Hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan đô thị, khu dân cư, nghĩa trang		
01	Đề án nâng cấp đô thị loại IV huyện Đắk R'lấp (6 phường)	2021-2025	Ngân sách
02	Hạ tầng kỹ thuật đô thị, vỉa hè đường Nguyễn Tất Thành (Kiến Đức)	2021-2025	Ngân sách
03	Công viên: 3 công viên chính tại Kiến Đức, Kiến Thành và Quảng Tín kết hợp với hành lang cây xanh	2026-2030	Ngân sách
04	Thực hiện các đồ án Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn Huyện đã được phê duyệt	2021-2030	Kêu gọi đầu tư
05	Nghĩa trang Đắk R'lấp (công viên nghĩa trang tại Kiến Đức)	2026-2030	Kêu gọi đầu tư